

Sở GD&ĐT TP Đà Nẵng
Trường THPT Đỗ Đăng Tuyển
Tổ: Ngữ văn, KHBD khối 11
GV: Đoàn Thị Bích Hà
Ngày soạn: 29/8/2025
Ngày dạy: Tuần 1-4
Tiết 1-11

TÊN BÀI DẠY:

BÀI 1 – CÂU CHUYỆN VÀ ĐIỂM NHÌN TRONG TRUYỆN KỂ

Môn học: Ngữ Văn/Lớp: 11

Thời gian thực hiện: 11 tiết

A. TỔNG QUAN

MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Về năng lực đặc thù

- **Học sinh nhận biết và phân tích** được một số yếu tố của truyện ngắn hiện đại như: không gian, thời gian, câu chuyện, nhân vật, người kể chuyện ngôi thứ ba, người kể chuyện ngôi thứ nhất, sự thay đổi điểm nhìn, sự nối kết giữa lời người kể chuyện và lời nhân vật.
- **Học sinh phân tích** được các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, sự kiện, nhân vật và mối quan hệ của chúng trong tính chỉnh thể của tác phẩm; nhận xét được những chi tiết quan trọng trong việc thể hiện nội dung văn bản.
- **Học sinh nhận biết** được các đặc điểm cơ bản của ngôn ngữ viết và ngôn ngữ nói để có hướng vận dụng phù hợp, hiệu quả.
- **Học sinh viết** được văn bản nghị luận về một tác phẩm truyện, chú ý phân tích đặc điểm riêng trong cách kể của tác giả.
- **Học sinh thuyết trình** về nghệ thuật kể chuyện trong một tác phẩm truyện.

2.1 Về năng lực chung	- Học sinh phát triển: Tư duy phản biện, năng lực hợp tác, giải quyết vấn đề,...
3. Về phẩm chất	Học sinh thể hiện được tinh thần nhân văn trong việc nhìn nhận, đánh giá con người: đồng cảm với những hoàn cảnh, số phận không may mắn; trân trọng niềm khát khao được chia sẻ, yêu thương. - HS xác định được lí tưởng CM, đạo đức , lối sống.
NỘI DUNG BÀI HỌC	
Đọc	● Tri thức ngữ văn ● Vợ nhặt (Kim Lân) ● Chí Phèo (Nam Cao) ● Cái ơi! (Nguyễn Ngọc Tư)
Thực hành Tiếng Việt	● Đặc điểm ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết
Viết	● Viết văn bản nghị luận về một tác phẩm truyện (Những đặc điểm trong cách kể của tác giả)
Nói và nghe	● Thuyết trình về nghệ thuật kể chuyện trong một tác phẩm truyện
Củng cố mở rộng	● Ôn tập

B. TIẾN TRÌNH BÀI DẠY

TIẾT 1. TRI THỨC NGŨ VĂN

I. MỤC TIÊU

1. Về năng lực đặc thù

- **Học sinh nhận biết** được một số yếu tố của truyện ngắn hiện đại như: không gian, thời gian, câu chuyện, nhân vật, người kể chuyện ngôi thứ ba, người kể chuyện ngôi thứ nhất, sự thay đổi điểm nhìn, sự nối kết giữa lời người kể chuyện và lời nhân vật.
- **Học sinh chỉ ra** được vai trò của các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, sự kiện, nhân vật và mối quan hệ của chúng trong tính chỉnh thể của tác phẩm; **tìm và đánh giá** được chi tiết quan trọng trong việc thể hiện nội dung văn bản.

2. Về năng lực chung

- **Học sinh phát triển:** Tư duy phản biện, năng lực hợp tác, giải quyết vấn đề,...

3. Về phẩm chất: Học sinh thể hiện được tinh thần nhân văn trong việc nhìn nhận, đánh giá con người: đồng cảm với những hoàn cảnh, số phận không may mắn; trân trọng niềm khát khao được chia sẻ, yêu thương.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU

1. Học liệu: Sách giáo khoa, sách giáo viên, phiếu học tập

2. Thiết bị: Máy chiếu, bảng, dụng cụ khác nếu cần.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

TỔ CHỨC THỰC HIỆN	SẢN PHẨM
1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG – TẠO TÂM THẾ	

a. Mục tiêu hoạt động: Tạo tâm thế thoải mái và gợi dẫn cho học sinh về nội dung bài học b. Nội dung thực hiện: ❖ GV chiếu một số hình ảnh về truyện ngắn hiện đại HS đã học trong năm lớp 9 và lớp 10	
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập Giáo viên chiếu hình ảnh và hỏi đáp Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh suy nghĩ và trả lời Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh chia sẻ câu trả lời của mình trước lớp. Bước 4. Kết luận, nhận định Giáo viên dẫn dắt vào bài học	<i>Một số truyện ngắn</i> 1. Làng – Kim Lân 2. Lặng lẽ Sa Pa – Nguyễn Thành Long 3. Những ngôi sao xa xôi – Lê Minh Khuê 4. Một chuyện đùa nho nhỏ - Sê khốp 5. Dưới bóng hoàng lan – Thạch Lam 6. Chiếc lược ngà – Nguyễn Quang Sáng
2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI a. Mục tiêu hoạt động: - Học sinh nhận biết được một số yếu tố của truyện ngắn hiện đại như: không gian, thời gian, câu chuyện, nhân vật, người kể chuyện ngôi thứ ba, người kể chuyện ngôi thứ nhất, sự thay đổi điểm nhìn, sự nối kết giữa lời người kể chuyện và lời nhân vật. - Học sinh chỉ ra được vai trò của các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, sự kiện, nhân vật và mối quan hệ của chúng trong tính chỉnh thể của tác phẩm; tìm và đánh giá được chi tiết quan trọng trong việc thể hiện nội dung văn bản. b. Nội dung thực hiện: ● Học sinh đọc phần “Tri thức ngữ văn” trong SGK và kết hợp đọc tài liệu bổ trợ giáo viên đưa ● Học sinh thực hành cá nhân – thảo luận nhóm để tìm hiểu phần tri thức ngữ văn	
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập - GV chiếu khái niệm truyện ngắn hiện đại, phân biệt truyện kể và câu chuyện, lấy ví dụ cụ thể, HS đọc khái niệm SGK và điền khuyết các thông tin trên bài trình	1. Khái niệm - Truyện ngắn hiện đại là thể loại tự sự cỡ nhỏ, ở đó, sự ngắn gọn được nhìn nhận là một đặc trưng nổi bật, phản ánh nét riêng của tư duy thể loại. Truyện ngắn thường chỉ xoay quanh một, hai tình

chiều

- GV chiếu bảng ghép nối các khái niệm, yếu tố tự sự (của truyện ngắn hiện đại), HS nhớ lại kiến thức đã học và ghép nối thông tin

Hoạt động này có thể thực hiện thay thế bằng phiếu học tập (phụ lục)

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

Học sinh suy nghĩ và thực hiện

Bước 3. Báo cáo, thảo luận

Học sinh chia sẻ

Bước 4. Kết luận, nhận định

Giáo viên chốt những kiến thức cơ bản

huống diễn ra trong khoảng thời gian, không gian hạn chế. Tuy nhiên, những lát cắt đời sống này lại giàu sức khơi gợi, có thể gây ấn tượng mạnh đối với người đọc. Do dung lượng bị giới hạn, truyện ngắn đòi hỏi sự chặt chẽ, dồn nén của các chi tiết và việc vận dụng bút pháp chấm phá trong trần thuật.

- **Câu chuyện** (còn có thể gọi là truyện gốc) là nội dung của tác phẩm tự sự bao gồm nhân vật, bối cảnh và sự kiện được sắp xếp theo trật tự thời gian.

- **Truyện kể** gắn liền với câu chuyện nhưng không đồng nhất: nó bao gồm các sự kiện được tổ chức theo mạch kể của văn bản tự sự, gắn liền với vai trò của người kể chuyện, hệ thống điểm nhìn và lớp lời văn nghệ thuật. Chú ý đến truyện kể tức là chú ý đến **cách câu chuyện** được kể như thế nào.

Ví dụ:

Câu chuyện: Sắp xếp theo trật tự thời gian từ khi anh Chí nhỏ bị bỏ rơi □ Anh Chí đi làm thuê nhà Bá Kiến □ Anh Chí bị vào tù □ Ra tù trở thành Chí Phèo □ Anh Chí gặp Thị Nở □ Anh Chí bị cự tuyệt □ Anh Chí kết liễu Bá Kiến và chính mình

Truyện kể: Bao gồm đầy đủ các sự kiện trên, tuy nhiên, tác giả không kể từ việc Anh Chí nhỏ bị bỏ rơi mà bắt đầu từ sự kiện Anh Chí ra tù trở thành Chí Phèo với tiếng chửi đồng ở đầu truyện.

2. Các yếu tố và đặc điểm của các yếu tố trong tác phẩm tự sự

	Các yếu tố	Nội dung
1	Đề tài	Phạm vi hiện thực được phản ánh trong truyện

2	Cốt truyện, sự kiện	- Cốt truyện trong tác phẩm tự sự được tạo nên bởi chuỗi sự kiện, nằm dưới lớp vỏ trần thuật, làm nên cái sườn của tác phẩm. - Sự kiện phải là hành vi (việc làm của nhân vật hay sự việc xảy ra đối với nhân vật dẫn đến hậu quả, làm biến đổi hay bộc lộ ý nghĩa nào đó) - Chức năng cốt truyện: Thực hiện chức năng rất quan trọng trong truyện kể + Gắn kết các sự kiện thành một chuỗi, tạo thành lịch sử của một nhân vật, thực hiện việc khắc họa nhân vật + Bộc lộ các xung đột, mâu thuẫn của con người (xã hội, tâm lí, đạo đức...), tái hiện bức tranh đời sống + Tạo ra ý nghĩa nhân sinh có giá trị nhận thức + Gây hấp dẫn cho người đọc (người đọc luôn quan tâm đến số phận nhân vật)
3	Nhân vật	- Nhân vật là con người cụ thể được khắc họa trong

		tác phẩm văn học bằng các biện pháp nghệ thuật. Nhân vật được nhà văn nhận thức, tái tạo có thể là thần linh, loài vật, đồ vật,... nhưng khi ấy, chúng vẫn đại diện cho những tính cách, tâm lí, ý chí hay khát vọng của con người. Nhân vật là phương tiện để văn học khám phá và cắt nghĩa về con người. - Nhân vật dưới mọi hình thức đều có tích cách. Nhà văn sáng tạo nhân vật là để thể hiện những cá nhân xã hội nhất định và quan niệm về các cá nhân đó. Nói cách khác, nhân vật là phương tiện thể hiện các tính cách, số phận con người và các quan niệm về chúng. - Ý nghĩa nhân vật không chỉ thể hiện ở tính cách. Vì mỗi tính cách là kết tinh của một môi trường, cho nên nhân vật còn dẫn dắt ta vào một thế giới đời sống
4	Ngôi kể -	+ Ngôi thứ nhất: Người kể

	Điểm nhìn	xung “tôi”, nội dung kể không xâm phạm ra ngoài phạm vi hiểu biết, cảm nhận của người kể + Ngôi thứ ba : Người kể giấu mình, cho phép xâm nhập vào thế giới nội tâm, suy nghĩ và hành động của các nhân vật
	5 Chi tiết tiêu biểu	Là sự việc, chi tiết có khả năng phản ánh (đời sống); chứa đựng ý nghĩa, làm nổi bật chủ đề; khắc họa tính cách nhân vật
	6 Chủ đề, tư tưởng, cảm hứng chủ đạo	Cảm xúc, trạng thái tình cảm mãnh liệt, say đắm xuyên suốt tác phẩm gắn liền với một tư tưởng xác định, một đánh giá nhất định
	7 Ý nghĩa, thông điệp	Điều tác giả muốn gửi gắm, độc giả và người tiếp nhận rút ra được bài học
	8 Sáng tạo riêng	Cách truyền tải ý nghĩa, thông điệp của tác giả qua những sáng tạo độc đáo riêng về nội dung và hình thức.

Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập

- GV chia nhóm (nhóm lớn hoặc nhóm đôi) tìm hiểu về **ĐIỂM NHÌN** và **LỜI KỂ CHUYỆN – LỜI NHÂN VẬT**
- HS tìm hiểu bằng sơ đồ tư duy và kỹ thuật **BUS STOP**, xây dựng các chặng để thuyết trình cho nhóm bạn về việc tìm hiểu của bản thân.

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

Học sinh thảo luận, suy nghĩ và thực hiện

Bước 3. Báo cáo, thảo luận

Học sinh chia sẻ bài làm.

Bước 4. Kết luận, nhận định

Giáo viên chốt những kiến thức cơ bản

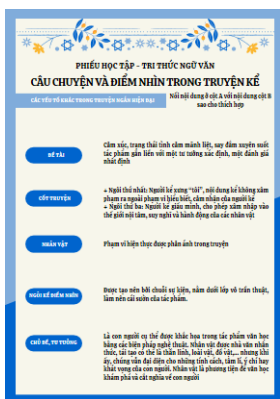
3. Điểm nhìn trong truyện kể

- Để câu chuyện được kể ra, nhất thiết phải có người kể chuyện (tức người biết, nhìn thấy và kể lại câu chuyện ấy). Người kể chuyện bao giờ cũng kể câu chuyện từ **điểm nhìn nhất định**, được hiểu là **vị trí để quan sát, trần thuật, đánh giá**.
- Có thể phân chia điểm nhìn trong tác phẩm tự sự thành nhiều loại khác nhau như:
 - + điểm nhìn của người kể chuyện
 - + điểm nhìn của nhân vật được kể
 - + điểm nhìn bên ngoài (miêu tả sự vật, con người ở những bình diện ngoại hiện, kể về những điều mà nhân vật không biết)
 - + điểm nhìn bên trong (kể và tả xuyên qua cảm nhận, ý thức của nhân vật)
 - + điểm nhìn không gian (nhìn xa – nhìn gần)
 - + điểm nhìn thời gian (nhìn từ thời điểm hiện tại, miêu tả sự việc như nó đang diễn ra hay nhìn lại quá khứ, kể lại qua lăng kính hồi ức,...)...
 - + Điểm nhìn còn **mang tính tâm lí, tư tưởng, gắn liền với vai kể của người kể chuyện hoặc hoàn cảnh, trải nghiệm của nhân vật**.
- Câu chuyện được kể có thể gắn với một điểm nhìn thấu suốt mọi sự việc, một quan điểm, một cách đánh giá mang tính định hướng cho người đọc. Nhưng cũng có thể câu chuyện được kể từ nhiều điểm nhìn, gần với nhiều quan điểm, cách đánh giá khác nhau, thậm chí đối lập nhau, xoay quanh sự việc hay nhân vật.
- Điều này tạo nên tính đối thoại và đặt người đọc vào một vai trò chủ động và tích cực hơn trong việc diễn giải và đánh giá.

	4. Lời người kể chuyện và lời nhân vật - Lời người kể chuyện và lời nhân vật là những yếu tố cấu thành lớp lời văn nghệ thuật của văn bản tự sự. + Lời người kể chuyện gắn với ngôi kể, điểm nhìn, ý thức và giọng điệu của người kể chuyện. Chức năng của nó là miêu tả, trần thuật, đưa ra những phán đoán, đánh giá đối với đối tượng được miêu tả, trần thuật cũng như định hướng việc hình dung, theo dõi mạch kể của người đọc. + Trong khi đó, lời nhân vật là ngôn ngữ độc thoại hay đối thoại gắn với ý thức, quan điểm, giọng điệu của chính nhân vật. Trong văn bản tự sự, đặc biệt ở các thể loại tự sự hiện đại, lời người kể chuyện và lời nhân vật có khả năng kết nối, cộng hưởng, giao thoa với nhau tạo nên một số hiện tượng đặc biệt về lời văn như lời nửa trực tiếp (lời của người kể chuyện nhưng tái hiện ý thức, giọng điệu của nhân vật), lời độc thoại nội tâm (tái hiện tiếng nói bên trong của nhân vật), lời nhại (lời mô phỏng quan điểm, ý thức của nhân vật với chủ ý mỉa mai hay bông đùa,...).
--	---

Phụ lục 1. Phiếu tìm hiểu về khái niệm, phân biệt câu chuyện và truyện kể

PHIẾU HỌC TẬP - THÍ THỨC NGỮ VĂN	
CÂU CHUYỆN VÀ ĐIỂM NHÌN TRONG TRUYỆN KỂ	
Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi: Truyện ngắn hiện đại là thể loại [...] ở đó, sự miêu tả được nhìn nhận là một đặc trưng nổi bật, phản ánh một chiều của tư duy thời đại. Truyện ngắn thường chỉ xoay quanh [...] diễn ra trong khoảng thời gian, không gian hạn chế. Tuy nhiên, nhiều [...] lấy lại sức sống mới, có thể gây ấn tượng mạnh đối với người đọc, tạo dựng lượng bị giới hạn, truyện ngắn đôi khi [...] và việc vận dụng [...] trong trần thuật.	
Chỉ lại khái niệm câu chuyện và truyện kể. Chỉ ra điểm khác biệt giữa hai khái niệm này. Lấy một ví dụ.	
CÂU CHUYỆN	TRUYỆN KỂ



Phụ lục 2. Rubric thảo luận nhóm

TIÊU CHÍ	CẦN CÓ GẮNG (0 – 4 điểm)	ĐÃ LÀM TỐT (5 – 7 điểm)	RẤT XUẤT SẮC (8 – 10 điểm)
Hình thức (2 điểm)	0 điểm Bài làm còn sơ sài, trình bày câu thả Sai lỗi chính tả	1 điểm Bài làm tương đối đầy đủ, chỉn chu Trình bày cẩn thận Không có lỗi chính tả	2 điểm Bài làm tương đối đầy đủ, chỉn chu Trình bày cẩn thận Không có lỗi chính tả Có sự sáng tạo
Nội dung (6 điểm)	1 - 3 điểm Chưa trả lời đúng câu hỏi trọng tâm Không trả lời đủ hết các câu hỏi gợi dẫn Nội dung sơ sài mới dừng lại ở mức độ biết và nhận diện	4 – 5 điểm Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn Trả lời đúng trọng tâm Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao	6 điểm Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn Trả lời đúng trọng tâm Có nhiều hơn 2 ý mở rộng nâng cao Có sự sáng tạo
Hiệu quả nhóm (2 điểm)	0 điểm Các thành viên chưa gắn kết chặt chẽ	1 điểm Hoạt động tương đối gắn kết, có tranh luận nhưng	2 điểm Hoạt động gắn kết Có sự đồng thuận và

	Vẫn còn trên 2 thành viên không tham gia hoạt động	vẫn đi đến thông nhất Vẫn còn 1 thành viên không tham gia hoạt động	nhiều ý tưởng khác biệt, sáng tạo Toàn bộ thành viên đều tham gia hoạt động
Điểm			
TỔNG			

TIẾT 2, 3. VĂN BẢN ĐỌC

VỢ NHẬT (KIM LÂN)

I. MỤC TIÊU

1. Về năng lực đặc thù

- **Học sinh phân tích** được mối liên hệ giữa nhan đề và nội dung câu chuyện
- **Học sinh xác định và nêu** được ý nghĩa tình huống truyện
- **Học sinh xác định** trình tự kể truyện và bố cục của văn bản
- **Học sinh phân tích** sự thay đổi của các nhân vật từ khía cạnh điểm nhìn, lời kể và giọng điệu
- **Học sinh nêu** chủ đề và đánh giá giá trị tư tưởng câu tác phẩm
- **Học sinh viết** được đoạn văn khoảng 150 chữ trình bày suy nghĩ về một thông điệp ý nghĩa trong văn bản

2. Về năng lực chung: Học sinh phát triển: Tư duy phản biện, năng lực hợp tác, giải quyết vấn đề,...

3. Về phẩm chất: Học sinh có thêm sự đồng cảm với con người trong nạn đói, tiếp thêm hi vọng ngay cả trong hoàn cảnh khổ đau.

- HS xác định được lí tưởng CM, đạo đức, lối sống.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU

1. Học liệu: Sách giáo khoa, sách giáo viên, phiếu học tập

2. Thiết bị: Máy chiếu, bảng, dụng cụ khác nếu cần.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

TỔ CHỨC THỰC HIỆN	SẢN PHẨM
1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG – TẠO TÂM THỂ a. Mục tiêu hoạt động: Tạo tâm thế thoải mái và gợi dẫn cho học sinh về nội dung bài học b. Nội dung thực hiện: ❖ GV chiếu video về nạn đói năm Ất Dậu (1945) và gợi dẫn: Em biết gì về nạn đói năm Ất Dậu (1945) ❖ Link: https://www.youtube.com/watch?v=RV0gK8Myv_I	
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập ❖ GV chiếu video về nạn đói năm Ất Dậu (1945) và gợi dẫn: Em biết gì về nạn đói năm Ất Dậu (1945) ❖ Link: https://www.youtube.com/watch?v=RV0gK8Myv_I Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh theo dõi và chia sẻ Bước 3. Báo cáo, thảo luận Chia sẻ của HS Bước 4. Kết luận, nhận định Giáo viên chốt ý và dẫn dắt vào bài học.	GV linh hoạt sử dụng câu trả lời của HS ⇒ Dẫn dắt vào bài học
2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI a. Mục tiêu hoạt động: Học sinh vận dụng tri thức ngữ văn để: - Học sinh phân tích được mối liên hệ giữa nhan đề và nội dung câu chuyện - Học sinh xác định và nêu được ý nghĩa tình huống truyện - Học sinh xác định trình tự kể truyện và bố cục của văn bản - Học sinh phân tích sự thay đổi của các nhân vật từ khía cạnh điểm nhìn, lời kể và giọng điệu	

- **Học sinh nêu** chủ đề và đánh giá giá trị tư tưởng câu tác phẩm
- **Học sinh viết** được đoạn văn khoảng 150 chữ trình bày suy nghĩ về một thông điệp ý nghĩa trong văn bản

b. Nội dung thực hiện:

- ❖ GV triển khai tìm hiểu văn bản qua các hình thức: phát vấn, thực hiện phiếu học tập, thảo luận nhóm

2.1 Đọc văn bản và tìm hiểu chung Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập Đọc văn bản và suy ngẫm, GV phát vấn + <i>Nhan đề văn bản với nội dung câu chuyện và hoàn cảnh ra đời (Gợi ý: Quan điểm của Kim Lân khi sáng tác truyện ngắn này)</i> + <i>Tình huống truyện có gì đặc sắc</i> + <i>Trình tự kể và bố cục của truyện.</i> Thời gian: 35ph Chia sẻ và thảo luận: 10ph Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ - HS đọc kĩ văn bản - HS suy ngẫm các câu hỏi - Dựa vào gợi ý của GV – HS trả lời câu hỏi và thảo luận Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh chia sẻ Bước 4. Kết luận, nhận định Giáo viên chốt những kiến thức cơ bản	I. Tìm hiểu chung 1. Tác giả Kim Lân (1920 – 2007) - Tên khai sinh là Nguyễn Văn Tài - Quê quán: Bắc Ninh - Là cây bút chuyên viết truyện ngắn - Thế giới nghệ thuật của ông chủ yếu tập trung ở khung cảnh nông thôn và hình tượng người nông dân. Ông am hiểu sâu sắc cảnh ngộ và tâm lí của những người nông dân nghèo, rất gần gũi với sinh hoạt của ông – những con người gấn bó tha thiết với quê hương và cách mạng 2. Tác phẩm a. Nhan đề và mối liên hệ với nội dung, hoàn cảnh ra đời - Hoàn cảnh ra đời: Truyện ngắn “Vợ nhặt” có tiền thân là tiểu thuyết “Xóm ngụ cư”. Cuốn tiểu thuyết được viết ngay sau khi CMT8 thành công nhưng còn dang dở và sau đó bị lạc mất bản thảo trong kháng chiến chống Pháp. Sau khi hoà bình lập lại (1954), Kim Lân dựa vào một phần cốt truyện cũ để viết truyện ngắn “Vợ nhặt”. Tác phẩm được in
--	--

trong tập “Con chó xấu xí” (1962).

Về truyện ngắn này, Kim Lân đã tâm sự: “**Khi viết về nạn đói, người ta thường viết về sự khốn cùng và bi thảm... Tôi muốn truyện ngắn với ý khác.** Trong hoàn cảnh khốn cùng, dù cận kề bên cái chết nhưng những con người ấy không nghĩ đến cái chết mà vẫn **hướng tới sự sống, vẫn hi vọng, tin tưởng ở tương lai.** Họ vẫn muốn sống, sống cho ra con người..”

- **Nội dung:** Truyện xảy ra trong bối cảnh nạn đói đang hoành hành khắp nơi. Anh cu Tràng, gia đình nghèo khó, là dân ngụ cư, người lại thô kệch, xấu xí nên không lấy được vợ. Trong một lần đi kéo xe thóc thuê, chỉ với vài câu nói đùa vu vợ và 4 bát bánh đúc, anh đã được một người phụ nữ theo về làm vợ. Trong hoàn cảnh khốn cùng, dù cận kề bên cái chết nhưng những con người ấy không nghĩ đến cái chết mà vẫn hướng tới sự sống, vẫn hi vọng, tin tưởng ở tương lai. Mọi người đều nghĩ đến trách nhiệm đối với gia đình, bà mẹ già sửa soạn lại nhà cửa, người con dâu mới quét tước sân vườn, còn anh cu Tràng thì cảm thấy mình “nên người”, thấy mình phải có trách nhiệm với gia đình. Bữa cơm đón dâu đạm bạc, chỉ là niêu cháo loãng bỏng và bát cháo cám đắng chát nhưng tràn đầy tình cảm. Họ đùm bọc lẫn nhau để cùng nhau nghĩ đến tương lai tươi sáng hơn ở phía trước. Trong óc Tràng, hình ảnh lá cờ đỏ sao vàng bay phấp phới

- **Nhan đề:**

+ “Vợ nhặt” là một nhan đề độc đáo, phù hợp với tình huống truyện. Kim Lân đã kết hợp hai khái niệm trái ngược nhau: Chuyện lấy chồng gả vợ - chuyện lớn lao hệ trọng của đời người với việc “nhặt nhanh, lượm lặt” được một cách tình cờ, vu vơ...

+ Qua sự nghịch lý ấy, người đọc sẽ cảm thấy tò mò bởi nhan đề và đặc biệt còn cảm thấy xót xa cho thân phận con người, nhưng cũng từ đó xúc động vì tình người mà những người nông dân dành cho nhau trong hoàn cảnh khốn cùng; xúc động vì vẻ đẹp tâm hồn, vì khát khao yêu thương và trân trọng hạnh phúc của họ

MỐI LIÊN HỆ:

1. Nạn đói – Khổ đau tận cùng của con người, đến việc ma chay, cưới hỏi là việc quan trọng vậy mà phải dùng từ “nhặt” là việc tạm bợ, vô thức, không có giá trị trân trọng □ Nỗi khổ của con người trong nạn đói

2. Đồng cảm, xót xa cho số phận con người

3. Xúc động và trân trọng vẻ đẹp tâm hồn, khát khao tin tưởng sống của những con người trong nạn đói

b. Tình huống truyện

- Tình huống là yếu tố làm nảy sinh ra truyện; là thành phần cốt lõi để từ đó các sự việc, chi tiết trong truyện được phát triển; bản chất của tình huống là nhằm nảy sinh những mâu thuẫn và cách nhà văn hướng tới giải quyết tình huống chính là giải quyết những mâu thuẫn

- Tình huống trong truyện: Anh cu Tràng xấu

xí, thô kệch, nghèo xơ xác, lại là dân ngụ cư không ai thèm lấy, trong thảm cảnh đói khát đang hoành hành dữ dội, bỗng nhiên “nhật” được vợ một cách thật dễ dàng, nhanh chóng, ở giữa chợ chỉ nhờ “bốn bát bánh đúc” đã gây nên sự ngạc nhiên, thương cảm đến xót xa trong lòng người đọc

- Tình huống nhìn bề ngoài tưởng như đơn giản nhưng lại chứa đầy những mâu thuẫn, xung đột gay gắt hiển có bên trong. Tình huống bi thảm cười ra nước mắt; vừa lạ, vừa hết sức éo le, độc đáo; vừa thấm đẫm tình người vừa hấp dẫn người đọc lôi cuốn

- Đó là sự kết hợp nghịch lí đến mức vô lí : giữa một đám cưới//với một nạn đói khủng khiếp; một sự kiện trọng đại của đời người// với một hành động “nhật” rất giản đơn; một niềm vui hạnh phúc lứa đôi// với một tai hoạ khủng khiếp của dân tộc. Khiến người đọc tự đặt ra câu hỏi: Liệu có hạnh phúc nào được đặt trên nền của đói khát, tai hoạ?

Ý nghĩa:

- Phản ánh số phận rẻ rúng, bọt bèo của con người trong nạn đói năm 1945
- Gián tiếp lên án tội ác của thực dân, của phát xít và tầng lớp phong kiến đã gây ra nạn đói khủng khiếp năm 1945 khiến số phận con người bọt bèo như cỏ rác
- Ca ngợi sự đùm bọc, chở che, đạo lí, tình cảm yêu thương của con người với con người trong nạn đói “Một miếng khi đói bằng một gói khi no”. Tình cảm ấy được thể hiện rõ qua

	thái độ của Tràng và bà cụ Tứ với cô vợ nhặt • Thể hiện thái độ của nhà văn Kim Lân: trân trọng trước niềm khát khao sống và khát khao hạnh phúc của con người trong nạn đói. Dù trong hoàn cảnh bi thảm đến đâu, con người vẫn hướng về sự sống, hướng về ánh sáng, vẫn tin tưởng, lạc quan, hi vọng vào tương lai c. Trật tự kể và bố cục Trật tự kể theo trình tự thời gian, có thể chia làm hai phần để thấy được sự thay đổi của các nhân vật 1. Từ đầu đến “u thương quá...”: Tràng nhặt vợ và thị theo Tràng về nhà ra mắt 2. Còn lại: Sự thay đổi của các nhân vật vào buổi sáng ngày hôm sau.				
2.2 Hình tượng nhân vật qua điểm nhìn, lời kể và giọng điệu Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập GV chia lớp thành các nhóm (đôi hoặc nhóm lớn) hoàn thành phiếu học tập hoặc thực hiện sơ đồ tư duy theo câu hỏi gợi dẫn để tìm hiểu nhân vật qua trật tự kể và qua lời người kể chuyện <i>*Qua trật tự kể: Trước và Sau khi Tràng nhặt vợ</i> + Trước khi nhặt vợ Tràng là người thế nào? (Lưu ý về ngoại hình, hoàn cảnh sống). Sau khi nhặt vợ Tràng đã có những thay đổi ra sao? + Trước khi theo Tràng về nhà, cô vợ nhặt hiện lên với ngoại hình ra sao? Hành động có	II. Đọc hiểu văn bản 1. Hình tượng các nhân vật qua điểm nhìn, lời kể và giọng điệu a. Sự thay đổi của các nhân vật theo trình tự của câu chuyện NHÂN VẬT TRÀNG <table><tr><th>Trước</th><th>Sau</th></tr><tr><td>Nghèo khổ, xấu xí, thô kệch, sống với một người mẹ già nua. Không ai nghĩ rằng Tràng có thể có được vợ.</td><td>Tràng như đổi khác. Hắn cười rất nhiều, có những cảm giác mới mẻ, trỗi dậy tinh nghĩa khi đi bên vợ, nhận thấy những nét u buồn và sự</td></tr></table>	Trước	Sau	Nghèo khổ, xấu xí, thô kệch, sống với một người mẹ già nua. Không ai nghĩ rằng Tràng có thể có được vợ.	Tràng như đổi khác. Hắn cười rất nhiều, có những cảm giác mới mẻ, trỗi dậy tinh nghĩa khi đi bên vợ, nhận thấy những nét u buồn và sự
Trước	Sau				
Nghèo khổ, xấu xí, thô kệch, sống với một người mẹ già nua. Không ai nghĩ rằng Tràng có thể có được vợ.	Tràng như đổi khác. Hắn cười rất nhiều, có những cảm giác mới mẻ, trỗi dậy tinh nghĩa khi đi bên vợ, nhận thấy những nét u buồn và sự				

gì đáng chú ý? Sau khi theo Tràng về nhà cô vợ nhật hiện lên là người như thế nào?

+ Trước khi Tràng đưa vợ về bà cụ Tứ là người mẹ ra sao? Sau khi con trai giới thiệu người vợ và chấp nhận có con dâu mới, bà cụ Tứ có những suy nghĩ và tâm trạng gì?

****Qua lời người kể chuyện: Lời kể, điểm nhìn và giọng điệu***

+ Người kể chuyện thể hiện sự thay đổi của Tràng vào sáng hôm sau bằng lời kể thế nào? Điểm nhìn từ đâu? Giọng điệu có gì đặc biệt?

+ Người kể chuyện thể hiện sự thay đổi của cô vợ nhật vào sáng hôm sau bằng lời kể thế nào? Điểm nhìn từ đâu? Giọng điệu có gì đặc biệt?

+ Người kể chuyện thể hiện sự thay đổi của bà cụ Tứ vào sáng hôm sau bằng lời kể thế nào? Điểm nhìn từ đâu? Giọng điệu có gì đặc biệt?

+ Qua đó, ta thấy được điều gì đáng chú ý trong cách kể chuyện của Kim Lân, cách nhìn nhận về con người trong nạn đói của tác giả có gì đặc biệt?

Thời gian: 45ph

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

- HS đọc kĩ văn bản
- HS thảo luận và thực hiện nhiệm vụ

Bước 3. Báo cáo, thảo luận

Học sinh chia sẻ

Bước 4. Kết luận, nhận định

Giáo viên chốt những kiến thức cơ bản

thay đổi ở vợ mình, muốn sống cho nên người để lo cho gia đình. Tràng hình dung lá cờ đỏ sao vàng và đoàn người đi trên đê như một biểu tượng của sự đổi đời...

NHÂN VẬT CÔ VỢ NHẬT

Trước	Sau
Tình cảnh người đàn bà này rất thâm, đói khát ê chề, không có việc gì làm cũng như không biết bám vào đâu để sống; ăn nói thì chao chát, chỏng lỏn, thái độ thì sùng sộ, chẳng kể gì đến thể diện, phẩm giá; gạ ăn một cách trơ trẽn, được mời ăn thì ăn uống rất tham, rất thô. Trước lời bông lơn của một người đàn ông chưa hề	Chị ta như trở thành một con người khác. Đi với Tràng mà bước chân có vẻ rón rén, ngượng ngịu, e thẹn, ít lời, ngại ngùng trước ánh mắt tò mò của những người xa lạ. Khi đã ở nhà Tràng, chị càng bối rối, bần thần nghĩ ngợi. Dầu vẫn còn cảm giác xa lạ, nhưng chị có những lời nói, cử chỉ biểu hiện thiên chức làm vợ; cùng mẹ

	quen biết, chị ta lập tức bám theo, liều lĩnh đến mức đáng sợ.	chồng quét tước, dọn dẹp cửa nhà, vườn tược, vun đắp cho tổ ấm của mình.			
	NHÂN VẬT BÀ CỤ TỨ				
	<table><tr><th>Trước</th><th>Sau</th></tr><tr><td> - Trước khi Tràng có vợ: “lòng khọng đi vào ngõ, vừa đi vừa lẩm bẩm tính toán gì trong miệng”, khuôn mặt thì búng beo u ám như vỏ quả chanh. Bà lão nghĩ đến ông lão, nghĩ đến đứa con gái út. Bà nghĩ đến cuộc đời khổ cực dằng dặc của mình. - Khi biết Tràng có vợ: ngạc nhiên khi thấy người đàn bà lạ, càng ngạc nhiên hơn khi người đàn bà đó chào bằng u. Tâm trạng vừa đau đớn, tủi cực, xót xa </td><td> Sau khi Tràng có vợ: Khuôn mặt rạng rỡ hẳn lên, cùng con dâu dọn dẹp nhà cửa, dặn dò các con và có niềm tin vào tương lai, dự cảm đổi đời. <i>*Chú ý chi tiết nổi chề khoán:</i> - Hình ảnh mâm cơm ngày đói cùng nồi cháo cám cùng dư vị đắng chát của nó chính là hình ảnh thu nhỏ của hiện thực đói nghèo trong cuộc sống của người dân xóm ngụ cư giữa nạn đói năm 1945. Đói đến mức thức ăn của gia súc </td></tr></table>	Trước	Sau	- Trước khi Tràng có vợ: “lòng khọng đi vào ngõ, vừa đi vừa lẩm bẩm tính toán gì trong miệng”, khuôn mặt thì búng beo u ám như vỏ quả chanh. Bà lão nghĩ đến ông lão, nghĩ đến đứa con gái út. Bà nghĩ đến cuộc đời khổ cực dằng dặc của mình. - Khi biết Tràng có vợ: ngạc nhiên khi thấy người đàn bà lạ, càng ngạc nhiên hơn khi người đàn bà đó chào bằng u. Tâm trạng vừa đau đớn, tủi cực, xót xa	Sau khi Tràng có vợ: Khuôn mặt rạng rỡ hẳn lên, cùng con dâu dọn dẹp nhà cửa, dặn dò các con và có niềm tin vào tương lai, dự cảm đổi đời. <i>*Chú ý chi tiết nổi chề khoán:</i> - Hình ảnh mâm cơm ngày đói cùng nồi cháo cám cùng dư vị đắng chát của nó chính là hình ảnh thu nhỏ của hiện thực đói nghèo trong cuộc sống của người dân xóm ngụ cư giữa nạn đói năm 1945. Đói đến mức thức ăn của gia súc
Trước	Sau				
- Trước khi Tràng có vợ: “lòng khọng đi vào ngõ, vừa đi vừa lẩm bẩm tính toán gì trong miệng”, khuôn mặt thì búng beo u ám như vỏ quả chanh. Bà lão nghĩ đến ông lão, nghĩ đến đứa con gái út. Bà nghĩ đến cuộc đời khổ cực dằng dặc của mình. - Khi biết Tràng có vợ: ngạc nhiên khi thấy người đàn bà lạ, càng ngạc nhiên hơn khi người đàn bà đó chào bằng u. Tâm trạng vừa đau đớn, tủi cực, xót xa	Sau khi Tràng có vợ: Khuôn mặt rạng rỡ hẳn lên, cùng con dâu dọn dẹp nhà cửa, dặn dò các con và có niềm tin vào tương lai, dự cảm đổi đời. <i>*Chú ý chi tiết nổi chề khoán:</i> - Hình ảnh mâm cơm ngày đói cùng nồi cháo cám cùng dư vị đắng chát của nó chính là hình ảnh thu nhỏ của hiện thực đói nghèo trong cuộc sống của người dân xóm ngụ cư giữa nạn đói năm 1945. Đói đến mức thức ăn của gia súc				

	<table border="1" data-bbox="846 170 1442 1417"> <tr> <td data-bbox="846 170 1144 1417"> xen lẫn vui mừng </td><td data-bbox="1144 170 1442 1417"> cũng trở thành bữa ăn của con người. Sự hiện hữu nghiệt ngã của cái đói khiến không khí bữa ăn của gia đình Tràng trùng xuống “Từ đó, không ai nói câu gì, họ tránh nhìn mặt nhau và một nỗi tủi hờn len vào tâm trí mọi người” - Chi tiết này còn là lời tố cáo tội ác của thực dân, phát xít, đã gây ra thảm cảnh nạn đói cho người Việt “ từ cuối năm ngoái đến đầu năm nay hơn hai triệu đồng bào ta chết đói” </td></tr> </table> <i>Phân tích cụ thể từng nhân vật tham khảo phần phụ lục</i> b. Sự thay đổi của các nhân vật qua lời kể của người kể chuyện (điểm nhìn, lời kể và giọng điệu) (Tham khảo bảng ở phụ lục)	xen lẫn vui mừng	cũng trở thành bữa ăn của con người. Sự hiện hữu nghiệt ngã của cái đói khiến không khí bữa ăn của gia đình Tràng trùng xuống “Từ đó, không ai nói câu gì, họ tránh nhìn mặt nhau và một nỗi tủi hờn len vào tâm trí mọi người” - Chi tiết này còn là lời tố cáo tội ác của thực dân, phát xít, đã gây ra thảm cảnh nạn đói cho người Việt “ từ cuối năm ngoái đến đầu năm nay hơn hai triệu đồng bào ta chết đói”
xen lẫn vui mừng	cũng trở thành bữa ăn của con người. Sự hiện hữu nghiệt ngã của cái đói khiến không khí bữa ăn của gia đình Tràng trùng xuống “Từ đó, không ai nói câu gì, họ tránh nhìn mặt nhau và một nỗi tủi hờn len vào tâm trí mọi người” - Chi tiết này còn là lời tố cáo tội ác của thực dân, phát xít, đã gây ra thảm cảnh nạn đói cho người Việt “ từ cuối năm ngoái đến đầu năm nay hơn hai triệu đồng bào ta chết đói”		
2.3 Chủ đề và tư tưởng Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập	II. Đọc hiểu văn bản 2. Chủ đề và tư tưởng		

Đọc văn bản và suy ngẫm, GV phát vấn HS có thể làm nhóm và cùng suy ngẫm theo kỹ thuật **KHĂN TRẢI BÀN**: Hãy nêu chủ đề và đánh giá tư tưởng của tác phẩm.

Thời gian: 10ph

Chia sẻ: 10ph

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

- HS đọc kỹ văn bản
- HS suy ngẫm các câu hỏi

Bước 3. Báo cáo, thảo luận

Học sinh chia sẻ

Bước 4. Kết luận, nhận định

Giáo viên chốt những kiến thức cơ bản

Chủ đề

- Phản ánh thành công hình ảnh nông thôn Việt Nam trong nạn đói 1945. Không khí nạn đói như đang bao trùm khắp mọi nơi, được thể hiện qua những hình ảnh như

- Những đoàn người từ Nam Định, Thái Bình,...
- Không ngày nào đi làm đồng về không gặp 3 4 cái thây nằm còng queo bên đường
- Tiếng quạ kêu..., tiếng hò khóc tỉ tê từ những gia đình có người chết
- Mùi gây của xác người, khét lẹt của những đồng rơm từ những gia đình có người chết thoảng vào khét lẹt

- Thương cảm cho số phận cậu con người bèo bọt như cỏ rác

- Anh Tràng đứng trước tình cảnh ế vợ vậy mà lại có thể nhạt được vợ một cách dễ dàng chỉ với một câu đùa vu vợ và bốn bát bánh đúc

- Thái độ xót xa của nhà văn thể hiện rõ nhất qua cách nhà văn miêu tả về hình ảnh , về số phận của người đàn bà không tên

- Số phận tiêu biểu cho biết bao số phận của con người trong nạn đói: không tên, không quê

Tư tưởng

- Cái đói, cái chết lại càng khiến con người lao động ngời lên những phẩm chất tốt đẹp.

- Lòng nhân hậu, tình cảm yêu thương vị tha, niềm khát khai sống, khát khao hạnh phúc và niềm tin mãnh liệt vào một tương lai

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu hoạt động: Dựa vào nội dung tìm hiểu về bài cáo, HS viết kết nối với đọc

b. Nội dung thực hiện

Học sinh thực hành viết kết nối với đọc theo đề bài

Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập

Giáo viên giao nhiệm vụ

Viết đoạn văn khoảng 150 chữ trình bày suy nghĩ của bạn về một thông điệp có ý nghĩa với bản thân được rút ra từ truyện ngắn vợ nhặt

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

Học sinh thực hiện bài làm

Bước 3. Báo cáo, thảo luận

Học sinh trình bày phần bài làm của mình

Bước 4. Kết luận, nhận định

GV chốt ý theo bài làm của HS

Bài làm tham khảo

Truyện ngắn “Vợ nhặt” của nhà văn Kim Lân là một bài học về tình yêu thương giữa người với người đối với mỗi chúng ta. Tình yêu thương có vô vàn hình trạng, nó như một viên đá ngũ sắc lung linh. Tuy nó vô hình nhưng lại hữu hình, luôn xuất hiện vào cuộc sống hằng ngày. Tình yêu thương giống như một chiếc túi khổng lồ mà nhân loại không định nghĩa được. Nó trừu tượng đến mức khó hiểu. Nhìn đứa trẻ mồ côi nằm ở hàng ghế đá, nhìn cụ già đang mon men đi xin ăn, nhìn người dân miền trung đang chịu những cơn bão, người thì bị chết, gia đình li tán, của cải mất mát.....chúng ta cảm thấy sao xót xa, sao đau lòng quá. Tình yêu thương chính là sự lo lắng cho người với người, dù chưa từng gặp mặt, dù chỉ là sự lướt quá, nhưng trái tim con người là thế, tình yêu thương là vô tận. Và rồi, vì yêu vì thương chúng ta sẵn sàng giúp đỡ, bỏ tâm huyết chăm lo xây dựng các nhà tình thương tình nghĩa, để bao bọc các em nhỏ mồ côi, để cho các cụ già neo đơn có một mái nhà, để những người tàn tật, những trẻ em bị mắc bệnh hiểm nghèo có thể được chữa trị,... Dù là âm thầm giúp đỡ, hay công khai giúp đỡ, họ đều không cần mọi người biết đến,

	không cần mọi người tuyên dương, ghi danh. Chỉ cần nơi nào có tình yêu thương, nơi ấy thật ấm áp, và hạnh phúc. (Vietjack.com)
4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG, LIÊN HỆ a. Mục tiêu hoạt động: Học sinh vận dụng liên hệ về tình thần lạc quan, ý chí tin tưởng vào tương lai và vượt qua khó khăn trong cuộc sống; hoặc chủ đề về tình yêu thương con người,... b. Nội dung thực hiện: GV đưa vấn đề: Có thể xem truyện ngắn Vợ nhặt là một câu chuyện cổ tích trong nạn đói hay không? Hãy nêu và phân tích quan điểm của em về điều này? Tìm một ví dụ khác về sự lạc quan tin tưởng trong cuộc sống ngay cả trong hoàn cảnh khổ đau.	
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập GV đưa vấn đề: Có thể xem truyện ngắn Vợ nhặt là một câu chuyện cổ tích trong nạn đói hay không? Hãy nêu và phân tích quan điểm của em về điều này? Tìm một ví dụ khác về sự lạc quan tin tưởng trong cuộc sống ngay cả trong hoàn cảnh khổ đau. Thời gian: 15ph Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh suy nghĩ và trả lời Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh trình bày phần bài làm của mình Bước 4. Kết luận, nhận định GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các chia sẻ tốt để cả lớp tham khảo	GV sử dụng linh hoạt phần trả lời của HS Có thể tham khảo gợi ý sau: - Có thể xem truyện ngắn Vợ nhặt là một câu chuyện cổ tích trong nạn đói bởi: - Câu chuyện trong truyện ngắn “Vợ nhặt” có motip giống với truyện cổ tích, đám cưới của Tràng với thị cũng được coi là đám cưới cổ tích. + Giữa cái cảnh đói kém, khi mà bản thân còn lo chưa xong nhưng vẫn ánh lên tình thương giữa người với người trong hoàn cảnh khốn cùng ấy. Tràng và bà cụ Tứ sẵn sàng đèo bồng thêm một người vợ nhặt, thị cũng sẵn sàng theo không Tràng về làm vợ. Khát vọng hạnh phúc gia đình lớn lao hơn những nhu cầu cuộc sống tầm thường. + Chuyện kết thúc bằng một chi tiết “sáng” mở ra một tương lai mới cho các nhân vật (hình ảnh phá kho thóc Nhật, đoàn người đi

	trên đê và lá cờ đỏ sao vàng bay phấp phới). - HS tìm thêm những tấm gương.
--	--

Phụ lục 1. Phiếu học tập nhóm tìm hiểu nhân vật

Nhóm:

Lớp:

PHIẾU HỌC TẬP

TÌM HIỂU NHÂN VẬT TRONG “VỢ NHẬT” (KIM LÂN)

Yêu cầu: Theo trình tự của câu chuyện, các nhân vật đã có những thay đổi như thế nào từ diện mạo, tâm trạng đến cách ứng xử? Hoàn thành bảng sau dựa trên gợi ý

Trước khi nhật vợ: Tràng là người thế nào? (khuôn mặt, ngoại hình, hoàn cảnh sống)

Sau khi nhật vợ: Tràng đã có những thay đổi ra sao?

Nhân vật Tràng

Trước khi theo Tràng về nhà, cô vợ nhặt gặp lần với người khác ra sao? Hành động có gì đáng chú ý

Sau khi theo Tràng về nhà có sự khác biệt nào là người như thế nào?

Trước khi: Tràng đưa vợ và bà cụ Tứ ra sao?

Sau khi: con trai mới chào người vợ và chấp nhận cô con dâu mới, bà cụ Tứ có những suy nghĩ và tâm trạng gì?

Nhân vật Thị

Nhân vật bà cụ Tứ

PHIẾU HỌC TẬP

TÌM HIỂU NHÂN VẬT TRONG “VỢ NHẬT” (KIM LÂN)

Yêu cầu: Phân tích những nét đáng ý chú ý trong cách người kể chuyện quan sát và miêu tả sự thay đổi của các nhân vật (qua hình ảnh: điểm nhìn, lời kể, giọng điệu)

Người kể chuyện	Nhân vật Tràng	Nhân vật Thị	Nhân vật bà cụ Tứ
Điểm nhìn			
Lời kể			
Giọng điệu			

Qua đó, em thấy được điều gì đáng chú ý trong cách kể chuyện của Kim Lân, cách nhìn nhận về con người trong nạn đói của tác giả có gì đặc biệt?

Phụ lục 2. II. 1. b. Sự thay đổi của các nhân vật qua lời kể của người kể chuyện (điểm nhìn, lời kể và giọng điệu)

Người kể chuyện	Nhân vật Tràng	Nhân vật thị	Nhân vật bà cụ Tứ
Điểm nhìn	*Trước khi nhật vợ: Bên ngoài (Hình dáng, tính cách, lời nói ngôn ngữ và hoàn cảnh sống) *Sau khi nhật vợ: Bên trong – kết hợp bên ngoài (Suy nghĩ, cảm xúc tâm trạng, lời nói với cô vợ và người mẹ, suy nghĩ và cảm xúc vào	*Trước khi theo Tràng: Bên ngoài (Hình dạng, tính cách, cách nói chuyện) *Sau khi theo Tràng và buổi sáng ngày hôm sau: Bên ngoài (Hành động, nét mặt, biểu hiện qua những	*Khi Tràng vừa đi Thị về: Bên ngoài (lời nói) và Bên trong (suy nghĩ, cảm xúc dành cho đứa con) *Sáng ngày hôm sau: Bên ngoài (Lời nói và hành động)

	buổi sáng ngày hôm sau)	chi tiết nhỏ trên gương mặt)	
Lời kể	- Lời tái hiện ý thức và giọng điệu nhân vật (Hắn nghĩ bụng: “Quái sao nó lại buồn thế nhỉ?... Ồ sao nó lại buồn thế nhỉ”) - Lời độc thoại nội tâm (Người ta có gặp bước khó.... có vợ được) - Lời nhại (có khối cơm trắng mấy giò đấy),...	- Lời tái hiện ý thức và giọng điệu nhân vật (Thị đảo mắt nhìn xung quanh, cái ngực gầy lép nhô lên, nén một tiếng thở dài)	- Lời tái hiện ý thức và giọng điệu nhân vật (Bà lão nhìn người đàn bà, lòng đầy thương xót. Nó bây giờ là dâu là con trong nhà rồi)
Giọng điệu	- Mộc mạc, giản dị. Ngôn ngữ gần với khẩu ngữ, nhưng có sự chất lọc kỹ lưỡng, có sức gợi đáng kể - Diễn tả chân thật từng ánh mắt, cử chỉ và nội tâm của nhân vật		

Nhân vật Tràng	
Trước khi nhặt vợ	Sau khi nhặt vợ (Buổi sáng hôm sau)
- Tràng thuộc tầng lớp người dân xóm ngụ cư, hoàn cảnh Tràng xuất hiện cũng thật đặc biệt: hình ảnh những con người “đội chiếu lũ lượt bồng bế, dắt díu nhau lên xanh xám như những bóng ma”, “nằm ngổn ngang khắp lều chợ”, “người chết như ngã rạ”. “Không khí vẩn lên mùi ẩm thối của rác rưởi và mùi gây của xác người” - Ngoại hình của Tràng chỉ được Kim Lân miêu tả một cách sơ xài qua vài nét, song	- Lúc đầu, khi thấy người đàn bà theo mình về thật, Tràng cảm thấy “chợn chợn” và lo lắng. Anh hoảng sợ trước hành động táo bạo, liều lĩnh đến không ngờ của người phụ nữ, anh lo lắng bởi hiểu rằng “Thóc gạo này đến cái thân mình cũng chẳng biết có nuôi nổi không, lại còn đèo bồng”. Nhưng rồi sự lo lắng ấy thoáng qua rất nhanh khi anh tặc lưỡi “Chậc, kệ”. - Niềm hạnh phúc vô bờ của Tràng được miêu

Tràng hiện lên với vẻ xấu xí thô kệch: Đôi mắt gà gà nhỏ tí, quai hàm bạnh ra, mặt thô kệch, thân hình thì vạm vạp, to rộng, cái đầu trọc nhẵn, cái lưng to rộng lừng lững như con gấu. Ngoại hình của Tràng phản chiếu cả một sự tăm tối, hằn in dấu ấn của cuộc đời nghèo khổ, lam lũ

- Và quả thực, cuộc sống người nông dân ấy vô cùng nghèo khổ. Tràng sống hiu quạnh cùng mẹ già trong căn nhà “tối tăm, rúm rỏ, xiêu vẹo”, tám phen rách và lổn nhổn cỏ dại xung quanh. Sống với thân phận của một kẻ ngụ cư bị coi thường, khinh rẻ

- Chính hoàn cảnh ấy cũng phần nào tạo nên tính cách vụng về, thô kệch của anh chàng. Kim Lân thật tài tình khi đi vào khắc họa bản chất nhân vật qua một loạt hệ thống ngôn ngữ khi suồng sã, lúc cộc lốc “đấy, muốn ăn gì thì ăn”, “làm đếch gì có vợ”, khi lại lảm bảm một mình “quái, sao nó buồn thế nhỉ?” hay “Chán quá. Chẳng đâu vào đâu, tự nhiên cũng khóc” ... Trong con người này không bao giờ biết nói một câu âu yếm, nhẹ nhàng hay tình tứ dù đôi lúc anh cũng rất muốn thế

tả tình tế nhất qua tâm trạng của anh khi đưa vợ về. Sóng đôi đi bên người bạn đời vừa “nhặt” được, tâm hồn anh lâng lâng một niềm sung sướng. Có ngỡ ngàng, có lúng túng nhưng bao trùm tất cả là niềm hạnh phúc đang trào dâng trong lòng anh. Niềm vui, khiến cho Tràng như quên hết cảnh đời ê chề, tăm tối, quên cả cái đói, khát ghê gớm đang đe dọa, quên cả những tháng ngày trước mặt. Đi bên vợ “khuôn mặt của Tràng có vẻ phớn phở khác thường”, “hai mắt sáng lên lấp lánh” và “hắn luôn tủm tỉm cười một mình”. Tất cả khuôn mặt, ánh mắt, nụ cười đều ập ủ niềm vui sướng cố kìm nén mà chẳng thể nào che dấu được. Hạnh phúc ngập tràn trong lòng người đàn ông nghèo khổ. Niềm hạnh phúc còn hiển hiện qua lời giới thiệu đầy kiêu hãnh của Tràng với mẹ “Kìa, nhà tôi nó chào u đấy”. Hai tiếng “nhà tôi” với Tràng thật cảm động, kiêu hãnh, mang ý nghĩa lớn lao biết bao nhiêu. Có lẽ, cả quãng đời vừa qua của mình, con người ấy cũng chẳng bao giờ dám nghĩ một lúc mình được sống trong giây phút trọng đại đến thế : giới thiệu vợ với mẹ

- Tâm trạng của Tràng còn là sự lo lắng, bồn chồn, thấp thỏm. Đưa vợ về đến nhà, căn nhà nhắc hắn nhớ tới người mẹ già. Trước việc hắn nhặt vợ về, liệu mẹ hắn sẽ như thế nào? Trong giờ phút ấy “Chính hắn cũng không hiểu vì sao hắn sợ, hắn lấm lét bước vội mấy bước ra sân gắt lên “Sao hôm nay bà lão về muộn thế không biết?”” Lo lắng bà mẹ sắp về,

dù vụng về đến mấy con người này cũng biết mình vừa có hành động phạm vào đạo hiếu. Vì thế, Tràng mới có tâm trạng lo lắng, bồn chồn, day dứt không yên

- Đối với Tràng mọi thứ diễn ra nhanh chóng như một giấc mơ “Tràng cảm thấy trong người êm ái, lửng lơ như vừa từ trong giấc mơ đi ra. Việc hấn có vợ đến bây giờ vẫn ngỡ như là không phải” Hạnh phúc khiến Tràng cảm nhận tình cảm yêu thương, gắn bó của gia đình. Tâm hồn Tràng bùng lên niềm vui thắm thía và cảm động. Có lẽ, chưa bao giờ cuộc sống lại vọng vào trái tim của anh một cách ấm áp và yêu thương đến thế: anh lắng nghe và nâng niu cả tiếng sàn sạt của từng nhát chổi mà người vợ đang quét ở trên sân. Cũng lần đầu tiên, Tràng thấy bình yên, gắn bó với căn nhà của mình một cách lạ lùng

- Một niềm vui sướng, phấn chấn tràn ngập trong lòng khiến Tràng nhận ra sự thay đổi lớn lao của mình “Bây giờ hấn mới thấy hấn nên người”. Bởi lẽ từ nay về sau, Tràng đã có một tổ ấm gia đình để mà tin tưởng, mà hi vọng, mà xây đắp cho tương lai của chính mình “Hấn đã có một gia đình, hấn sẽ cùng vợ sinh con đẻ cái” “Hấn có bồn phận lo lắng cho vợ con sau này”. Ý thức là một người chồng, là một người đàn ông trụ cột trong gia đình giúp cho anh chín chắn hơn. Sự đổi thay ấy là gì nếu không phải là niềm mơ ước, khát khao vươn đến hạnh phúc của con người. Hạnh phúc hiện hình trong cái chết, sự sống này

	sinh từ đau khổ trong thực tại - Nhân vật Tràng bên mâm cơm ngày đói, nghĩ đến hình ảnh của đoàn người đi phá kho thóc Nhật và phía trước là lá cờ đỏ sao vàng tung bay phấp phới. Bởi lẽ, với tâm hồn tràn ngập khát khao hạnh phúc, tràn ngập niềm tin vào sự sống, người nông dân nghèo khổ này chắc chắn sẽ không chấp nhận cảnh đời cam chịu, chỉ cần có cơ hội là những con người ấy sẽ đứng lên đấu tranh tự giải thoát và bảo vệ cho cuộc sống, hạnh phúc của mình
Nhân vật Thị	
Trước khi theo Tràng	Sau khi theo Tràng và buổi sáng ngày hôm sau
- Người đàn bà sẵn sàng bỏ qua nhân phẩm, sĩ diện, lòng tự trọng để theo không một người đàn ông xa lạ chỉ vì một lí do: bám víu vào cơ hội được sống. Từ câu đùa vu vơ lần đầu của anh cu Tràng “muốn ăn cơm trắng mấy giò, lại đây mà đẩy xe bò với anh”, từ hành động tỏ ra phong lưu, phóng khoáng của Tràng khi vỗ vỗ tay vào túi bảo thị “Đấy, muốn ăn gì thì ăn”. Tất cả những điều đó tạo nên cho thị sự ảo tưởng về một cuộc sống no đủ trong nạn đói.	- Theo không anh Tràng về nhà vào một buổi chiều chạng vạng – cái giờ khắc u ám càng tôn lên nỗi ám ảnh về sự náo nê trong giờ phút “vu quy” của thị. Hình ảnh người con gái đi sau Tràng “Cái đầu hơi cúi xuống, cái nón rách tàn nghiêng” che khuất nửa khuôn mặt. Đáng về ngượng ngịu biết bao! Khuôn mặt đang cố ẩn đi sau cái nón tách tàn kia đâu chỉ đơn thuần để tránh sự nhòm ngò của những người xung quanh. Nó là cả sự ngượng ngịu, xấu hổ khi thị phải đối diện với chính mình. Sự xót xa, tủi nhục khi phải đối diện với sự bần cùng trong hoàn cảnh của mình. Từng bước thị đi sau Tràng dù không có kẻ đón người đưa nhưng là bước chân ngập ngừng

của người con gái về nhà chồng nên cứ rón rén, e thẹn, đầy nữ tính.

- Nỗi niềm của người đàn bà không tên còn là tâm trạng thất vọng, bồn chồn, lo lắng khi về đến nhà Tràng. Cô cố bám víu vào Tràng để mong chờ một cuộc sống no ấm vậy mà thực cảnh hoàn toàn trái ngược với suy nghĩ của cô. Khi đối diện với “cái nhà vắng teo đứng rúm ró trên mảnh vườn mọc lổn nhổn toàn những bụi cỏ dại” thì hiểu ra rằng cái vàng sáng ảo tưởng thì vừa liêu lĩnh bước vào lại là bóng tối đen đặc của đói, nghèo, xơ xác. Tiếng thở dài cố nén trong “Cái ngực gầy lép bẹp” chính là tiếng thở dài của sự thất vọng, náo nê. Tình cảnh người phụ nữ đáng thương giờ càng nghịch cảnh hơn bao giờ hết.

- Tâm sự của người phụ nữ còn là cả nỗi bồn chồn, lo âu, thấp thỏm. Trong dáng ngồi móm ở mép giường với tư thế “tay vẫn ôm khư khư cái thúng” và “nét mặt thì bần thần” của cô chất chứa bên trong bao nhiêu là day dứt. Hơn lúc nào hết, giờ đây cô ý thức cụ thể về tình cảnh của mình: vì đói phải tìm nơi nương tựa nhưng căn nhà xiêu vẹo này liệu có phải là nơi cho cô mong đợi? Mẹ Tràng sắp về, thái độ của bà cú ẽ ra sao? Liệu bà cụ có đón nhận cô không? Cái thế ngồi, rụt rè, chông chênh như thế chính nỗi niềm phân vân, lo lắng ngổn ngang trong lòng cô vậy. Dù không một từ ngữ bộc lộ tình cảm của Kim Lân với số phận nhân vật nhưng qua cách biểu hiện, phân tích những diễn biến tâm trạng phức tạp trong

	thế giới nội tâm của người vợ nhặt - Cô thay đổi đến mức chồng cô cũng phải ngạc nhiên “Tràng nom thị hôm nay khác lắm”. Rõ ràng là người đàn bà hiền hậu, đúng mực, không còn vẻ gì chao chác, chổng lồm như mấy lần đầu Tràng gặp ngoài tỉnh. Từ những câu nói dịu dàng ngoan ngoãn của cô khi đáp lời bà cụ Tứ. Dưới bàn tay của thị, mọi cái đều đổi thay khác lạ: nhà cửa, sân vườn hôm nay đều được quét tước, thu dọn sạch sẽ “mấy chiếc quần áo rách như tổ đĩa vắt khươm mười niên ở một góc nhà đã thấy đem ra sân hong. Hai cái ang nước vẫn để khô cong ở dưới góc ỏi đã kín nước đầy ăm ắp. Đống rác mùn tung bành ngay lối đi đã hót sạch”
Nhân vật bà cụ Tứ	
Khi Tràng vừa đi Thị về	Sáng ngày hôm sau
- Sự ngỡ ngàng của bà cụ ẩn trong ánh mắt “nhấp nháy” khi nhìn đứa con trai, trong câu hỏi “u có việc gì vậy?”, trong dáng điệu phấp phồng theo con vào trong nhà – mỗi bước là sự hồ nghi, hồi hộp. Cảm giác ấy cứ lớn dần trở thành sự sững sốt, bàng hoàng khi bà nhìn thấy người phụ nữ trong nhà mình, khi nghe thấy tiếng cô chào mình bằng u. Tâm trạng sững sốt của nhân vật được Kim Lân khắc hoạ qua việc miêu tả cử chỉ, điệu bộ cùng hệ thống ngôn ngữ độc thoại nội tâm	- Niềm hi vọng, lạc quan của bà mẹ bộc lộ rõ nhất trong thái độ của bà bên mâm cơm ngày đói “Bữa cơm ngày đói trông thật thảm hại”. Bữa cơm với một nhúm muối, đĩa rau chuối thái rối, nồi cháo cám, đó là sự hiện diện của cái đói qua vị đắng chát của miếng cháo cám. Vậy mà, người mẹ nén đi mọi nỗi lo âu “bà lão nói toàn chuyện vui, toàn chuyện sung sướng sau này”. Bên hiện thực khắc nghiệt, bà vẫn tính chuyện cho tương lai. Trong lời người mẹ , từ việc mua một đôi gà thoát đã có

- Trong sự bàng hoàng, bà lão “đứng sững lại”, bà “không tin vào mắt mình nữa”, “bà cảm thấy mắt mình như nhoè ra thì phải”. THậm chí, bà còn cố hấp háy đôi mắt để trấn tĩnh, định thần lại. Một loạt câu hỏi dồn dập trỗi dậy trong cái đầu vốn chậm chạp, già nua của bà lão “Quái, sao lại có người đàn bà ở trong ấy nhỉ? Người đàn bà nào lại ngồi ở đầu giường con mình thế kia. Sao lại chào mình bằng u? Sao lại thế? Ô hay, thế là thế nào nhỉ?” Tất cả những điều ấy làm cho người mẹ vô cùng bối rối. Sự bối rối hiển hiện trong dáng vẻ ngơ ngẩn của bà “bà lão hết nhìn con trai lại nhìn người đàn bà lòng đầy khó hiểu”

- - Những cảm xúc khác nhau trong tâm hồn người mẹ còn là nỗi niềm ai oán, tủi hờn, xót xa. Giây phút ngỡ ngàng, băn khoăn ban đầu trong tâm hồn bà cụ Tứ rồi cũng qua đi khi bà nghe người con trai rành rọt giải thích lần thứ hai với vẻ tự hào không một chút dấu giếm “Nhà tôi mới về làm bạn với tôi đấy u ạ. Chúng tôi phải duyên, phải kiếp với nhau” thì lòng người mẹ hiểu ra bao cơ sự “bà cúi đầu nín lặng”. Phải chăng đây là giây phút bà đang định thần lại, đang trấn tĩnh lại, đang cố làm quen với một hiện thực mà bà không bao giờ ngờ tới, không bao giờ nghĩ là nó có thể xảy ra. Cũng trong giây phút nín lặng này, lòng người mẹ dấy lên bao cảm xúc ngổn ngang. Dẫu bất ngờ song người mẹ giàu nua không một thoáng giận dữ, không một lời trách móc mà nỗi lòng bà lại là niềm ai oán,

một đàn gà đầy sân. Ánh sáng của hạnh phúc như tiếp thêm cho bà nguồn sức sống mới và giờ đây người mẹ như nén đi mọi nỗi lo âu để truyền vào tâm hồn hai đứa con mình nghị lực sống vượt lên cảnh đời đau thương trong thực tại. Tấm lòng người mẹ bao dung, độ lượng, yêu thương con biết bao

xót xa. Bà xót xa cho số kiếp đưa con trai bởi bà hiểu ra rằng đưa con trai mình vẫn âm thầm khao khát một hạnh phúc bình dị vậy mà phải khi có nạn đói khốn cùng này mơ ước giản dị của nó mới trở thành hiện thực. Xót xa thay cho số kiếp đưa con trai bà

- Thương con rồi lại trách mình, lòng người mẹ ai oán cho cảnh nghèo của gia đình mình, day dứt cho bổn phận làm mẹ “người ta dựng vợ gả chồng cho con là lúc trong nhà ăn nên làm nổi, còn mình thì...” Sự so sánh ngầm trong tâm hồn bà cứ càng đẩy lên nỗi niềm tủi hờn trong lòng người mẹ. Tất cả hiện lên đáng trân trọng vô cùng dưới ngòi bút Kim Lân. Những cảm xúc ngổn ngang ấy là gì nếu không phải là tình yêu thương con sâu sắc của người mẹ

- - Sự cảm thông còn được bộc lộ qua những suy nghĩ thấu hiểu lẽ đời của người mẹ từng trải “người ta có gặp bước khó khăn, đói khổ này, người ta mới lấy đến con mình, mà con mình mới có vợ được”. Từ sự cảm thông, bà mở lòng đón nhận nàng dâu mới “Ừ thôi, các con phải duyên phải kiếp với nhau, u cũng mừng lòng”. Điều đáng quý là bà cứ nói “mừng lòng” chứ không phải “bằng lòng” có nghĩa là bà không chỉ chấp thuận mà còn thấy vui mừng, hạnh phúc khi được đón cô dâu mới về làm dâu. Chỉ một từ thôi, khiến cho cảm giác ê chề, xấu hổ trong cô vợ nhặt giảm bớt phần nào. Tấm lòng người mẹ thật độ lượng và nhân từ bao nhiêu

Phụ lục 3. Rubric thảo luận nhóm

TIÊU CHÍ	CẦN CỐ GẮNG (0 – 4 điểm)	ĐÃ LÀM TỐT (5 – 7 điểm)	RẤT XUẤT SẮC (8 – 10 điểm)
Hình thức (2 điểm)	0 điểm Bài làm còn sơ sài, trình bày cẩu thả Sai lỗi chính tả	1 điểm Bài làm tương đối đầy đủ, chỉn chu Trình bày cẩn thận Không có lỗi chính tả	2 điểm Bài làm tương đối đầy đủ, chỉn chu Trình bày cẩn thận Không có lỗi chính tả Có sự sáng tạo
Nội dung (6 điểm)	1 - 3 điểm Chưa trả lời đúng câu hỏi trọng tâm Không trả lời đủ hết các câu hỏi gợi dẫn Nội dung sơ sài mới dừng lại ở mức độ biết và nhận diện	4 – 5 điểm Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn Trả lời đúng trọng tâm Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao	6 điểm Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn Trả lời đúng trọng tâm Có nhiều hơn 2 ý mở rộng nâng cao Có sự sáng tạo
Hiệu quả nhóm (2 điểm)	0 điểm Các thành viên chưa gắn kết chặt chẽ Vẫn còn trên 2 thành viên không tham gia hoạt động	1 điểm Hoạt động tương đối gắn kết, có tranh luận nhưng vẫn đi đến thống nhất Vẫn còn 1 thành viên không tham gia hoạt động	2 điểm Hoạt động gắn kết Có sự đồng thuận và nhiều ý tưởng khác biệt, sáng tạo Toàn bộ thành viên đều tham gia hoạt động
Điểm			
TỔNG			

Phụ lục 4. Rubric chấm bài viết viết KẾT NỐI VỚI ĐỌC

TIÊU CHÍ	CẦN CỐ GẮNG (0 – 4 điểm)	ĐÃ LÀM TỐT (5 – 7 điểm)	RẤT XUẤT SẮC (8 – 10 điểm)
Hình thức (3 điểm)	1 điểm Bài làm còn sơ sài, trình bày câu thả Sai lỗi chính tả Sai kết cấu đoạn	2 điểm Bài làm tương đối đầy đủ, chỉn chu Trình bày cẩn thận Chuẩn kết cấu đoạn Không có lỗi chính tả	3 điểm Bài làm tương đối đầy đủ, chỉn chu Trình bày cẩn thận Chuẩn kết cấu đoạn Không có lỗi chính tả Có sự sáng tạo
Nội dung (7 điểm)	1 – 4 điểm Nội dung sơ sài mới dừng lại ở mức độ biết và nhận diện	5 – 6 điểm Nội dung đúng, đủ và trọng tâm Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao	7 điểm Nội dung đúng, đủ và trọng tâm Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao Có sự sáng tạo
Điểm			
TỔNG			

TIẾT 4, 5, 6. VĂN BẢN ĐỌC

CHÍ PHÈO

(Nam Cao)

I. MỤC TIÊU

1. Về năng lực đặc thù

- ❖ **Học sinh xác định** cốt truyện, trật tự kể chuyện và tác dụng của việc thay đổi trật tự kể
 - ❖ **Học sinh phân loại** được điểm nhìn trần thuật trong đoạn mở đầu, **nhận xét** về tương quan, sự dịch chuyển giữa các điểm nhìn và **chỉ ra** những nét đặc sắc trong cách mở đầu.
 - ❖ **Học sinh phân tích** diễn biến tâm trạng của Chí Phèo từ sáng hôm sau gặp Thị Nở cho tới khi bị Thị Nở từ chối
 - ❖ **Học sinh chỉ ra** được thái độ của người kể đối với Chí Phèo và Thị Nở qua hệ thống điểm nhìn và lời kể
 - ❖ **Học sinh nhận xét** về điểm nhìn và giọng điệu trần thuật ở đoạn kết và **phân tích** ý nghĩa cái chết của Chí Phèo
 - ❖ **Học sinh so sánh và nhận xét** về đoạn kết của hai truyện Chí Phèo và Vợ nhặt
 - ❖ **Học sinh hệ thống hóa** những nét đáng chú ý trong nghệ thuật kể chuyện của Nam Cao ở phương diện: Người kể chuyện, điểm nhìn và lời trần thuật
 - ❖ **Học sinh vận dụng** viết kết nối với đọc về một chi tiết đặc sắc trong tác phẩm
- 2. Về năng lực chung: Học sinh phát triển:** Tư duy phản biện, năng lực hợp tác, giải quyết vấn đề,...
- 3. Về phẩm chất:** Học sinh liên hệ đến các vấn đề về lòng yêu thương, sự sẻ chia, xã hội nửa thực dân phong kiến áp bức, bất công, cách nhìn nhận và đánh giá con người,...

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU

- 1. Học liệu:** Sách giáo khoa, sách giáo viên, phiếu học tập
- 2. Thiết bị:** Máy chiếu, bảng, dụng cụ khác nếu cần.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

TỔ CHỨC THỰC HIỆN	SẢN PHẨM
1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG – TẠO TÂM THỂ a. Mục tiêu hoạt động: Tạo tâm thế thoải mái và gợi dẫn cho học sinh về nội dung bài học b. Nội dung thực hiện: ● GV cho HS tham gia hoạt động giải nghĩa từ ● HS tham gia và cùng suy nghĩ về các từ khóa	
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập	<u>GV dẫn dắt vào bài học:</u>

Giáo viên đưa ra một số từ khóa và yêu cầu HS ghi lại cách hiểu về những từ/cụm từ: Tha hóa, Cô lập, Bần cùng, Mồ côi, Con quỷ. Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh suy nghĩ và trả lời Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh chia sẻ Bước 4. Kết luận, nhận định Giáo viên gọi dẫn vào bài học	Các từ ngữ mang tính chất châm biếm, thể hiện sự tột cùng đau khổ của con người lại xuất hiện ở một người, bị áp đặt bởi những định kiến xã hội.
2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI a. Mục tiêu hoạt động: ❖ Học sinh xác định cốt truyện, trật tự kể chuyện và tác dụng của việc thay đổi trật tự kể ❖ Học sinh phân loại được điểm nhìn trần thuật trong đoạn mở đầu, nhận xét về tương quan, sự dịch chuyển giữa các điểm nhìn và chỉ ra những nét đặc sắc trong cách mở đầu. ❖ Học sinh phân tích diễn biến tâm trạng của Chí Phèo từ sáng hôm sau gặp Thị Nở cho tới khi bị Thị Nở từ chối ❖ Học sinh chỉ ra được thái độ của người kể đối với Chí Phèo và Thị Nở qua hệ thống điểm nhìn và lời kể ❖ Học sinh nhận xét về điểm nhìn và giọng điệu trần thuật ở đoạn kết và phân tích ý nghĩa cái chết của Chí Phèo ❖ Học sinh so sánh và nhận xét về đoạn kết của hai truyện Chí Phèo và Vợ nhặt ❖ Học sinh hệ thống hóa những nét đáng chú ý trong nghệ thuật kể chuyện của Nam Cao ở phương diện: Người kể chuyện, điểm nhìn và lời trần thuật ❖ Học sinh vận dụng viết kết nối với đọc về một chi tiết đặc sắc trong tác phẩm b. Nội dung thực hiện HS vận dụng kiến thức đã học về chủ điểm, thảo luận nhóm và tìm hiểu về văn bản	
2.1 Đọc văn bản và tóm tắt Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập GV yêu cầu HS đọc các thông tin về tác	I. Tìm hiểu chung 1. Tác giả Nam Cao (1915 – 1951)

giả Nam Cao và đọc văn bản, trong khi đọc HS hoàn thành phiếu học tập về tác giả và nội dung truyện (Phụ lục)

Thời gian: 20ph

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

Học sinh thực hiện đọc và làm phiếu

Bước 3. Báo cáo, thảo luận

Học sinh trình bày phần bài làm của mình

Bước 4. Kết luận, nhận định

GV chốt lại các kiến thức cơ bản

Tên thật là Trần Hữu Tri (Bút danh Nam Cao là ghép tên tổng Cao Đà, huyện Nam Sang)

a. Cuộc đời

- *Quê hương*: Quê ông tại làng Đại Hoàng, tổng Cao Đà, huyện Nam Sang, phủ Lý Nhân (nay là xã Hòa Hậu, huyện Lý Nhân, Hà Nam)

- *Gia đình*: Công giáo bậc trung. Cha ông là ông Trần Hữu Huệ, làm nghề thợ mộc và thầy lang trong làng. Mẹ ông là bà Trần Thị Minh, vừa là nội trợ, làm vườn, làm ruộng và dệt vải.

- *Đường đời*:

+ Trước Cách mạng Tháng 8: Sau khi học hết bậc thành chung Nam Cao vào Sài Gòn để kiếm sống, sau đó do sức khỏe yếu ông phải chịu cảnh về quê thất nghiệp. Một thời gian sau thì ông lên Hà Nội dạy học thuê ở một trường tư thực. Ông thấm thía cảnh nghèo phải chạy ăn từng bữa □ Trước Cách mạng Nam Cao sống cuộc đời chật vật, khó khăn vì vậy nhà văn thấm thía hơn bao giờ hết cảnh sống nghèo khổ của người tri thức tiểu tư sản

+ Sau Cách mạng Tháng 8: Ông tham gia vào đoàn quân Nam tiến (1946), sau đó lên Việt Bắc làm công tác báo chí, tuyên truyền phục vụ kháng chiến (1947), tham gia chiến dịch Biên giới (1950), sau đó bị giặc phục kích rồi hi sinh (1951)

+ Thời đại của ông có nhiều đổi thay, sự giao thời giữa chế độ cũ và chế độ mới nên ông thấu hiểu hơn bao giờ hết nỗi khổ của cảnh chiến tranh nghèo khó và chế độ nửa thực dân, nửa phong kiến đương thời

b. Con người

- Nam Cao là người có đời sống nội tâm phong

phú, sôi sục, ngay thẳng. Bên trong con người Nam Cao luôn có một cuộc đấu tranh căng thẳng để vươn tới sự hoàn thiện nhân cách con người. Đó là cuộc đấu tranh giữa lòng nhân đạo đối lập với cái ích kỉ, cái tầm thường, cái cao thượng đối lập cái hèn nhát, dục vọng phàm tục đối lập với khát vọng tinh thần cao cả,...

- Nam Cao còn là người có tâm lòng nhân hậu, chan chứa yêu thương, giàu tình sâu nặng với quê hương và những người nghèo khổ. Nam Cao quan niệm tình thương đồng loại là yếu tố quan trọng trong tâm hồn con người. Mỗi trang viết về những người nghèo khổ của Nam Cao đều thấm đượm tâm trạng xót thương và đầy ý nghĩa nhân văn.

- Nam Cao là một con người ưa quan sát và thích triết lý. Từ những kinh nghiệm thực tiễn, từ những trải nghiệm về lẽ đời, Nam Cao thường đưa ra những triết lý sâu sắc đầy tâm huyết. Chính tính cách ấy đã khiến cho tác phẩm của Nam Cao có nội dung phong phú và ý nghĩa triết lý sâu xa.

c. Sự nghiệp

- Đề tài sáng tác chính:

+ *Trước CMT8*: viết về cuộc sống của người trí thức tiểu tư sản và về cuộc sống của những người nông dân nghèo.

+ *Sau CMT8*: Phản ánh khí thế cuộc kháng chiến chống Pháp và thay đổi quan niệm nghệ thuật và trong cách khám phá về người lao động

- Quan niệm sáng tác:

+ Theo ông, văn học phải phản ánh hiện thực, phải dựa trên tinh thần nhân đạo chủ nghĩa, phải phản ánh nỗi khôn khổ, cùng quẫn của nhân dân. Với

Nam Cao “*Một tác phẩm có giá trị là một tác phẩm vượt lên bên trên tất cả các bờ cõi và giới hạn, phải là một tác phẩm chung cho cả loài người. Nó phải chứa đựng được cái gì lớn lao mạnh mẽ, vừa đau đớn lại vừa phấn khởi. Nó ca tụng lòng thương, tình bác ái, sự công bình. Nó làm cho người gần người hơn*”

+ Nam Cao còn đề cao sáng tạo trong văn chương, ông phê phán lối viết cầu thả. Ông coi sáng tác văn chương là một hình thái lao động cao quý. Vì vậy, với ông, người cầm bút phải có lương tâm, có trách nhiệm với sáng tác nghệ thuật của mình

+ Sau CMT8, Nam Cao có quan niệm nghệ thuật phải phục vụ lợi ích dân tộc, đặt lợi ích dân tộc lên trên hết. Ông quan niệm nhà văn phải sống đã rồi hãy viết, ông thể hiện một cách nhìn nhận mới về con người lao động: con người không chỉ là nạn nhân của hoàn cảnh mà còn là những người có khả năng cải tạo hoàn cảnh

- **Phong cách sáng tác:** Đề cao con người tư tưởng, hoạt động bên trong của con người và coi đó là nguyên nhân của hành động bên ngoài. Nam Cao có khuynh hướng tìm vào nội tâm, đi sâu vào thế giới tinh thần của con người. Ông đặc biệt sắc sảo trong việc phân tích và diễn tả những trạng thái, những quá trình tâm lý phức tạp. Trong sáng tác, ông thường đặt ra các vấn đề xã hội có ý nghĩa to lớn, thể hiện tính triết lý sâu sắc về con người

2. Tác phẩm

a. Hoàn cảnh ra đời và xuất xứ

- Bối cảnh nông thôn Việt Nam trước Cách mạng tháng Tám năm 1945. Nam Cao đã lấy nguyên

mẫu nhân vật từ người thật, việc thật ở làng quê của chính ông.

b. Nhan đề

Chí Phèo ban đầu được Nam Cao đặt tên là “Cái lò gạch cũ”, khi ra mắt độc giả lần đầu, NXB tự đổi thành “Đôi lứa xứng đôi” (In trong tập “Đôi lứa xứng đôi” gồm 11 truyện ngắn, NXB Đời mới, Hà Nội, 1941). Sau này, khi in lại trong tập “Luống cày” (Hội Văn hóa cứu quốc xuất bản, Hà Nội, 1946) Nam Cao đặt lại tên là Chí Phèo.

II. Đọc hiểu văn bản

1. Cốt truyện và trật tự kể chuyện

a. Cốt truyện theo trình tự thời gian cuộc đời nhân vật

(1) Chí Phèo sinh ra tại cái lò gạch cũ, không biết cha mẹ là ai, người trong làng nuôi Chí khôn lớn, lần lượt hắn đã ở trong những gia đình khác nhau cho đến khi trạc tuổi 20 hắn làm canh điền của Bá Kiến

(2) Mụ vợ Bá Kiến thích Chí vì vậy thường xuyên dụ dỗ, Bá Kiến ghen tuông và đẩy Chí Phèo vào tù. Cũng từ đây tính cách, cuộc đời Chí Phèo có nhiều chuyển biến.

(3) Ra tù Chí thành tay sai chuyên đi đòi nợ thuê cho Bá Kiến, cuộc đời của hắn chỉ biết có rượu và những lần chửi bới. Cả làng ghê sợ và né tránh hắn, gọi hắn là Chí Phèo, là con quỷ dữ làng Vũ Đại

(4) Chí Phèo tình cờ gặp gỡ Thị Nở, nảy sinh tình cảm với Thị và khát khao được trở lại làm người

(5) Bị Thị Nở từ chối, gạt phăng đi mong muốn quay về con đường lương thiện của hắn. Chí Phèo

chìm trong rượu, sẵn hơi men Chí Phèo tìm đến Bá Kiến, giết Bá Kiến và tự kết liễu cuộc đời mình

b. Cốt truyện theo trật tự kể của Nam Cao

(3) Ra tù Chí thành tay sai chuyên đi đòi nợ thuê cho Bá Kiến, cuộc đời của hắn chỉ biết có rượu và những lần chửi bới. Cả làng ghê sợ và né tránh hắn, gọi hắn là Chí Phèo, là con quỷ dữ làng Vũ Đại (Tiếng chửi ở đầu truyện)

(1) Chí Phèo sinh ra tại cái lò gạch cũ, không biết cha mẹ là ai, người trong làng nuôi Chí khôn lớn, lần lượt hắn đã ở trong những gia đình khác nhau cho đến khi trạc tuổi 20 hắn làm canh điền của Bá Kiến

(2) Mụ vợ Bá Kiến thích Chí vì vậy thường xuyên dụ dỗ, Bá Kiến ghen tuông và đẩy Chí Phèo vào tù. Cũng từ đây tính cách, cuộc đời Chí Phèo có nhiều chuyển biến.

(4) Chí Phèo tình cờ gặp gỡ Thị Nở, nảy sinh tình cảm với Thị và khát khao được trở lại làm người

(5) Bị Thị Nở từ chối, gạt phăng đi mong muốn quay về con đường lương thiện của hắn. Chí Phèo chìm trong rượu, sẵn hơi men Chí Phèo tìm đến Bá Kiến, giết Bá Kiến và tự kết liễu cuộc đời mình

c. Nhận xét

Theo trật tự: Hiện tại □ Quá khứ □ Hiện tại

- Khơi gợi tò mò, băn khoăn của người đọc về sự tồn tại của Chí Phèo

- Khắc đậm chân dung méo mó, khác lạ của Chí Phèo

- Gợi dẫn về quá khứ, vì sao có sự xuất hiện của một kẻ khác lạ như Chí? Hắn đã được sinh ra và trở thành người như hiện tại ra sao?

	- Liệu có con đường nào khác dành cho Chí Phèo của hiện tại và tương lai? Chí Phèo đã tìm lại cuộc đời mình như thế nào? □ Gợi dẫn, tạo hứng thú và điểm nhấn trong cách kể chuyện của tác giả.				
2.2 Đoạn mở đầu Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập GV yêu cầu HS đọc đoạn mở đầu và thực hiện bảng theo điểm nhìn trần thuật và nhận xét Hình thức tổ chức: Nhóm đôi, nhóm lớn hoặc làm cá nhân <i>*GV có thể mở rộng thêm về giọng điệu đa thanh, đặc điểm nổi bật trong truyện ngắn của Nam Cao</i> Thời gian: 20ph Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh thực hiện đọc và tiến hành làm bảng Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh trình bày phần bài làm của mình Bước 4. Kết luận, nhận định GV chốt lại các kiến thức cơ bản	2. Đoạn mở đầu theo điểm nhìn trần thuật <table border="1"> <thead> <tr> <th>Bình diện</th><th>Nội dung thể hiện</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Điểm nhìn người kể chuyện</td><td> “<i>Hắn vừa đi vừa chửi. Bao giờ cũng thế, cứ rượu xong là hắn chửi. Bắt đầu hắn chửi trời.... Rồi hắn chửi đời.....Tức mình, hắn chửi ngay tất cả làng Vũ Đại.</i>” “<i>Mà có trời biết! Hắn không biết, cả làng Vũ Đại cũng không ai biết.</i>” - Tiếng chửi theo lớp lang: Chửi trời □ Trời đời □ Chửi cả làng Vũ Đại - Tiếng chửi đồng, bất kì ai cũng có thể nghe thấy, tiếng chửi gây náo loạn không khí o bế, ngọt ngào của làng Vũ Đại - Người kể chuyện dẫn dắt người đọc vào tác phẩm bằng âm thanh xao động, gây chú ý cao. - Điểm nhìn người kể chuyện </td></tr> </tbody> </table>	Bình diện	Nội dung thể hiện	Điểm nhìn người kể chuyện	“<i>Hắn vừa đi vừa chửi. Bao giờ cũng thế, cứ rượu xong là hắn chửi. Bắt đầu hắn chửi trời.... Rồi hắn chửi đời.....Tức mình, hắn chửi ngay tất cả làng Vũ Đại.</i>” “<i>Mà có trời biết! Hắn không biết, cả làng Vũ Đại cũng không ai biết.</i>” - Tiếng chửi theo lớp lang: Chửi trời □ Trời đời □ Chửi cả làng Vũ Đại - Tiếng chửi đồng, bất kì ai cũng có thể nghe thấy, tiếng chửi gây náo loạn không khí o bế, ngọt ngào của làng Vũ Đại - Người kể chuyện dẫn dắt người đọc vào tác phẩm bằng âm thanh xao động, gây chú ý cao. - Điểm nhìn người kể chuyện
Bình diện	Nội dung thể hiện				
Điểm nhìn người kể chuyện	“<i>Hắn vừa đi vừa chửi. Bao giờ cũng thế, cứ rượu xong là hắn chửi. Bắt đầu hắn chửi trời.... Rồi hắn chửi đời.....Tức mình, hắn chửi ngay tất cả làng Vũ Đại.</i>” “<i>Mà có trời biết! Hắn không biết, cả làng Vũ Đại cũng không ai biết.</i>” - Tiếng chửi theo lớp lang: Chửi trời □ Trời đời □ Chửi cả làng Vũ Đại - Tiếng chửi đồng, bất kì ai cũng có thể nghe thấy, tiếng chửi gây náo loạn không khí o bế, ngọt ngào của làng Vũ Đại - Người kể chuyện dẫn dắt người đọc vào tác phẩm bằng âm thanh xao động, gây chú ý cao. - Điểm nhìn người kể chuyện				

		tái hiện chân dung méo mó, phi lí, nông cuồng của Chí
	Điểm nhìn Chí Phèo	<i>“Tức mình, hấn chửi ngay tất cả làng Vũ Đại”</i> <i>“Không ai lên tiếng cả. Tức thật! Ô thế này thì tức thật! Tức chết đi được mất! Đã thế, hấn phải chửi cha đứa nào không chửi nhau với hấn. Nhưng cũng không ai ra điều. Mẹ kiếp! Thế thì có phí rượu không? Thế thì có khổ hấn không? Không biết đứa chết mẹ nào để ra thân hấn cho hấn khổ đến nông nổi này! A ha! Phải đấy hấn cứ thế mà chửi, hấn chửi đứa chết mẹ nào để ra thân hấn, để ra cái thằng Chí Phèo?”</i> ● Khi tiếng chửi của Chí không được đáp lại, hấn tự nhủ trong lòng: Chửi đứa nào đã đẻ ra thằng Chí Phèo, đứa nào không chửi nhau với hấn để hấn phí rượu. ● Đây là tiếng lòng của một kẻ say mà lại không say, bởi hấn biết và hấn hiểu nguyên nhân của việc hấn luôn chìm đắm trong những cơn say

	<table> <tr> <td data-bbox="776 144 997 1220"></td><td data-bbox="997 144 1458 1220"> triền miên, cất tiếng chửi đời, chửi người là do kẻ đã làm hại đời hấn, hấn chửi kẻ đã làm nên cái thằng Chí Phèo ● Điểm nhìn của Chí cho thấy hấn không hề say thậm chí xác định đúng đối tượng hấn muốn hướng đến, cho thấy sự bất lực của Chí khi không thay đổi được số phận, sự cô đơn của Chí khi không có ai giao tiếp với mình ● Tiếng chửi thể hiện sự khát khao giao tiếp, hấn chửi vì không có một ai trả lời hay đáp lại lời hấn. </td></tr> <tr> <td data-bbox="776 1220 997 1913"> Điểm nhìn dân làng Vũ Đại </td><td data-bbox="997 1220 1458 1913"> - <i>Thế cũng chẳng sao: đời là tất cả nhưng chẳng là ai</i> - <i>Có hề gì? Trời có của riêng nhà nào?</i> - <i>Tức mình, hấn chửi ngay tất cả làng Vũ Đại</i> - <i>Nhưng cả làng Vũ Đại ai cũng nhủ: “Chắc nó trờì mình ra!”</i> ● Điểm nhìn của dân làng Vũ Đại cho thấy được sự e dè, thờ ơ và muốn né tránh tiếng chửi của Chí, ai cũng </td></tr> </table>		triền miên, cất tiếng chửi đời, chửi người là do kẻ đã làm hại đời hấn, hấn chửi kẻ đã làm nên cái thằng Chí Phèo ● Điểm nhìn của Chí cho thấy hấn không hề say thậm chí xác định đúng đối tượng hấn muốn hướng đến, cho thấy sự bất lực của Chí khi không thay đổi được số phận, sự cô đơn của Chí khi không có ai giao tiếp với mình ● Tiếng chửi thể hiện sự khát khao giao tiếp, hấn chửi vì không có một ai trả lời hay đáp lại lời hấn.	Điểm nhìn dân làng Vũ Đại	- <i>Thế cũng chẳng sao: đời là tất cả nhưng chẳng là ai</i> - <i>Có hề gì? Trời có của riêng nhà nào?</i> - <i>Tức mình, hấn chửi ngay tất cả làng Vũ Đại</i> - <i>Nhưng cả làng Vũ Đại ai cũng nhủ: “Chắc nó trờì mình ra!”</i> ● Điểm nhìn của dân làng Vũ Đại cho thấy được sự e dè, thờ ơ và muốn né tránh tiếng chửi của Chí, ai cũng
	triền miên, cất tiếng chửi đời, chửi người là do kẻ đã làm hại đời hấn, hấn chửi kẻ đã làm nên cái thằng Chí Phèo ● Điểm nhìn của Chí cho thấy hấn không hề say thậm chí xác định đúng đối tượng hấn muốn hướng đến, cho thấy sự bất lực của Chí khi không thay đổi được số phận, sự cô đơn của Chí khi không có ai giao tiếp với mình ● Tiếng chửi thể hiện sự khát khao giao tiếp, hấn chửi vì không có một ai trả lời hay đáp lại lời hấn.				
Điểm nhìn dân làng Vũ Đại	- <i>Thế cũng chẳng sao: đời là tất cả nhưng chẳng là ai</i> - <i>Có hề gì? Trời có của riêng nhà nào?</i> - <i>Tức mình, hấn chửi ngay tất cả làng Vũ Đại</i> - <i>Nhưng cả làng Vũ Đại ai cũng nhủ: “Chắc nó trờì mình ra!”</i> ● Điểm nhìn của dân làng Vũ Đại cho thấy được sự e dè, thờ ơ và muốn né tránh tiếng chửi của Chí, ai cũng				

	<table border="1"> <tr> <td data-bbox="776 140 997 667"></td><td data-bbox="997 140 1446 667"> hi vọng chắc nó trừ mình ra, không cần dây dưa với loại Chí Phèo ● Thái độ của dân làng đối với Chí. Có thể họ sợ Chí cũng có thể họ không còn coi Chí là một con người trong xã hội. </td></tr> <tr> <td data-bbox="776 667 997 1094"> Điểm nhìn bên ngoài (Người kể chuyện) </td><td data-bbox="997 667 1446 1094"> Tiếng chửi đồng, chửi trời, chửi đời, chửi cả làng Vũ Đại của Chí Tạo ấn tượng về một hình hài méo mó, biến dạng của một kẻ không giống con người, khơi gợi sự tò mò, phẫn nộ. </td></tr> <tr> <td data-bbox="776 1094 997 1625"> Điểm nhìn bên trong (Người dân và của Chí Phèo) </td><td data-bbox="997 1094 1446 1625"> Tiếng chửi có lớp lang, có suy nghĩ và cảm xúc của Chí. Tiếng chửi vừa để bộc lộ nỗi niềm phẫn uất, vừa là mong muốn làm lại cuộc đời, được công nhận làm con người. Chí Phèo bị cả làng Vũ Đại nói riêng, bị xã hội loài người nói chung kiên quyết ruồng bỏ, tẩy chay. </td></tr> <tr> <td colspan="2" data-bbox="776 1625 1446 1879"> - Tương quan sự dịch chuyển điểm nhìn: + Từ người kể → Dân làng Vũ Đại → Nhân vật Chí Phèo (Quan sát → Quan sát và chứng kiến → Nội tâm nhân vật) </td></tr> </table>		hi vọng chắc nó trừ mình ra, không cần dây dưa với loại Chí Phèo ● Thái độ của dân làng đối với Chí. Có thể họ sợ Chí cũng có thể họ không còn coi Chí là một con người trong xã hội.	Điểm nhìn bên ngoài (Người kể chuyện)	Tiếng chửi đồng, chửi trời, chửi đời, chửi cả làng Vũ Đại của Chí Tạo ấn tượng về một hình hài méo mó, biến dạng của một kẻ không giống con người, khơi gợi sự tò mò, phẫn nộ.	Điểm nhìn bên trong (Người dân và của Chí Phèo)	Tiếng chửi có lớp lang, có suy nghĩ và cảm xúc của Chí. Tiếng chửi vừa để bộc lộ nỗi niềm phẫn uất, vừa là mong muốn làm lại cuộc đời, được công nhận làm con người. Chí Phèo bị cả làng Vũ Đại nói riêng, bị xã hội loài người nói chung kiên quyết ruồng bỏ, tẩy chay.	- Tương quan sự dịch chuyển điểm nhìn: + Từ người kể → Dân làng Vũ Đại → Nhân vật Chí Phèo (Quan sát → Quan sát và chứng kiến → Nội tâm nhân vật)	
	hi vọng chắc nó trừ mình ra, không cần dây dưa với loại Chí Phèo ● Thái độ của dân làng đối với Chí. Có thể họ sợ Chí cũng có thể họ không còn coi Chí là một con người trong xã hội.								
Điểm nhìn bên ngoài (Người kể chuyện)	Tiếng chửi đồng, chửi trời, chửi đời, chửi cả làng Vũ Đại của Chí Tạo ấn tượng về một hình hài méo mó, biến dạng của một kẻ không giống con người, khơi gợi sự tò mò, phẫn nộ.								
Điểm nhìn bên trong (Người dân và của Chí Phèo)	Tiếng chửi có lớp lang, có suy nghĩ và cảm xúc của Chí. Tiếng chửi vừa để bộc lộ nỗi niềm phẫn uất, vừa là mong muốn làm lại cuộc đời, được công nhận làm con người. Chí Phèo bị cả làng Vũ Đại nói riêng, bị xã hội loài người nói chung kiên quyết ruồng bỏ, tẩy chay.								
- Tương quan sự dịch chuyển điểm nhìn: + Từ người kể → Dân làng Vũ Đại → Nhân vật Chí Phèo (Quan sát → Quan sát và chứng kiến → Nội tâm nhân vật)									

	+ Từ bên ngoài → bên trong (Tiếng chửi có lớp lang, gây chú ý → Tiếng lòng của Chí trong hoàn cảnh tha hóa và bị tẩy chay) → Cho thấy phần mở đầu đầy kịch tính, người kể chuyện cũng không hơn Chí, cũng không hơn làng Vũ Đại, cũng chưa biết gì về Chí cả. + Sự dịch chuyển từ xa đến gần, từ khách quan đến chủ quan, từ bên ngoài đến bên trong, mục đích cuối cùng của việc khắc họa tiếng chửi chính là tạo sự ấn tượng, tạo câu hỏi gợi dẫn xung quanh tiếng chửi của hắn, một phần nào thấu hiểu được sự cô đơn và tâm trạng của Chí Phèo. Tiếng chửi vừa để bộc lộ nỗi niềm phẫn uất, vừa là mong muốn làm lại cuộc đời, được công nhận làm con người.
	- Cách mở đầu của Nam Cao: + Độc đáo, đảo trật tự kể gây ấn tượng cho người đọc + Thể hiện được cái nhìn đa chiều: Từ người kể cho tới người dân làng Vũ Đại, cách người dân làng Vũ Đại đối xử và coi thường Chí ra sao + Thể hiện được nội tâm sâu thẳm của nhân vật, bản thân Chí Phèo với hình dạng méo mó, hành động khác thường bên ngoài là nội tâm chất chứa tâm sự và những nỗi đau cần người thấu hiểu và hé mở ở phần sau câu chuyện. + Giọng điệu đa thanh
2.3 Nhân vật Chí Phèo Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập	3. Nhân vật Chí Phèo a. Hình ảnh anh Chí lương thiện

GV chia nhóm theo các nội dung thảo luận dựa trên phiếu gợi dẫn của từng nhóm

Vấn đề 1. Hình ảnh anh Chí lương thiện

- Tìm những chi tiết miêu tả hình ảnh, suy nghĩ của Chí trong quá khứ trước khi đi tù trở về? (Hoàn cảnh, công việc, tính cách, ước mơ) – *HS có thể vẽ hoặc tái hiện chân dung nhân vật*

- Qua những chi tiết đó em có nhận xét gì về nhân vật Chí Phèo

- Đọc đoạn văn “*Hồi ấy hần hai mươi ... chứ yêu đương gì*” và cho biết lời và điểm nhìn của người kể chuyện thể hiện thái độ như thế nào đối với Chí Phèo?

Vấn đề 2. Anh Chí lương thiện trở thành Chí Phèo

- Vì sao Chí Phèo lại khiến dân làng Vũ Đại e sợ khi hần mới từ nhà tù trở về làng? (Sự thay đổi ngoại hình, tính cách và con người Chí như thế nào?)

- Đọc đoạn “*Hần về hôm trước ... Ô hần kêu!*” và trả lời câu hỏi người kể chuyện có hoàn toàn miêu tả cảnh Chí Phèo gây sự với người nhà Bá Kiến chỉ từ điểm nhìn của mình không? Vì sao?

Vấn đề 3. Chí Phèo gặp Thị Nở và sự hồi sinh của Chí

- Sự thay đổi bên trong Chí Phèo bắt đầu từ những cảm giác và ấn tượng gì?

- Điều gì ám ảnh Chí Phèo nhất khi nghĩ

- Sinh ra mồ côi và lớn lên ở làng quê nghèo:

Chí Phèo là cậu bé mồ côi được anh đi thả ống lươn, người đàn bà góa mù, bác phó cối và những người nông dân lương thiện, nghèo khổ, nhưng giàu lòng nhân ái nuôi nấng. Dù ngay từ khi lọt lòng Chí đã bị bỏ rơi, nhưng nhờ sự cưu mang, nuôi nấng của những người nông dân lương thiện, những con người giàu lòng nhân ái và tình yêu thương, Chí đã được lớn lên trong vòng tay cưu mang của cả dân làng.

- Khi trưởng thành:

+ **Chăm chỉ làm ăn** (làm thuê cho nhà Lí Kiến) và có một ước mơ nhỏ nhoi, bình dị “*Ao ước có một gia đình nho nhỏ, chồng cuốc mướn cày thuê, vợ dệt vải. Chúng lại bỏ một con lợn nuôi để làm vốn liếng, khá giả thì mua dăm ba sào ruộng*”. Đó là một ước muốn bình thường giản dị nhưng rất đáng trân trọng. Chí cũng giống như bao người trai cày hiền lành chất phác thôn quê. Chí có một ước muốn giản dị, chân thành. Ước muốn chân thành giản đơn ấy cũng cho thấy bản chất lương thiện ở anh. Lúc này, người trai cày hiền lành chân chất, vẫn đang thấy cuộc đời tươi đẹp, nhiều hi vọng và ước mơ. Người sống có mục đích, có ước mơ là người biết người, biết mình, có mục đích sống, yêu cuộc sống, trân trọng sự sống.

+ Chí đi làm canh điền cho nhà lí Kiến, Chí có **lòng tự trọng rất cao**. Chí Phèo ý thức được việc bóp chân cho bà Ba là một việc đáng khinh. “*Hần thấy nhục hơn là thích, hướng hồ lại sợ*.”; “*Hần chỉ thấy nhục chứ yêu đương gì*”. Đó là ý thức của một người có lòng tự trọng. Khi phải làm cái việc

về cuộc đời của mình? - Lòng trắc ẩn của thị Nở dành cho Chí Phèo được thể hiện qua ý nghĩ và hành động nào? - Người kể chuyện đặt điểm nhìn ở đâu khi miêu tả những cảm xúc của Chí Phèo lúc nhận bát cháo hành của Thị Nở? - Nhân tố nào mang tính quyết định đối với quá trình hồi sinh nhân tính của nhân vật? Vì sao? - Thái độ của người kể với Chí Phèo và Thị Nở thông qua điểm nhìn và lời kể có gì đặc biệt? Vấn đề 4. Chí Phèo bị Thị Nở từ chối - Lí do bà cô thị Nở dứt khoát không cho cháu mình đến với Chí Phèo có thỏa đáng không? Vì sao? - Vì sao tâm trí của Chí Phèo khi bị từ chối lại bị ám ảnh bởi hơi cháo hành? - Thái độ của người kể với Chí Phèo và Thị Nở thông qua điểm nhìn và lời kể có gì đặc biệt? Thời gian: 45ph Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh thực hiện đọc và làm phiếu Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh trình bày phần bài làm của mình Bước 4. Kết luận, nhận định GV chốt lại các kiến thức cơ bản	không chính đáng, Chí Phèo không những không muốn làm mà còn cảm thấy nhục nhã, khinh khi. Thậm chí, Chí Phèo còn thấy “sợ”. Cái biết “sợ” đó chứng tỏ Chí Phèo là một người có lòng tự trọng, một người biết sợ làm điều khuất tất, xấu xa chắc chắn không phải là một người xấu. □ Chí Phèo là một anh thanh niên khỏe mạnh, hiền lành, có phần nhút nhát nhưng có lòng tự trọng, có mục đích sống, biết trân trọng cuộc sống. Một người thanh niên như Chí xứng đáng có một cuộc sống hạnh phúc, yên bình. □ Thái độ trân trọng của nhà văn. b. Anh Chí lương thiện trở thành Chí Phèo - Sự thay đổi về nhân hình + Chí Phèo xuất hiện với bộ dạng của một thằng lưu manh, một thằng “săng đá”: <i>“Cái đầu thì trọc lóc, cái răng cạo trắng hớn, cái mặt thì đen mà rất căng căng, hai mắt gườm gườm trông gớm chết. Hắn mặc quần nái đen với cái áo Tây vàng. Cái ngực phanh đầy những nét trạm trổ rồng phượng với một ông tướng cầm chùy, cả hai cánh tay cũng thế”</i>. + Sau những lần đâm chém, rạch mặt ăn vạ, Chí phèo trở thành một “con vật lạ”. <i>“Cái mặt hắn không trẻ mà cũng không già; nó không còn phải là mặt người: nó là mặt một con vật lạ, - nhìn mặt những con vật có bao giờ biết tuổi? - Cái mặt hắn vàng vàng mà lại muốn xạm màu gio; nó vẫn dọc vẫn ngang, không thứ tự, biết bao nhiêu là sẹo, vết những mảnh chai của bao nhiêu lần ăn vạ kêu làng.”</i> + Một “con vật lạ” mà không ai thêm “ra điều”,
---	--

không ai thêm tiếp chuyện, chỉ có “ba con chó dữ” sửa lại. *“Thôi thì cứ đóng cái cổng cho thật chắc rồi mặc thầy cha nó, nó có chửi thì tai liền miệng đấy, chửi rồi lại nghe! Thành thử chỉ có ba con chó dữ với một thằng say rượu!”*

□ Bộ dạng của một thằng lưu manh hiện ngay ra trên khuôn mặt. Từ ngoại hình đến dáng điệu và cử chỉ hành động của Chí Phèo đều là biểu hiện của một tên lưu manh.

- Sự hủy hoại về nhân tính

+ **Mất ý thức người:** Chí Phèo không ý thức được kẻ thù độc ác. Bởi Chí Phèo lúc nào cũng triền miên trong những cơn say. Sau 7,8 năm đi tù về Chí Phèo lại quay trở lại làm việc cho chính kẻ đã đẩy hắn vào nhà tù, làm thuê cho kẻ đã đẩy Chí Phèo vào nhà tù phong kiến. Rượu, những cơn say đã khiến cho Chí Phèo không ý thức được kẻ thù độc ác, không thoát được ra khỏi cái vòng luẩn quẩn trói buộc, ghì chặt hắn xuống sát đất.

+ **Mất đi phẩm giá người và lòng tự trọng trong cách hành xử:** Rạch mặt ăn vạ, chửi dân làng, phá tan nát hạnh phúc của những người dân lương thiện. “Bao nhiêu lần, - hắn nhớ làm sao nổi? - Bao nhiêu việc ức hiếp, phá phách, đâm chém, mưu hại, người ta giao cho hắn làm!”

+ Đặc biệt, Chí Phèo mất đi phẩm giá người khi “cưỡng bức” Thị Nở. Chi tiết Chí Phèo kêu làng to hơn, vừa kêu vừa dẫn người đàn bà xuống trước sự kinh ngạc của Thị Nở đã cho thấy Chí Phèo hoàn toàn không còn ý thức ở một con người. Đâu rồi anh Chí hiền lành ngày xưa, biết xấu hổ, biết nhục nhã khi phải làm cái việc bất chính lên bóp chân

cho bà ba? Đâu rồi anh Chí biết sợ làm những điều trái với lương tâm đạo lý? Chí Phèo bây giờ hoàn toàn mất đi nhân tính, không còn dù chỉ là một chút lòng tự trọng. Trong hình dung của độc giả ở chi tiết này, Chí Phèo hiện lên đích thực một thằng lưu manh vừa la làng vừa ăn cướp, một con quỷ dữ.

□ Con quỷ dữ làng Vũ Đại

- Nguyên nhân trực tiếp:

+ Sự ghen tuông vô lối của Lý Kiến đã đẩy Chí vào tù. Cụ bá ghen tuông vô lối là bởi cụ năm nay đã ngoài sáu mươi, đã già yếu quá mà mấy bà vợ của cụ lại cứ trẻ, cứ phây phây, hơn nữa lại đa tình *“mắt bà, miệng bà, có duyên, nhưng trông dẽ lấm!”*. Cụ bá ghét những thằng trai trẻ, *“Cụ chỉ muốn cho tất cả những thằng trai trẻ đi ở tù”*. Và không ai khác, Chí Phèo chính là “thằng trai trẻ” đầu tiên là nạn nhân của thói ghen tuông vô lối đó.

+ Nhà tù thực dân đã biến người trai cày chất phác, hiền lành, lương thiện thành tên lưu manh nát rượu, chém mướn đâm thuê của làng Vũ Đại. Sau đó, Chí Phèo trượt sâu vào vực thăm lưu manh hóa và trở thành con quỷ dữ của làng Vũ Đại.

- Nguyên nhân sâu xa:

+ Những người nông dân cùng quần đấm chém, giành giật lẫn nhau. Bọn địa chủ cường hào như đàn cá tranh mồi (quần ngư tranh thực). Làng xã phong kiến trước Cách mạng tháng Tám, ngột ngạt, tù đọng, mâu thuẫn đối kháng gay gắt. Môi trường như thế dễ khiến con người rơi vào những thảm kịch lưu manh.

+ Trong tác phẩm, những thế lực kì hào trong làng

không chỉ có cha con Bá Kiến - Lý Cường mà còn có Đội Tảo và bọn đàn em của hắn. Hai thế lực này mâu thuẫn đối kháng gay gắt với nhau. Chúng thay nhau bóc lột, đàn áp.

c. Chí Phèo gặp Thị Nở và sự hồi sinh của Chí

- Sự trở về của ý thức trong Chí Phèo

+ Sau đêm ở bờ sông, Chí bị một trận cảm. Quá trình thức tỉnh của Chí Phèo được bắt đầu bằng trạng thái tỉnh rượu. Người đàn ông sống trong những cơn say triền miên giờ đây mới có được những phút giây tỉnh táo. Lâu lắm rồi tâm hồn Chí mới vang lên **âm thanh cuộc sống** xung quanh: *tiếng chim hót ngoài kia sao vui vẻ quá, tiếng anh thuyền chài gõ mái chèo đuổi cá, tiếng người đi chợ về,... những âm thanh ấy ngày nào chả có, vậy mà hôm nay Chí mới nhận ra.* Lắng nghe được xôn xao những âm thanh của cuộc sống đời thường là tín hiệu của nhận thức đã trở về trong tâm hồn Chí

+ Nam Cao đã rất khéo léo đặt nhân vật của mình trong hoàn cảnh chỉ có một mình sau trận cảm để từ đó nhận sự thức tỉnh trong tâm hồn của Chí Phèo. Chí Phèo nằm yên lặng trong túp lều với bao nhiêu suy nghĩ ngổn ngang. Tâm hồn anh có một sự thức tỉnh mạnh mẽ. Nó được bắt đầu bằng những **ý thức của Chí về bản thân trong quá khứ**. Tâm hồn Chí Phèo hiển hiện một cái gì đó rất xa xôi. Đó là kí ức về cuộc sống của một anh canh điền hiền lành với những ước mơ bình dị “*chồng cày thuê cuốc mướn, vợ dệt vải*”

+ Quá khứ hiện lên đẹp biết bao nhiêu lại càng giúp Chí Phèo **ý thức về tình cảnh của mình**

trong thực tại bấy nhiêu. Chí nhận thức về sự già nua, tình cảnh cô độc của mình “*Hắn đã già, ngoài bốn mươi tuổi đầu, hắn đã tới con dốc bên kia của cuộc đời*”. Hắn ý thức về sự cô độc còn khủng khiếp hơn cả sự đói rét ớn đau.

+ Sự trở về trong nhận thức cho thấy con người này bắt đầu **lo lắng cho cuộc sống của bản thân**. Chí Phèo xưa kia không bao giờ biết sợ hãi vậy mà giờ đây lại **thấy buồn**. Nam Cao diễn tả tâm trạng ấy bằng hàng loạt từ ngữ “*Lòng mơ hồ buồn, buồn thay cho đời, hắn lại nao nao buồn*”... Trong giây phút ấy, Chí Phèo thực sự đang sống với những cảm xúc, tâm trạng, suy nghĩ băn khoăn, lo lắng đời thường nhất của một con người.

- Khát khao hạnh phúc và hoàn lương

+ Đứng vào những giây phút Chí Phèo yếu mềm nhất thì Thị Nở - “*một kẻ xấu ma chê quỷ hờn lại còn dở hơn*” xuất hiện với bát cháo hành với cử chỉ săn sóc tận tình, với tình yêu chân thật của người đàn bà xấu xí đã trỗi dậy trong tâm hồn Chí sự xúc động và niềm hi vọng sâu sắc. Lần đầu tiên sau bao tháng ngày sống trong bóng tối u mê thì hắn đã thấy “*mắt mình ươn ướt*” – giọt nước mắt của con người. Tình yêu chân thật, những cử chỉ ân cần của Thị Nở đã kéo Chí từ tận cùng của xã hội lên đỉnh cao của con người. Niềm hy vọng được trỗi dậy, tình thương của người đàn bà giúp Chí hiểu rằng “*Hắn có thể tìm bạn sao lại chỉ gây kẻ thù*”. Khao khát và hy vọng về một cuộc sống lương thiện trong Chí mạnh mẽ hơn bao giờ hết “*Trời ơi! Hắn thèm lương thiện, hắn muốn làm hoà với mọi người biết bao*”.

- Lòng trắc ẩn của Thị Nở

+ Thị nghĩ: cái thằng liều lĩnh ấy kể ra cũng đáng thương, còn gì đáng thương bằng đau ốm mà nằm còng queo một mình.

+ Giá thử đêm qua không có thị thì hẳn chết.

+ Thị thấy như yêu hẳn: đó là cái lòng yêu của một người làm ơn, nhưng cũng có cả lòng yêu của một người chịu ơn.

+ Thị nghĩ: bỏ hẳn lúc này thì cũng bạc, dù sao cũng ăn nằm với nhau như vợ chồng.

+ Thị muốn gặp Chí Phèo, phải cho hẳn ăn gì mới được.

+ Thị nấu cháo hành cho Chí.

- Cảm xúc của Chí khi nhận bát cháo hành: Khi đón nhận bát cháo hành từ tay Thị Nở. Đầu tiên, hẳn ngạc nhiên. **Ngạc nhiên** vì lần đầu tiên được người ta cho ăn, ngạc nhiên vì có được sự quan tâm từ người khác, có được cái ăn mà **không phải cướp bóc, dọa nạt**. Rồi **mất hẳn “uơn ưót”**. Có gì đó như là chút ăn năn, hối hận trong lòng hẳn. Hẳn khóc vì nhận được tình thương từ người khác, khóc với niềm hi vọng cái tương lai cô độc kia sẽ không còn nữa, hẳn khóc vì hẳn tin rằng mình vẫn còn cơ hội để làm lại cuộc đời □ Bát cháo như một động lực thúc đẩy những cảm xúc vốn đã chết lặng từ lâu trong Chí

- Cháo hành vốn là một món ăn bình thường, nếu không nói là xoàng xĩnh, lại được nấu bởi sự vụng về của người đàn bà thô kệch, xấu xí là Thị Nở thì lại càng tầm thường đến mức nào. Thế nhưng, đối với Chí Phèo, **thứ vật chất tầm thường ấy lại là một thứ lớn lao, đáng trân trọng**. Bởi chính bát

cháo hành đã khiến hần yêu và khao khát được yêu. Khơi dậy niềm khát vọng sống lên đến cực điểm của Chí lúc này □ Bát cháo hành không còn là bát cháo thông thường mà trở thành bát cháo của tình thương người và thức tỉnh lương tri con người

+ Những ngày chung sống với Thị Nở, Chí rất hiền lành, bản tính lương thiện bị khuất lấp sau những hành động đập đầu rạch mặt, đâm chém này lại hiện ra trong tâm tính của một kẻ bỗng chốc thấy lòng thành trẻ con với những mong muốn chân thành và những lí lẽ ngây thơ: mong muốn được thị sang ở cùng một nhà “*Hay là mình sang đây ở với tớ cùng một nhà cho vui*” “*Giá cứ thế này mãi thì thích nhỉ?*”. Lời bày tỏ tội nghiệp cho thấy cảm giác hạnh phúc và sự mong manh của hạnh phúc. Con người khốn khổ ấy ngay trong thời gian làm người ít ỏi vẫn pháp phồng những dự cảm về bất hạnh.

+ Chí Phèo không còn kinh rượu nhưng cố uống cho một ít để cho khỏi tốn tiền nhưng nhất là “*để tỉnh táo mà yêu nhau*”. Hành động cố không uống nhiều rượu là hành động thay đổi mạnh mẽ nhất ở Chí. Nếu trước đó Chí lúc nào cũng triền miên trong những cơn say, say để đập đầu rạch mặt, say để đâm thuê chém mướn...thì nay Chí đã thay đổi.

□ Sự thay đổi này của Chí Phèo cho thấy thực ra hần không hoàn toàn là kẻ nghiện ngập. Hần tìm đến rượu là vì hần quá cô độc, bất hạnh mà thôi. Hành động “làm nũng” với Thị Nở cùng với việc bày tỏ mong muốn được sống chung của Chí, biết phải uống ít lại để tỉnh táo chính là những biểu

hiện rõ nét cho sự quay trở lại của tính người, hành động rất Người trong Chí Phèo.

□ **Bản tính người đã thực sự trở lại với con quỷ dữ làng Vũ Đại**

d. Chí Phèo bị Thị Nở từ chối

- Thế nhưng cánh cửa trở về với cuộc sống con người vừa hé mở lại đóng sập trước mắt Chí. Bị kịch và đau đớn thay, Chí Phèo mong mỗi được *“làm hoà với mọi người”*. Nhưng cộng đồng lại dừng dưng và thậm chí còn cự tuyệt một cách tàn nhẫn trước tâm hồn mong mỗi được hoàn lương. Thái độ cay độc ấy được Nam Cao phản ánh qua nhân vật bà cô của Thị Nở *“Bà thấy nhục cho ông cha nhà bà, đàn ông chết hết cả rồi hay sao mà lại đâm đầu đi lấy một thằng không cha. Ai lại đi lấy một thằng chỉ có một nghề là rạch mặt ăn vạ”*. Như vậy, cộng đồng làng Vũ Đại chỉ quen nhìn Chí như một con quỷ dữ mà không nhận ra được sự hoàn lương của Chí. Ngay cả Thị Nở - từng ăn nằm với Chí vậy mà cũng rất nhanh rũ bỏ hẳn

- Đầu tiên trong Chí Phèo là cảm giác ngạc nhiên, thích chí trước sự giận dữ của Thị Nở. Nhưng đến khi hiểu rõ sự thật, Chí “ngẩn người”, rồi “sửng sốt”. Chí Phèo “đuổi theo nắm tay” Thị Nở... rồi hẳn “ôm mặt khóc rưng rức”

□ Cảm giác đau xót, cố níu kéo của Chí Phèo không chỉ là níu kéo tình yêu với Thị Nở mà với niềm khát khao được đến với cuộc đời lương thiện của những người sống lương thiện.

- Bị Thị Nở cự tuyệt, Chí Phèo hoàn toàn rơi vào tuyệt vọng (Chi tiết “hơi cháo hành” được nhắc đi nhắc lại thể hiện niềm khát khao tình yêu của Chí):

	Chí Phèo lại rơi vào bi kịch tinh thần của con người sinh ra là người nhưng lại không được làm người. (“khóc rung rức”: khóc nhiều, khóc trong cay đắng tủi nhục). Tâm trí của Chí Phèo lúc này lại bị ám ảnh bởi hơi cháo hành vì: Thị Nở nghe lời bà cô đã từ chối Chí. Chí Phèo đang trên con đường hoàn lương lại bị đẩy xuống hố sâu tuyệt vọng. Hắn vừa nhớ thị nhưng cũng vừa hận thị. e. Thái độ của người kể đối với nhân vật qua điểm nhìn và lời kể - Bày tỏ niềm cảm thông sâu sắc với số phận bị đầy đoạ, lãng nhục, bị cự tuyệt quyền làm người của người lao động lương thiện. - Cát lên tiếng kêu cứu thảm thiết và đầy phẫn uất cho người lao động lương thiện. - Thái độ lên án gay gắt những thế lực tàn bạo đã gây nên tấn bi kịch đau thương cho người lao động. - Thái độ trân trọng, nâng niu những nét đẹp của người nông dân.
2.4 Đoạn kết truyện Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập GV chia nhóm, yêu cầu HS đọc đoạn kết truyện, lựa chọn nhiệm vụ 1 hoặc 2 để giải quyết vấn đề. Sau đó sử dụng kỹ thuật BUS STOP để mỗi nhóm tự trình bày nội dung đã tìm hiểu Nhiệm vụ 1. Nhận xét về điểm nhìn và giọng điệu trần thuật ở đoạn kết của truyện khi Chí Phèo tìm đến nhà bá Kiến lần cuối và phản ứng của dân làng Vũ	4. Đoạn kết truyện a. Điểm nhìn và giọng điệu - Điểm nhìn: Có sự thay đổi, đan xen giữa + Điểm nhìn của người kể chuyện “<i>Trời nắng lắm, nên đường vắng. Hắn cứ đi, cứ chửi, cứ dọa giết “nó”, và cứ đi. Bây giờ đến ngõ nhà cụ Bá. Hắn xông xông đi vào.” “Hắn rút dao ra xông vào. Bá Kiến ngồi nhòm dậy, Chí Phèo đã văng dao tới rồi. Bá Kiến chỉ kịp kêu một tiếng. Chí Phèo vừa chém túi bụi vừa kêu làng thật to. Hắn kêu làng, không bao giờ người ta vội đến. Bởi thế khi người</i>

Đại về cái chết của hai nhân vật. Phân tích ý nghĩa cái chết của Chí Phèo Nhiệm vụ 2. So sánh đoạn kết của hai truyện ngắn Chí Phèo và Vợ nhặt Thời gian: 30ph Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh thực hiện đọc và làm nhiệm vụ Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh trình bày phần bài làm của mình Bước 4. Kết luận, nhận định GV chốt lại các kiến thức cơ bản	<i>ta đến thì hắn cũng đang giẫy dụa đánh đập ở giữa bao nhiêu là máu tươi. Mắt hắn trợn ngược. Mồm hắn ngáp ngáp, muốn nói, nhưng không ra tiếng. Ở cổ hắn, thỉnh thoảng máu vẫn còn ứ ra.”</i> + Điểm nhìn của người dân làng Vũ Đại: Cả làng Vũ Đại nhao lên. Họ bàn tán rất nhiều về vụ án không ngờ ấy. Có nhiều kẻ mừng thầm. Không thiếu kẻ mừng ra mặt. Có người nói xa xôi: “Trời có mắt đấy, anh em ạ!”. Người khác thì nói toạc ra: “Thằng nào chứ hai thằng ấy chết thì không ai tiếc! Rõ thật bọn chúng nó giết nhau, nào có phải cần đến tay người khác đâu”. Mừng nhất là bọn hào lý ở trong làng. Họ tuôn đến hỏi thăm, nhưng chính là để nhìn lý Cường bằng những con mắt thỏa mãn và khiêu khích. Đội Tảo, không cần kín đáo, nói toang toang ngay ngoài chợ, trước mặt bao người: “Thằng bố chết, thằng con lớp này không khỏi người ta cho ăn bùn”. Ai chả hiểu “người ta” đó là chính ông. Bọn đàn em thì bàn nhỏ: “Thằng mọt già ấy chết, anh mình nên ăn mừng”. Những người biết điều thì hay ngờ vực, họ chép miệng nói: “Tre già măng mọc, thằng ấy chết, còn thằng khác, chúng mình cũng chẳng lợi tí gì đâu...”. + Điểm nhìn của người dân làng Vũ Đại: Người kể chuyện đã cố gắng giữ lối trần thuật khá lạnh, hạn chế tối đa việc đưa ra những bình phẩm, đánh giá về cái chết của nhân vật cũng như tỏ thái độ với những ý kiến của dân làng Vũ Đại về cái chết của Chí Phèo. + Điểm nhìn của người kể chuyện trong trường hợp này chủ yếu là điểm nhìn bên ngoài, không có
--	--

phán quyết chắc chắn nào về những gì diễn ra trong suy nghĩ của nhân vật.

□ Điều này tạo cho người đọc một khoảng tự do để diễn dịch ý nghĩa cái chết của Chí Phèo.

- **Giọng điệu:** Tự nhiên, sinh động, sử dụng khẩu ngữ quần chúng một cách triệt để, mang hơi thở đời sống, giọng văn hoá đời sống. Ngôn ngữ kể chuyện vừa là ngôn ngữ của tác giả, vừa là ngôn ngữ của nhân vật, nhiều giọng điệu đan xen, tạo nên một thứ ngôn ngữ đa thanh đặc sắc.

b. Cái chết của Chí Phèo:

- Chí Phèo đến nhà bá Kiến trong tâm trạng tuyệt vọng của một con người đã thức tỉnh, đau xót, phẫn uất. Chi tiết trần thuật nửa trực tiếp ***“Không có rượu lấy gì làm máu cho nó chảy! Phải uống thêm chai nữa. Và hấn uống. Nhưng tức quá, càng uống càng tỉnh ra.”*** đã cho thấy khi đó Chí Phèo hoàn toàn tỉnh táo, Chí Phèo ý thức được hành động của mình, cố uống cho say. Nhưng cơn say khi ấy không lấn át được phần người với những suy nghĩ rất người đã trở lại ở Chí.

- Lúc Chí Phèo đi, qua cách miêu tả của Nam Cao, Chí đã rơi vào “trạng thái say mềm” nhưng dường như không hoàn toàn như vậy (tác giả cố ý đánh lừa người đọc). Chí Phèo say nhưng vẫn có phần tỉnh trong ý thức của mình: Hiểu rõ nguyên nhân mình không thể lương thiện và hiểu con đường cùng của mình. “Tao muốn làm người lương thiện”... ***“Không được! Ai cho tao lương thiện? Làm thế nào cho mất được những vết mảnh chai trên mặt này? Tao không thể là người lương thiện nữa. Biết không! Chỉ có một cách.. biết***

không! Chỉ còn một cách là... cái này! Biết không!...”

- Vấn đề đặt ra trong câu hỏi của Chí Phèo đã vượt cả những toan tính của bọn giai cấp thống trị. Câu nói của Chí cũng thể hiện rõ sự thức tỉnh của người nông dân về bi kịch của cuộc đời mình. Lưỡi dao vung lên kết thúc đời Bá Kiến của Chí Phèo chất chứa bên trong sự căm hờn, phẫn uất của giai cấp nông dân. Đây là hành động lấy máu rửa thù của những con người cùng khổ đã thức tỉnh về quyền sống, khát khao vùng lên. Nam Cao đã chứng tỏ cảm quan hiện thực vô cùng nhạy bén. Ông cảm nhận được tính xung đột khốc liệt ở giai cấp nông dân không gì có thể xoa dịu. Tác phẩm của Nam Cao hé mở cho độc giả thấy khả năng đấu tranh của người nông dân. Dự báo con đường giải quyết mâu thuẫn duy nhất là con đường đấu tranh vũ trang.

- Đó là cái chết thê thảm, thể hiện sự ăn năn, hối hận, Chí Phèo ý thức rõ tội ác mà mình gây ra. Nợ máu phải trả bằng máu. Chí không muốn sống cũng vì khi linh hồn trở về, Chí Phèo không thể cam chịu kiếp sống thú vật. Cái chết của Chí chứng tỏ khát khao trở về với cuộc sống lương thiện, với xã hội những người lương thiện còn cao hơn cả tính mạng. Cái chết của Chí là một minh chứng cho sức mạnh dù là tự phát, liều lĩnh của người nông dân bị đẩy vào đường cùng vẫn lớn lao như thế nào. Cái chết của Chí Phèo tố cáo cả một xã hội thực dân nửa phong kiến không chỉ đẩy người nông dân vào con đường bần cùng hóa, lưu manh hóa mà còn đẩy tới tận cùng, không cho

người nông dân quay lại xã hội ấy nữa.

- Cái chết cũng thể hiện lòng tin của tác giả vào bản chất lương thiện của người nông dân lao động sẽ mãi mãi không bao giờ mất đi.
- Cái chết của Chí Phèo là một cái kết đầy ám ảnh. Hiện tượng Chí Phèo chưa chấm dứt bởi cái lò gạch cũ bỏ không hiện lên trong tâm trí Thị Nở phản ánh quy luật tàn bạo ấy của xã hội thực dân nửa phong kiến: chừng nào còn giai cấp thống trị tàn bạo, người nông dân còn bị bần cùng hóa dẫn tới lưu manh hóa và mất đi cả nhân hình và nhân tính.

c. So sánh hai kết thúc

	Chí Phèo	Vợ nhặt
	Cái chết của Chí Phèo, Bá Kiến và hình ảnh cái lò gạch cũ hiện lên trong tâm trí của thị Nở với suy nghĩ “Nói đại, nếu mình chữa, bây giờ hắn chết rồi thì làm thế nào”?	Trong bữa cơm ngày đói, người vợ nhặt kể về việc phá kho thóc Nhật của người dân miền ngược. Hiện lên trong tâm trí anh Tràng là hình ảnh đoàn người đói và lá cờ đỏ.
Giống nhau	+ Điều mở ra một cuộc đời mới + Điều thể hiện được tấm lòng	

		nhân đạo sâu sắc của nhà văn.	
	Khác nhau	Mở ra bi kịch mới: Nếu Thị Nở có con với Chí Phèo, số phận của đứa trẻ sẽ lặp lại những đau khổ, bất hạnh của bố mẹ. Gọi liên tưởng về cái vòng luẩn quẩn của bi kịch Chí Phèo: Chí Phèo chết đi nhưng bi kịch Chí Phèo vẫn còn đó, áp bức, bạo tàn vẫn còn thì vẫn còn những cảnh đời khốn cùng như Chí.	Hình ảnh đoàn người đói và lá cờ đỏ gọi mở về một tương lai tươi sáng cho tất cả các nhân vật. Đánh thức một điều gì đó thật mới mẻ bên trong Tràng. Anh đã bắt đầu bước gần hơn với con đường cách mạng, bắt đầu có những nhận thức về hành động của bản thân. → Chỉ có đi theo cách mạng, đứng lên đấu tranh chống lại cái bạo tàn, áp bức mới có

	<table border="1"> <tr> <td data-bbox="787 170 1006 539"></td><td data-bbox="1006 170 1446 539">thể bảo vệ được hạnh phúc và sự bình yên của những người thân yêu.</td></tr> </table>		thể bảo vệ được hạnh phúc và sự bình yên của những người thân yêu.
	thể bảo vệ được hạnh phúc và sự bình yên của những người thân yêu.		
2.5 Đặc sắc trong cách kể chuyện Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập GV chia nhóm, yêu cầu HS tổng hợp thông tin quá trình đọc và tìm hiểu văn bản và vẽ sơ đồ tư duy hệ thống hóa đặc sắc trong cách kể chuyện của Nam Cao trên ba bình diện: người kể chuyện, điểm nhìn và lời trần thuật Thời gian: 15ph Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh thực hiện đọc và làm nhiệm vụ Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh trình bày phần bài làm của mình Bước 4. Kết luận, nhận định GV chốt kiến thức cơ bản	5. Đặc sắc nghệ thuật kể chuyện của Nam Cao - Người kể chuyện: Người kể chuyện ở ngôi thứ ba – người kể chuyện toàn tri, thể hiện cảm xúc và suy nghĩ của nhân vật. Giọng điệu kể đa thanh - Điểm nhìn: Điểm nhìn có sự thay đổi linh hoạt, luân phiên. điểm nhìn của người kể chuyện/ điểm nhìn của nhân vật; điểm nhìn bên ngoài và điểm nhìn bên trong. - Lời trần thuật: Kể truyện linh hoạt tự nhiên phóng túng mà vẫn nhất quán, chặt chẽ, đảo lộn trình tự thời gian, mạch tự sự có những đoạn hồi tưởng, liên tưởng tạt ngang, tưởng như lỏng lẻo mà thực sự rất tự nhiên, hợp lý, hấp dẫn.		
3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP a. Mục tiêu hoạt động: Học sinh thực hành viết kết nối với đọc b. Nội dung thực hiện: ❖ GV đưa ra nhiệm vụ ❖ HS thực hiện viết kết nối với đọc			
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập Giáo viên giao nhiệm vụ	Gợi ý Cháo hành vốn là một món ăn bình thường, nếu		

Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) trình bày suy nghĩ của bạn về chi tiết bát cháo hành của thị Nở trong truyện ngắn Chí Phèo.

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

Học sinh suy nghĩ và thực hành viết

Bước 3. Báo cáo, thảo luận

Học sinh chia sẻ bài viết

Bước 4. Kết luận, nhận định

GV chốt lại các chia sẻ

không nói là xoàng xĩnh, lại được nấu bởi sự vụng về của người đàn bà thô kệch, xấu xí là Thị Nở thì lại càng tầm thường đến mức nào. Thế nhưng, đối với Chí Phèo, thứ vật chất tầm thường ấy lại là một thứ lớn lao, đáng trân trọng. Bởi chính bát cháo hành đã khiến hẩn yêu và khao khát được yêu. Khơi dậy niềm khát vọng sống lên đến cực điểm của Chí lúc này. Bát cháo hành không còn là bát cháo thông thường mà trở thành bát cháo của tình thương người và thức tỉnh lương tri con người. Khi đón nhận bát cháo hành từ tay Thị Nở. Đầu tiên, hẩn ngạc nhiên. Ngạc nhiên vì lần đầu tiên được người ta cho ăn, ngạc nhiên vì có được sự quan tâm từ người khác, có được cái ăn mà không phải cướp bóc, dọa nạt. Rồi mắt hẩn “ươn ướt”. Có gì đó như là chút ăn năn, hối hận trong lòng hẩn. Hẩn khóc vì nhận được tình thương từ người khác, khóc với niềm hi vọng cái tương lai cô độc kia sẽ không còn nữa, hẩn khóc vì hẩn tin rằng mình vẫn còn cơ hội để làm lại cuộc đời. Bát cháo như một động lực thúc đẩy những cảm xúc vốn đã chết lạng từ lâu trong Chí.

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG – LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu hoạt động: Học sinh liên hệ tới phần mở đầu bài học và trả lời được các câu hỏi: Định kiến của xã hội có những tác hại như thế nào? Cách nhìn nhận đánh giá con người cần thể hiện cái nhìn ra sao? Lòng yêu thương và sự cảm thông quan trọng như thế nào trong cuộc sống ngày nay.

b. Nội dung thực hiện:

❖ GV tổ chức hoạt động: **LỜI BẢO CHỮA** dành cho CHÍ PHÈO

❖ HS chia nhóm thực hiện nhiệm vụ

Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập

Giáo viên giao nhiệm vụ: **LỜI BÀO CHỮA** dành cho **CHÍ PHÈO** với các hình thức thể hiện:

- Chí Phèo xuất hiện ở thời hiện đại viết tâm thư thể hiện nỗi đau đớn của mình trong quá khứ và suy nghĩ của mình về các định kiến xã hội và mong muốn khát khao được hòa nhập
- Chí Phèo có cơ hội sống lại và được mở một cuộc họp tại dân làng để chia sẻ về những nỗi khổ và mong muốn sự yêu thương đón nhận của dân làng đối với những người có cùng cảnh ngộ như mình

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

Học sinh viết nhật kí, tâm thư, thảo luận nhóm xây dựng tình huống,...

Bước 3. Báo cáo, thảo luận

Học sinh chia sẻ phần bài làm

Bước 4. Kết luận, nhận định

GV chốt lại các chia sẻ

Gợi ý: GV dựa vào phần ý tưởng của HS, sau đây là một vài gợi ý triển khai

- Định kiến xã hội hà khắc sẽ bào mòn khả năng sinh sống, tình yêu cuộc sống của con người
- Cần có cái nhìn đa chiều cho Chí Phèo, những cái nhìn bao dung cho người cùng cảnh ngộ đối với Chí
- Khẳng định chính tình yêu thương của Thị Nở đã giúp Chí Phèo hồi sinh và con người cần sống trong tình yêu thương để có thể tìm lại với con người đơn thuần lương thiện ban đầu
-

Họ và tên: _____ Lớp: _____

CHÍ PHÈO (NAM CAO)

Để tài sáng tác và phong cách sáng tác của Nam Cao có gì đặc biệt?

Em tìm hiểu những gì về Hoàn cảnh xuất xứ và Nhan đề của tác phẩm

CHÍ PHÈO

Phụ lục 1. Phiếu học tập tìm hiểu chung

Họ và tên

Lớp

CHÍ PHÈO (NAM CAO)

Sơ đồ hóa cốt truyện theo trình tự thời gian cuộc đời nhân vật

Sơ đồ hóa cốt truyện theo trình tự kể của Nam Cao

Đánh giá hiệu quả của việc phá vỡ trình tự kể này.

Phụ lục 2. Phiếu học tập phần mở đầu truyện

Họ và tên

Lớp

CHÍ PHÈO (NAM CAO)

Phân loại điểm nhìn trần thuật trong đoạn mở đầu theo các bình diện: điểm nhìn của người kể chuyện/ điểm nhìn của nhân vật (Chí Phèo, dân làng Vũ Đại); điểm nhìn bên ngoài và điểm nhìn bên trong. Nhận xét về tương quan và sự dịch chuyển giữa các điểm nhìn này, qua đó, chỉ ra những nét đặc sắc trong cách Nam Cao mở đầu câu chuyện.

Bình diện	Nội dung thể hiện
Điểm nhìn người kể chuyện	
Điểm nhìn Chí Phèo	
Điểm nhìn dân làng Vũ Đại	
Điểm nhìn bên ngoài	
Điểm nhìn bên trong	

Họ và tên

Lớp

CHÍ PHÈO (NAM CAO)

Phân loại điểm nhìn trần thuật trong đoạn mở đầu theo các bình diện: điểm nhìn của người kể chuyện/ điểm nhìn của nhân vật (Chí Phèo, dân làng Vũ Đại); điểm nhìn bên ngoài và điểm nhìn bên trong. Nhận xét về tương quan và sự dịch chuyển giữa các điểm nhìn này, qua đó, chỉ ra những nét đặc sắc trong cách Nam Cao mở đầu câu chuyện.

Nhận xét tương quan sự dịch chuyển

Nhận xét cách m

Nhóm

Lớp

CHÍ PHÈO (NAM CAO)

Vấn đề 3. Chí Phèo gặp Thị Nở và sự hồi sinh của Chí

Sơ đồ thay đổi bên trong Chí Phèo từ đầu tới những cảm giác và suy tưởng gì?

Điều gì ám ảnh Chí Phèo nhất lời người về cuộc đời của mình?

Lòng ước ẩn của thị Nở dành cho Chí Phèo được thể hiện qua ý nghĩ và hành động nào?

Phụ lục 3. Phiếu học tập nhóm tìm hiểu nhân vật Chí Phèo

Nhóm

Lớp

CHÍ PHÈO (NAM CAO)

Vấn đề 1. Hình ảnh anh Chí lương thiện

Tìm những chi tiết miêu tả hình ảnh, sự nghĩ của Chí trong quá khứ trước khi đi ra tù và về? (Mô tả cảnh, công việc, tình cảnh, ước mơ) – HS có thể vẽ hoặc tái hiện chân dung nhân vật

Qua những chi tiết đó em có nhận xét gì về nhân vật Chí Phèo?

Được ban vào "Hồi Kỵ hầu hai mươi... chủ yếu Dương già" và cho biết lời và điểm nhìn của người kể chuyện thể hiện thái độ như thế nào đối với Chí Phèo?

Nhóm

Lớp

CHÍ PHÈO (NAM CAO)

Vấn đề 2. Anh Chí lương thiện trở thành Chí Phèo

Vì sao Chí Phèo lại khốn khổ đến vậy? Vì sao anh lại biến mất từ nhà tù trở về làng? (Sự thay đổi ngoại hình, tình cảnh và con người Chí như thế nào?)

Được ban "Máu về bên trước... Ở bên sau" và từ lời của hai người kể chuyện có hiểu được miêu tả cảnh Chí Phèo gặp sự với người nhà Bá Kiến chỉ từ điểm nhìn của mình không? Vì sao?

Nhóm

Lớp

CHÍ PHÈO (NAM CAO)

Vấn đề 3. Chí Phèo gặp Thị Nở

Người kể chuyện kể điểm nhìn ở đâu khi miêu tả những Phèo lúc nhận bài cháo hành của Thị Nở?

Nhân tố nào mang tính quyết định của nhân vật? Vì sao?

Thái độ của người kể với Chí Phèo và Thị Nở thông qua và ẩn dụ có gì đặc biệt?

Nhóm

Lớp

CHÍ PHÈO (NAM CAO)

Vấn đề 4. Chí Phèo bị Thị Nở chối bỏ

Lí do bà cô Thị Nở dứt khoát không cho cháu mình đến với Chí Phèo có thể đáng kinh ngạc? Vì sao?

Vì sao cảm nghĩ của Chí Phèo khi bị từ chối lại bị ám ảnh bởi hình cháo hành?

Thái độ của người kể với Chí Phèo và Thị Nở thông qua điểm nhìn và lời kể có gì đặc biệt?

Phụ lục 4. Rubric thảo luận nhóm

TIÊU CHÍ	CẦN CỐ GẮNG (0 – 4 điểm)	ĐÃ LÀM TỐT (5 – 7 điểm)	RẤT XUẤT SẮC (8 – 10 điểm)
Hình thức (2 điểm)	0 điểm Bài làm còn sơ sài, trình bày cẩu thả Sai lỗi chính tả	1 điểm Bài làm tương đối đầy đủ, chĩn chu Trình bày cẩn thận Không có lỗi chính tả	2 điểm Bài làm tương đối đầy đủ, chĩn chu Trình bày cẩn thận Không có lỗi chính tả Có sự sáng tạo

Nội dung (6 điểm)	1 - 3 điểm Chưa trả lời đúng câu hỏi trọng tâm Không trả lời đủ hết các câu hỏi gợi dẫn Nội dung sơ sài mới dừng lại ở mức độ biết và nhận diện	4 – 5 điểm Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn Trả lời đúng trọng tâm Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao	6 điểm Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn Trả lời đúng trọng tâm Có nhiều hơn 2 ý mở rộng nâng cao Có sự sáng tạo
Hiệu quả nhóm (2 điểm)	0 điểm Các thành viên chưa gắn kết chặt chẽ Vẫn còn trên 2 thành viên không tham gia hoạt động	1 điểm Hoạt động tương đối gắn kết, có tranh luận nhưng vẫn đi đến thống nhất Vẫn còn 1 thành viên không tham gia hoạt động	2 điểm Hoạt động gắn kết Có sự đồng thuận và nhiều ý tưởng khác biệt, sáng tạo Toàn bộ thành viên đều tham gia hoạt động
Điểm			
TỔNG			

Phụ lục 5. Rubric chấm bài viết kết nối đọc

TIÊU CHÍ	CẦN CỐ GẮNG (0 – 4 điểm)	ĐÃ LÀM TỐT (5 – 7 điểm)	RẤT XUẤT SẮC (8 – 10 điểm)
Hình thức (3 điểm)	1 điểm Bài làm còn sơ sài, trình bày cẩu thả Sai lỗi chính tả	2 điểm Bài làm tương đối đầy đủ, chỉnh chu Trình bày cẩn thận	3 điểm Bài làm tương đối đầy đủ, chỉnh chu Trình bày cẩn thận

	Sai kết cấu đoạn	Chuẩn kết cấu đoạn Không có lỗi chính tả	Chuẩn kết cấu đoạn Không có lỗi chính tả Có sự sáng tạo
Nội dung (7 điểm)	1 – 4 điểm Nội dung sơ sài mới dừng lại ở mức độ biết và nhận diện	5 – 6 điểm Nội dung đúng, đủ và trọng tâm Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao	7 điểm Nội dung đúng, đủ và trọng tâm Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao Có sự sáng tạo
Điểm			
TỔNG			

TIẾT 7. THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

ĐẶC ĐIỂM CƠ BẢN CỦA NGÔN NGỮ NÓI VÀ NGÔN NGỮ VIẾT

I. MỤC TIÊU

1. Về năng lực đặc thù

- **Học sinh nhận biết** được các đặc điểm cơ bản ngôn ngữ viết và ngôn ngữ nói để có hướng vận dụng phù hợp, hiệu quả
- **Học sinh chỉ ra** được hiệu quả của việc sử dụng ngôn ngữ viết và ngôn ngữ nói.
- **Học sinh vận dụng** kiến thức để nhận xét, phân tích các đặc điểm cơ bản của ngôn ngữ viết và ngôn ngữ nói trong ngữ liệu cụ thể

2. Về năng lực chung: Học sinh phát triển: Tư duy phản biện, năng lực hợp tác, giải quyết vấn đề, giao tiếp....

3. Về phẩm chất:

- Bồi dưỡng sự yêu thích, trân trọng vẻ đẹp và sự trong sáng của ngôn ngữ tiếng Việt.
- Học hỏi, chia sẻ và không ngừng cố gắng để hoàn thiện bản thân.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU

1. **Học liệu:** Sách giáo khoa, sách giáo viên
2. **Thiết bị:** Máy chiếu, bảng, dụng cụ khác nếu cần.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

TỔ CHỨC THỰC HIỆN	SẢN PHẨM
1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG – TẠO TÂM THỂ a. Mục tiêu hoạt động: Tạo tâm thế thoải mái và gợi dẫn cho học sinh về nội dung bài học b. Nội dung thực hiện: ❖ GV phát vấn ❖ HS trả lời	
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập GV đưa ra hai ví dụ và phát vấn: + Đoạn 1: A: Bác đan những cái đĩa, những cái đèn chụp, giỏ đựng đồ bằng tre ạ? B: Ủ! Đây là những vật dụng đan bằng tre để xuất khẩu cháu ạ! Người nước ngoài họ thích lắm, họ đặt hàng liên tục. A: Thế ạ! Tre nước mình trở thành sản phẩm tiêu dùng tốt quá bác nhỉ? B: Ủ! Đây là hàng thủ công mỹ nghệ đặc biệt và an toàn đấy cháu. + Đoạn 2: Thân tre là loại thân gỗ, rỗng có thể dùng trong nhiều loại hình xây dựng đến thủ	GV linh hoạt sử dụng câu trả lời của HS

công mỹ nghệ. Thân tre được dùng làm tác phẩm thủ công mỹ nghệ và được sử dụng tương đối nhiều. Các vật dụng mỹ nghệ được dùng làm trang trí nghệ thuật đang rất được các du khách nước ngoài ưa chuộng. Đối với những không gian cần thay đổi kiến trúc thì đây sẽ là một trong những loại vật liệu tốt nhất hiện nay.

(Trích Cây tre- nguồn nguyên liệu chủ đạo của tương lai)

Hai đoạn văn trên cùng nói về một vấn đề, đó là vấn đề gì? Theo em, điểm khác biệt về mặt ngôn ngữ giữa hai đoạn văn là gì?

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

Học sinh suy nghĩ và tham dự

Bước 3. Báo cáo, thảo luận

Học sinh chia sẻ

Bước 4. Kết luận, nhận định

Giáo viên dẫn dắt vào bài học: Cùng thể hiện vấn đề, nội dung thông tin nhưng giữa ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết có sự khác biệt.

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

a. Mục tiêu hoạt động:

- ❖ **Học sinh nhận biết** các đặc điểm cơ bản ngôn ngữ viết và ngôn ngữ nói.
- ❖ **Học sinh chỉ ra** được hiệu quả của việc sử dụng ngôn ngữ viết và ngôn ngữ nói.

❖ Học sinh vận dụng kiến thức để nhận xét, phân tích các đặc điểm cơ bản của ngôn ngữ viết và ngôn ngữ nói trong ngữ liệu cụ thể. b. Nội dung thực hiện: ❖ GV phát vấn – HS trả lời	
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập Giáo viên chiếu 2 ví dụ và phát vấn, HS thảo luận theo nhóm và trả lời các câu hỏi sau: + Đoạn 1: - <i>Chị thích điều gì nhất ở con người?</i> - <i>Chà, câu hỏi này mênh mông ghê. Tôi thích nụ cười nở trên gương mặt của một con người có tấm lòng nhân hậu. Nhiều đó đủ rồi.</i> <i>(Nhà văn Nguyễn Ngọc Tư: Nên chơi với văn chương, Anh Tú phỏng vấn)</i> + Đoạn 2: <i>Tiếng trống thành phủ gần đây đã bắt đầu thu không. Trên bốn chòi canh, ngực tôi cũng bắt đầu điểm vào cái quanh quẽ của trời tối mịt, những tiếng kiểng và mõ đều đặn thưa thớt. Lướt qua cái thăm thẳm của nội cỏ dẫm sương, vắng từ một làng xa đưa lại mấy tiếng chó sủa ma. Trong khung cửa sổ có nhiều con song kê những nét đen trắng lên nền trời lốm đốm tinh tú, một ngôi sao Hôm nhấp</i>	● Lí thuyết 1. Ngôn ngữ nói - Là ngôn ngữ âm thanh, lời nói trong giao tiếp hàng ngày. - Người nói và người nghe tiếp xúc trực tiếp với nhau, thay vai luân phiên. Nó diễn ra tức thời, mau lẹ nên người nói ít có điều kiện lựa chọn gọt giũa, người nghe ít có điều kiện suy ngẫm, phân tích kĩ. - Tính biểu cảm, tính cụ thể và cá thể cao. - Sử dụng tự nhiên các từ ngữ, cách diễn đạt như: khẩu ngữ, câu tỉnh lược, câu có yếu tố trùng lặp/ dư thừa, từ ngữ địa phương, biệt ngữ xã hội,...; có thể kết hợp sử dụng: ngữ điệu, cử chỉ, điệu bộ, nét mặt,... để tăng hiệu quả giao tiếp. 2. Ngôn ngữ viết - Là ngôn ngữ được thể hiện bằng chữ viết trong văn bản và được tiếp nhận bằng thị giác. - Người đọc và người viết không có sự tiếp xúc trực tiếp. Người viết có điều kiện suy ngẫm, lựa chọn gọt giũa; người đọc có điều kiện đọc lại, nghiền ngẫm để lĩnh hội được thấu đáo. - Có khả năng lưu trữ thông tin lâu dài, hướng tới

<i>nhảy như muốn tụt xuống phía chân giò không định. Tiếng dội chó sủa ma, tiếng trống thành phủ, tiếng kiêng mõ canh nổi lên nhiều nhiều. Bấy nhiêu thanh âm phức tạp bay cao lần lên khỏi mặt đất tối, nâng đỡ lấy một ngôi sao chính vị muốn từ biệt vũ trụ.</i> (Nguyễn Tuân) + Hãy nhận xét về đặc điểm ngôn ngữ (từ ngữ, câu, ...) của 2 ví dụ trên. + Trong 2 ví dụ trên, đoạn văn nào sử dụng ngôn ngữ nói, đoạn văn nào sử dụng ngôn ngữ viết? Dấu hiệu nào để em nhận biết được điều đó? + Đoạn văn nào sử dụng ngôn ngữ hay và trau trốt hơn? Tại sao? Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh thảo luận và trả lời Thời gian: 10 phút Chia sẻ: 5 phút Phản biện và trao đổi: 5 phút Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh chia sẻ bài làm và báo cáo phần bài làm Bước 4. Kết luận, nhận định Giáo viên chốt những kiến thức	một phạm vi người đọc rộng lớn. - Phải tuân thủ các quy tắc chính tả, từ vựng, ngữ pháp, bố cục trình bày,...; có thể kết hợp sử dụng các kiểu câu dài, nhiều thành phần phức tạp. Giải bài tập: tham khảo phụ lục
---	--

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu hoạt động: Học sinh vận dụng năng lực ngôn ngữ tạo lập văn bản có sử dụng ngôn ngữ viết dựa trên ngữ liệu văn bản đọc hiểu đã học.

b. Nội dung thực hiện

HS vận dụng kiến thức đã học đã hoàn thành bài viết theo rubric chấm

Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập

Giáo viên giao nhiệm vụ

Hãy viết một đoạn văn (khoảng 150 chữ) bằng ngôn ngữ viết để kể lại cuộc trò chuyện giữa Chí Phèo và Bá Kiến khi anh tới nhà Bá Kiến để đòi lại lương thiện.

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

Học sinh thực hành viết

Bước 3. Báo cáo, thảo luận

Học sinh trình bày phần bài làm của mình

Bước 4. Kết luận, nhận định

GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các chia sẻ tốt để cả lớp tham khảo

GV linh hoạt sử dụng phần chia sẻ bài làm của HS

Bài làm tham khảo

Chẳng còn ai trên đời này quan tâm đến mình, yêu thương mình, cuộc đời thì đi vào lầm lỗi, sa ngã nên Chí đã đến nhà Bá Kiến đòi lương thiện. Nhưng khác với những lần trước, lần này Bá Kiến nói với giọng hăng học, khó chịu, ném cho hắn ít tiền và đuổi hắn “cút đi đi cho rảnh”. Lần này, Chí không phải đến để đòi tiền, hắn trợn mắt, chỉ vào mặt Bá Kiến nói với giọng cục cằn “Tao không đến đây xin năm hào”. Thấy vậy, Bá Kiến cũng dịu giọng lại nhưng thấy Chí Phèo vẫn kiêu ngạo, hắn ngay lập tức đổi thái độ chuyển sang chê cười, châm biếm Chí. Và những lời lẽ cuối cùng đã bộc lộ tất cả bi kịch nội tâm của Chí: “Tao muốn làm người lương thiện. Không được! Ai cho tao lương thiện? Làm thế nào cho mất được những mảnh chai trên mặt này? Tao không thể là người lương thiện nữa. Biết không!”

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG, LIÊN HỆ

a. Mục tiêu hoạt động: Học sinh bàn luận về yêu cầu được nêu ra trong bài viết, kiểm tra lại bài viết

b. Nội dung thực hiện: HS hoàn thành bài viết và tự sửa lại bài viết theo rubric chấm

Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập Giáo viên giao nhiệm vụ Học sinh thảo luận và thực hiện Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh thực hiện thảo luận, tranh biện Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh trình bày phần bài làm của mình Bước 4. Kết luận, nhận định GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các chia sẻ tốt để cả lớp tham khảo	GV linh hoạt vào bài chia sẻ của HS
--	-------------------------------------

Phụ lục 1. Giải bài tập

I. Ngôn ngữ nói

Câu 1 (Sgk Ngữ văn KNTT&CS, tr37-38)

a) Đặc điểm của ngôn ngữ nói được mô phỏng, tái tạo trong đoạn trích:

- Tác giả thay vai liên tục từ người kể chuyện đến lời của nhân vật Tràng, thể hiện rõ tâm trạng của nhân vật Tràng khi thị bất ngờ xuất hiện.
- Trong lời thoại của nhân vật, tác giả sử dụng những từ cảm thán như “À”, “Hà”, “nhá”, “đấy” và những từ địa phương như “hờ”.

→ Qua cách sử dụng ngôn ngữ nói vào trong văn viết, tác giả giúp người đọc có thể dễ dàng nắm bắt được tâm lý, cảm xúc của nhân vật qua những ngôn từ hết sức gần gũi, cụ thể. Từ đó, làm nổi bật nên cuộc gặp gỡ đầy bất ngờ và trớ trêu trong tình thế khó khăn của 2 con người điển hình của nạn đói.

b) Đặc điểm của ngôn ngữ nói được mô phỏng, tái tạo trong đoạn trích:

- Tác giả sử dụng linh hoạt từ ngữ của văn nói như “biết gì”, “oi”, “rồi”, “ai” ...

→ Qua cách sử dụng linh hoạt ngôn ngữ nói, tác giả muốn thể hiện sự gian xảo trong lời nói cũng như con người của bá Kiến, chỉ bằng một vài câu nói ngắn ông đã có thể xoa dịu được một Chí Phèo say rượu, hung hăng. Trọng lượng của lời nói không chỉ thể hiện ở những câu từ trau chuốt, đôi khi sự đơn giản, dễ hiểu lại có giá trị thuyết phục đối với người nghe cao hơn.

II. Ngôn ngữ viết

Câu 2 (Sgk Ngữ văn KNTT&CS, tr 38)

- Từ ngữ: dùng các từ ngữ bình dị, gần gũi nhưng cũng rất chọn lọc, trau chuốt.
- Biện pháp nghệ thuật liệt kê, so sánh.
- Câu văn ngắn cùng cách diễn đạt đơn giản “Người chết như ngả rạ.”, “Cái đói đã tràn đến xóm này từ lúc nào”...
- Sử dụng các từ láy mang ý nghĩa biểu tượng “xác xơ”, “ngăn ngắt”, “úp súp”, “heo hút”... nhằm gợi lên một khung cảnh rừng rợn, tiêu điều, đáng thương mà ở đó con người dường như trở thành những bóng ma vật vờ, đợi chờ cái chết.

Phụ lục 2. Rubric đánh giá thảo luận nhóm

TIÊU CHÍ	CẦN CỐ GẮNG (0 – 4 điểm)	ĐÃ LÀM TỐT (5 – 7 điểm)	RẤT XUẤT SẮC (8 – 10 điểm)
Hình thức (2 điểm)	0 điểm Bài làm còn sơ sài, trình bày cầu thả Sai lỗi chính tả	1 điểm Bài làm tương đối đầy đủ, chỉn chu Trình bày cẩn thận Không có lỗi chính tả	2 điểm Bài làm tương đối đầy đủ, chỉn chu Trình bày cẩn thận Không có lỗi chính tả Có sự sáng tạo
Nội dung (6 điểm)	1 - 3 điểm Chưa trả lời đúng câu hỏi trọng tâm Không trả lời đủ hết	4 – 5 điểm Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn Trả lời đúng trọng tâm	6 điểm Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn Trả lời đúng trọng tâm

	các câu hỏi gợi dẫn Nội dung sơ sài mới dừng lại ở mức độ biết và nhận diện	Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao	Có nhiều hơn 2 ý mở rộng nâng cao Có sự sáng tạo
Hiệu quả nhóm (2 điểm)	0 điểm Các thành viên chưa gắn kết chặt chẽ Vẫn còn trên 2 thành viên không tham gia hoạt động	1 điểm Hoạt động tương đối gắn kết, có tranh luận nhưng vẫn đi đến thống nhất Vẫn còn 1 thành viên không tham gia hoạt động	2 điểm Hoạt động gắn kết Có sự đồng thuận và nhiều ý tưởng khác biệt, sáng tạo Toàn bộ thành viên đều tham gia hoạt động
Điểm			
TỔNG			

Phụ lục 3. Rubric đánh giá hoạt động viết

TIÊU CHÍ	CÀN CỐ GẮNG (0 – 4 điểm)	ĐÃ LÀM TỐT (5 – 7 điểm)	RẤT XUẤT SẮC (8 – 10 điểm)
Hình thức (3 điểm)	1 điểm Bài làm còn sơ sài, trình bày cẩu thả Sai lỗi chính tả Sai kết cấu bài Sai phương thức tự sự	2 điểm Bài làm tương đối đầy đủ, chỉn chu Trình bày rõ ràng, cẩn thận Chuẩn phương thức biểu đạt Không có lỗi chính tả	3 điểm Bài làm tương đối đầy đủ, chỉn chu Trình bày rõ ràng, cẩn thận Chuẩn phương thức biểu đạt Không có lỗi chính tả Có sự sáng tạo
Nội dung (7 điểm)	1 – 4 điểm Nội dung sơ sài mới	5 – 6 điểm Nội dung đúng, đủ và	7 điểm Nội dung đúng, đủ và

	dừng lại ở mức độ kể được một vài ý nhỏ.	trọng tâm Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao	trọng tâm Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao Có sự sáng tạo
Điểm			
TỔNG			

TIẾT 8,9,10. THỰC HÀNH KĨ NĂNG VIẾT

VIẾT VĂN BẢN NGHỊ LUẬN VỀ MỘT TÁC PHẨM TRUYỆN

(Những đặc điểm trong cách kể chuyện của tác giả)

I. MỤC TIÊU

1. Về năng lực đặc thù

- ❖ **Học sinh giới thiệu** ngắn gọn về tác phẩm truyện được chọn để phân tích (chú ý nêu khái quát các phương diện làm nên tính nghệ thuật của tác phẩm mà bài viết sẽ đi sâu phân tích).
- ❖ **Học sinh nêu** được và **phân tích một cách cụ thể, rõ ràng** về các phương diện nghệ thuật đặc sắc của tác phẩm (nghệ thuật sáng tạo tình huống, xây dựng cốt truyện, những nét đặc sắc của hình tượng người kể chuyện, cách tổ chức trần thuật, lời văn và giọng điệu,...).
- ❖ **Học sinh nêu** được nhận định, đánh giá về tác phẩm truyện dựa trên các lí lẽ và bằng chứng thuyết phục với những phân tích có chiều sâu hay thể hiện góc nhìn mới mẻ.
- ❖ **Học sinh khẳng định** giá trị của tác phẩm được chọn để phân tích.

2. Về năng lực chung: Học sinh phát triển: Tư duy phản biện, năng lực hợp tác, giải quyết vấn đề,...

3. Về phẩm chất: Tự rút ra được bài học trong cuộc sống và liên kết với các yếu tố số hóa, công dân toàn cầu,...

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU

1. Học liệu: Sách giáo khoa, sách giáo viên, phiếu học tập

2. Thiết bị: Máy chiếu, bảng, dụng cụ khác nếu cần.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

TỔ CHỨC THỰC HIỆN	SẢN PHẨM
1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG – TẠO TÂM THỂ a. Mục tiêu hoạt động: Tạo tâm thế thoải mái và gợi dẫn cho học sinh về nội dung bài học b. Nội dung thực hiện: ❖ GV tổ chức trò chơi CHÂN DUNG NHÀ VĂN ❖ Đưa ra các đặc điểm nghệ thuật tiêu biểu với một số nhà văn viết truyện ngắn ❖ HS suy nghĩ và ghép nối sao cho phù hợp	
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập GV đặt câu hỏi và trình chiếu Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh suy nghĩ và trả lời Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh chia sẻ Bước 4. Kết luận, nhận định Giáo viên dẫn dắt vào bài học	Một số nhà văn và đặc điểm sáng tác tham khảo 1. Thạch Lam: Truyện không có chuyện, chủ yếu khai thác thế giới nội tâm của nhân vật với những cảm xúc mong manh, mơ hồ trong cuộc sống hàng ngày 2. Nam Cao: Đại diện của văn học hiện thực phê phán Việt Nam trong giai đoạn cuối. Sự kết hợp giữa bi và hài, trữ tình và triết lí mà thiên nhiều về phần nghiệt ngã. 3. Kim Lân: Thường có tình huống, cảnh ngộ éo le, khó xử; đầy ắp chi tiết toát lên ý nghĩa của hiện thực, của sự thật đời sống; nhân vật chân thực, sống động với thế giới nội tâm khá phong phú, sâu

	sắc; cái kết của truyện gợi ra một lối mở tự nhiên. 4. Nguyễn Công Hoan: Mang tính trào phúng đặc sắc với những tiếng cười giòn giã, sáng khoái ném thẳng vào mặt kẻ thù. 5. Nguyễn Tuân: Bậc thầy ngôn ngữ, hết mực uyên bác, tài hoa trong việc xây dựng tình huống và cá tính riêng mạnh mẽ. 6. Nguyễn Minh Châu: Điều dựng trên những tàn tích nhận thức, đều nhấn vào sự phân biệt giữa chủ quan và khách quan, đều đề nghị lấy sự phân tích của lý trí tinh táo để phân biệt. Mang đậm tính triết lí.
2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI a. Mục tiêu hoạt động: ❖ Học sinh giới thiệu ngắn gọn về tác phẩm truyện được chọn để phân tích (chú ý nêu khái quát các phương diện làm nên tính nghệ thuật của tác phẩm mà bài viết sẽ đi sâu phân tích). ❖ Học sinh nêu được và phân tích một cách cụ thể, rõ ràng về các phương diện nghệ thuật đặc sắc của tác phẩm (nghệ thuật sáng tạo tình huống, xây dựng cốt truyện, những nét đặc sắc của hình tượng người kể chuyện, cách tổ chức trần thuật, lời văn và giọng điệu,...). ❖ Học sinh nêu được nhận định, đánh giá về tác phẩm truyện dựa trên các lí lẽ và bằng chứng thuyết phục với những phân tích có chiều sâu hay thể hiện góc nhìn mới mẻ. ❖ Học sinh khẳng định giá trị của tác phẩm được chọn để phân tích. b. Nội dung thực hiện: ❖ Học sinh đọc thật kĩ các thao tác chuẩn bị viết – tìm ý, lập dàn ý – trong khi viết – chỉnh sửa bài viết ❖ Học sinh thực hành lập dàn ý và viết bài	
2.1 Phân tích bài viết tham khảo Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập	Văn bản: Một vài nét về nghệ thuật tự sự của Nam Cao trong truyện ngắn Đời thừa.

Giáo viên yêu cầu HS đọc thật kĩ văn bản mẫu trong SGK và trả lời câu hỏi cá nhân hoặc theo nhóm Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh thực hành đọc và trả lời câu hỏi Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh chia sẻ bài làm Bước 4. Kết luận, nhận định Giáo viên chốt những kiến thức	1. Nghệ thuật tự sự của Nam Cao trong truyện ngắn Đời thừa có những phương diện đáng chú ý nào? Nghệ thuật tự sự của Nam Cao trong truyện ngắn Đời thừa có những phương diện đáng chú ý: - Tổ chức mạch truyện - Người kể chuyện - Lối trần thuật hướng nội - Thái độ của người kể với nhân vật - Lối trần thuật 2. Khi phân tích từng phương diện làm nên sức hấp dẫn của nghệ thuật tự sự trong Đời thừa, tác giả đã đi theo trình tự nào? Khi phân tích từng phương diện làm nên sức hấp dẫn của nghệ thuật tự sự trong Đời thừa, tác giả đã đi theo trình tự: - Miêu tả yếu tố đó. - Chỉ ra chức năng, vai trò của nó. - Thái độ của người kể chuyện với nhân vật. - Đánh giá hiệu quả nghệ thuật của nó. 3. Bạn có thể học hỏi được điều gì từ cách phân tích các phương diện của nghệ thuật tự sự trong Đời thừa? Điều gì ở bài viết chưa làm bạn thỏa mãn. - Học hỏi: Khi biết bài văn phân tích các phương diện của nghệ thuật tự sự cần phải nêu được giá trị của văn bản, chỉ ra phương diện nghệ thuật cần đánh giá. Mô tả và nêu vai trò chức năng của nó. Chỉ ra được thái độ của nhân vật và đánh giá hiệu quả nghệ thuật của nó. - Bài viết chưa đánh giá hiệu quả nghệ thuật của nghệ thuật tự sự.
--	--

2.2 Các bước thực hiện Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập Giáo viên phát phiếu học tập, HS hoàn thành phiếu đầy đủ các bước theo yêu cầu của SGK Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh thực hành hoàn thành phiếu Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh chia sẻ bài làm Bước 4. Kết luận, nhận định Giáo viên chốt những kiến thức	Các bước thực hiện Tìm ý và lập dàn ý (Tham khảo phiếu ở phụ lục)
3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP a. Mục tiêu hoạt động: Vận dụng năng lực ngôn ngữ để tạo lập văn bản b. Nội dung thực hiện HS vận dụng kiến thức đã học đã hoàn thành bài viết theo rubric chấm	
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập Giáo viên giao nhiệm vụ Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh thực hành viết Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh trình bày phần bài làm của mình Bước 4. Kết luận, nhận định GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các chia sẻ tốt để cả lớp tham khảo	Bài viết tham khảo (Gợi ý ở phần phụ lục)
4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG, LIÊN HỆ a. Mục tiêu hoạt động: Học sinh bàn luận về một vấn đề được người viết đề cập b. Nội dung thực hiện: HS hoàn thành bài viết và tiến hành kiểm tra đánh giá	
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập	GV linh hoạt sử dụng phần chia sẻ bài làm của HS

Giáo viên giao nhiệm vụ

Học sinh thảo luận và thực hiện

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

Học sinh thực hiện thảo luận, đánh giá

Bước 3. Báo cáo, thảo luận

Học sinh trình bày phần bài làm của mình

Bước 4. Kết luận, nhận định

GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các chia sẻ tốt để cả lớp tham khảo

Phụ lục 1. Phiếu học tập các bước thực hiện, tìm ý và lập dàn ý chi tiết

Họ và tên học sinh:.....Lớp:.....

PHIẾU VIẾT VIẾT VĂN BẢN NGHỊ LUẬN VỀ MỘT TÁC PHẨM TRUYỆN

(Những đặc điểm trong cách kể chuyện của tác giả)

HỆ BÀI: Viết một bài văn nghị luận phân tích những đặc điểm trong cách kể chuyện của tác giả trong một truyện ngắn mà em thích.

VẤN ĐỀ NGHỊ LUẬN VỀ TÁC PHẨM MÀ EM CHỌN LÀ:

NHIỆM VỤ 1. XÂY DỰNG HỆ THỐNG CÁC BƯỚC THỰC HIỆN

Bước 1: Chọn bài viết

- Chọn một tác phẩm truyện (truyện ngắn, tiểu thuyết) đã học hoặc nhiều lần trong và cách kể chuyện.
- Lưu chọn một số để tài:
- + Phân tích nghệ thuật xây dựng tình huống truyện và nhân vật trong một tác phẩm truyện.
- + Phân tích đặc điểm, vai trò và chức năng của người kể chuyện trong tác phẩm truyện.
- + Phân tích cách xây dựng truyện kể của một tác phẩm truyện (cách tổ chức hệ thống sự kiện, điểm nhìn, lời trần...)

Tác phẩm truyện mà tôi chọn là tác phẩm nào? Của ai?

Cách kể chuyện của tác giả khiến tôi ấn tượng là gì?

Vì vậy, tôi sẽ lựa chọn văn đề nghị luận, đó là

Bước 2: Tìm ý, lập dàn ý

* Tìm ý: Khi tìm ý, cần đặc biệt quan tâm các vấn đề sau:

- Tìm hiểu hoàn cảnh ra đời của tác phẩm, mối liên hệ giữa tác phẩm với nhà văn cùng thời đại và các kỹ thuật nghệ thuật, trường phái văn học nghệ thuật liên quan.
- Xác định những phương diện cụ thể trong cách kể chuyện của tác phẩm mà bài viết sẽ đi sâu vào phân tích. Ví dụ, trong bài viết tham khảo, các phương diện được chú ý trong nghệ thuật tự sự của truyện ngắn Đồi nhìn là tổ chức mạch truyện, người kể chuyện và lời trần thuật hướng nội có đóng điểm nhìn bên trong, ngang dọc ý thức của nhân vật; thái độ của người kể chuyện với nhân vật và đặc điểm của lời trần thuật. Hãy lưu ý chọn đề tài phân tích đặc sắc trong lời văn nghệ thuật của Nguyễn Tuân trong truyện ngắn Chữ người tử tù, người viết có thể quan sát và hệ thống hoá những điểm đáng lưu ý về tự ngữ, câu trúc, câu, các phương thức tổ chức điểm nhìn trần thuật, nhập diện trần thuật. Với đề tài nghệ thuật

chức năng tình huống trong truyện ngắn. Với đề tài Kim Lân, từ tác phẩm xem những nhân thân nào tạo nên tình huống truyện và tình huống ấy có thể bộc lộ điểm nào về các nhân vật.

* Đặc biệt cần chú ý phân tích hiệu quả của các phương thức, phương tiện nghệ thuật để giúp bộc lộ cảm quan và đối tượng của nhà văn cũng như khơi gợi suy tưởng và tưởng tượng đối người đọc. Chẳng hạn, trong bài viết tham khảo, tác giả đã chú ý đến khoảng cách giữa người kể chuyện với nhân vật, từ đó cho thấy một cảm quan văn độ hóm hỉnh và nghiêm khắc của nhà văn đối với con người. Với đề tài và lời văn nghệ thuật trong Chữ người tử tù, người viết cần chú ý đến khoảng cách đặc biệt mà truyện ngắn của Nguyễn Tuân gợi ra những qua những từ ngữ cổ kính, nhập diện trần thuật chân thực như một thước phim quay chậm cách Huân Cao cho chữ quản ngục.

* Đánh giá giá trị của tác phẩm mà đề chọn trên phương diện nghệ thuật Tác phẩm các vị trí như thế nào trong sự nghiệp của người kể? Nó đã tạo nên một phạm vi trong cách hiểu đạt được, đem đến những ấn tượng, xúc động thẩm mĩ mới mẻ thế nào? Ví dụ, với Đồi nhìn, người viết cần chú ý được cách kể chuyện từ nhiều điểm nhìn của Nam Cao khác biệt như thế nào với cách kể chuyện trong văn học trung đại và với cách kể chuyện ở những sáng tác của những nhà văn cùng thời với ông. Khi phân tích lời văn nghệ thuật trong truyện ngắn Chữ người tử tù, người viết có thể đi đến bàn luận và nhận định, rằng có quá nhiều khác biệt giữa Nguyễn Tuân là một bậc thầy của sáng Việt.

Hoàn cảnh ra đời của tác phẩm (hoàn cảnh thời đại và hoàn cảnh văn học) có ảnh hưởng đến cách kể chuyện của tác phẩm không? Nếu có, ảnh hưởng như thế nào?

Trong truyện ngắn có những đặc điểm kể chuyện nào đáng lưu ý?

- Tổ chức mạch truyện, người kể chuyện và lời trần thuật hướng nội (tổ chức điểm nhìn bên trong, ngang dọc ý thức của nhân vật), thái độ của người kể chuyện với nhân vật và đặc điểm của lời trần thuật.
- Tự ngữ, câu trúc, câu, các phương thức tổ chức điểm nhìn trần thuật, nhập diện trần thuật.
- Cách xây dựng tình huống truyện

Hiệu quả của các phương thức, phương tiện nghệ thuật để giúp bộc lộ cảm quan về đối tượng của nhà văn cũng như khơi gợi suy tưởng và tưởng tượng đối người đọc như thế nào?

Đánh giá giá trị của tác phẩm mà đề chọn trên phương diện nghệ thuật Tác phẩm các vị trí như thế nào trong sự nghiệp của người kể? Nó đã tạo nên một phạm vi trong cách hiểu đạt được, đem đến những ấn tượng, xúc động thẩm mĩ mới mẻ thế nào?	
* Lập dàn ý: Sau khi tìm ý, học cần sắp xếp các ý đã tìm được theo một trình tự hợp lý, đảm bảo bố cục	
Xây bài: Giới thiệu ngắn gọn về tác phẩm nghệ thuật mà sẽ phân tích. Nêu khía cạnh trong nghệ thuật của tác phẩm mà học sẽ tập trung làm rõ.	
Thân bài: Cần cơ vào việc các định các yếu tố làm nên tính nghệ thuật của tác phẩm truyện mà học chọn phân tích, triển khai bài viết thành các luận điểm tương ứng. Khi phân tích các yếu tố này có thể đi theo các trình tự: miêu tả yếu tố đó, chỉ ra chức năng, vai trò của nó, đánh giá hiệu quả của nó.	
Luận điểm	Lưu ý: không nhầm
Luận điểm 1: Nêu ra yếu tố (tổ chức các định nghĩa và luận thức là luận, dùng thời điểm giải yếu tố đó trong tác phẩm)	
Luận điểm 2: Chỉ ra chức năng của yếu tố đó và vai trò của nó trong tác phẩm	

Phụ lục 2. Dàn ý tham khảo

a) Mở bài

- Giới thiệu sơ lược về tác giả, tác phẩm:

+ Kim Lân là nhà văn một lòng một dạ đi về với "đất", với "người", với "thuần hậu nguyên thủy" của cuộc sống nông thôn.

+ Nạn đói năm 1945 đã đi vào nhiều trang viết của các nhà văn, nhà thơ trong đó có Vợ nhặt của Kim Lân.

- Dẫn dắt, giới thiệu vấn đề : Tình huống truyện độc đáo trong Vợ Nhặt.

b) Thân bài

* Khái niệm tình huống truyện

- Tình huống truyện là hoàn cảnh riêng được tạo nên bởi một sự kiện đặc biệt mà tại đó cuộc sống hiện lên đậm đặc nhất, bộc lộ rõ nét nhất ý đồ tư tưởng của tác giả.

- Tình huống truyện giữ vai trò là hạt nhân của cấu trúc thể loại.

* Phân tích tình huống nhặt vợ

- Bối cảnh xây dựng tình huống truyện:

+ Bối cảnh nạn đói khủng khiếp năm 1945 mà kết quả là hơn hai triệu người chết.

+ Một không khí ảm đạm, thê lương, những người sống luôn bị cái chết đe dọa.

- Tóm tắt tình huống: Vốn là một anh chàng dân ngụ cư, xấu trai, ế ẩm lại nghèo, thế mà Tràng đã “nhặt” được vợ một cách ngẫu nhiên và quá dễ dàng ngay trong những ngày đói chỉ bằng mấy câu hát, mấy lời bông đùa “tầm phơ tầm phào”, mấy bát bánh đúc...

Các chi tiết độc đáo của tình huống truyện:

+ Ở Tràng hội tụ nhiều yếu tố khiến nguy cơ “ế” vợ rất cao:

- ❖ Ngoại hình xấu xí, thô kệch.
- ❖ Tính tình có phần không bình thường.
- ❖ Ăn nói cộc cằn, thô lỗ.
- ❖ Nhà nghèo, đi làm thuê nuôi mình và mẹ già.
- ❖ Nạn đói đe dọa, cái chết đeo bám.

+ Tràng lấy vợ là lấy cho mình thêm một tai họa (theo lô gíc tự nhiên).

+ Việc Tràng lấy vợ là một tình huống bất ngờ

- ❖ Cả xóm ngụ cư ngạc nhiên.
- ❖ Bà cụ Tứ cũng hết sức ngạc nhiên

❖ Bản thân Tràng có vợ rồi vẫn còn “ngờ ngợ”.

+ Tình huống truyện bất ngờ nhưng rất hợp lý:

❖ Nếu không phải năm đói khủng khiếp thì "người ta" không thèm lấy một người như Tràng.

❖ Tràng lấy vợ theo kiểu “nhặt” được.

* Giá trị của tình huống truyện

- Giá trị hiện thực:

+ Phác họa tình cảnh thê thảm của con người trong nạn đói

❖ Cái đói dồn đuổi con người.

❖ Cái đói bóp méo cả nhân cách.

❖ Cái đói khiến cho hạnh phúc thật mỏng manh, tội nghiệp.

+ Tố cáo mạnh mẽ tội ác của bọn thực dân Pháp, phát xít Nhật đã gây ra nạn đói khủng khiếp.

- Giá trị nhân đạo

+ Tình người cao đẹp thể hiện qua cách đối xử với nhau của các nhân vật.

❖ Tràng rất trân trọng người “vợ nhặt” của mình.

❖ Thiên chức, bổn phận làm vợ, làm dâu được đánh thức nơi người “vợ nhặt”

❖ Tình yêu thương con của bà cụ Tứ.

+ Con người luôn hướng đến sự sống và luôn hi vọng, tin tưởng ở tương lai:

❖ Tràng lấy vợ là để duy trì sự sống.

❖ Bà cụ Tứ, một người già lại luôn miệng nói về ngày mai với những dự định thiết thực tạo niềm tin cho con dâu vào một cuộc sống tốt đẹp.

❖ Đoạn kết tác phẩm với hình ảnh lá cờ đỏ và đoàn người phá kho thóc Nhật.

c) Kết bài

- Khẳng định tài năng nhà văn qua việc xây dựng tình huống truyện độc đáo, hấp dẫn.

- Khẳng định giá trị hiện thực và giá trị nhân đạo của tác phẩm.

Phụ lục 3. Rubric đánh giá

Nội dung kiểm tra		Đạt	Chưa đạt
Mở bài	Giới thiệu ngắn gọn về tác phẩm nghệ thuật bạn sẽ phân tích. Nêu khía cạnh trong nghệ thuật của tác phẩm mà bạn sẽ tập trung làm rõ.		
	Nêu được khái quát giá trị trong đặc sắc cách kể chuyện của tác phẩm		
Thân bài	Miêu tả yếu tố (Sử dụng các định nghĩa và kiến thức lí luận, đồng thời diễn giải yếu tố đó trong tác phẩm)		
	Chỉ ra chức năng của yếu tố đó và vai trò của nó trong tác phẩm		
	Đánh giá hiệu quả của yếu tố đó đối với tác phẩm		
	Trình bày những suy nghĩ, cảm nhận của bản thân về tác phẩm		
Kết bài	Khẳng định giá trị nghệ thuật của tác phẩm truyện.		
	Nêu ý nghĩa của tác phẩm đối với bản thân và người đọc		
Kĩ năng trình bày, diễn đạt	Kết hợp các thao tác lập luận, lập luận chặt chẽ, hệ thống luận điểm mạch lạc.		
	Có lí lẽ xác đáng, bằng chứng tin cậy lấy từ tác phẩm.		
	Diễn đạt rõ ràng, gãy gọn, đáp ứng yêu cầu của kiểu bài.		

	Sử dụng các từ ngữ, câu văn tạo sự gắn kết giữa các luận điểm, giữa bằng chứng với lí lẽ và bảo đảm mạch lạc cho bài viết.		
--	--	--	--

TIẾT 10. THỰC HÀNH KĨ NĂNG NÓI VÀ NGHE

THUYẾT TRÌNH VỀ NGHỆ THUẬT KỂ CHUYỆN TRONG MỘT TÁC PHẨM TRUYỆN

I. MỤC TIÊU

1. Về năng lực đặc thù

- ❖ **Học sinh giới thiệu** những thông tin cơ bản về tác phẩm truyện được chọn để thuyết trình.
- ❖ **Học sinh nêu** được các khía cạnh trong nghệ thuật kể chuyện của tác phẩm truyện.
- ❖ **Học sinh trình bày** được những phát hiện cá nhân về giá trị của tác phẩm, thu hút sự quan tâm của người nghe về tác phẩm được chọn để thuyết trình.
- ❖ **Học sinh thể hiện** được sự tôn trọng những cách cảm nhận, đánh giá đa dạng về một tác phẩm truyện.

2. Về năng lực chung: Học sinh phát triển: Tư duy phản biện, năng lực hợp tác, giải quyết vấn đề,...

3. Về phẩm chất: Tôn trọng người đối thoại để cùng tìm tiếng nói chung về vấn đề

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU

1. Học liệu: Sách giáo khoa, sách giáo viên, phiếu học tập

2. Thiết bị: Máy chiếu, bảng, dụng cụ khác nếu cần.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

TỔ CHỨC THỰC HIỆN	SẢN PHẨM
1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG – TẠO TÂM THỂ	
a. Mục tiêu hoạt động: Tạo tâm thế thoải mái và gợi dẫn cho học sinh về nội dung bài học	

b. Nội dung thực hiện: GV phát vấn: <i>Theo em, cần chuẩn bị gì để có một bài nói – chia sẻ tốt?</i>	
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập GV đặt câu hỏi Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh trả lời câu hỏi Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh chia sẻ Bước 4. Kết luận, nhận định Giáo viên dẫn dắt vào bài học	Gợi ý đáp án Tìm hiểu kĩ tác phẩm Vận dụng năng lực ngôn ngữ Tự tin Rèn luyện giọng nói
2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI a. Mục tiêu hoạt động: ❖ Học sinh giới thiệu những thông tin cơ bản về tác phẩm truyện được chọn để thuyết trình. ❖ Học sinh nêu được các khía cạnh trong nghệ thuật kể chuyện của tác phẩm truyện. ❖ Học sinh trình bày được những phát hiện cá nhân về giá trị của tác phẩm, thu hút sự quan tâm của người nghe về tác phẩm được chọn để thuyết trình. ❖ Học sinh thể hiện được sự tôn trọng những cách cảm nhận, đánh giá đa dạng về một tác phẩm truyện. b. Nội dung thực hiện: ❖ Học sinh đọc thật kĩ các thao tác chuẩn bị nói và nghe ❖ Học sinh chuẩn bị bài nói dưới dạng dàn ý và chia sẻ bài nói	
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập - Giáo viên yêu cầu HS đọc thật kĩ phần nội dung chuẩn bị - HS đọc và ghi chép lại các thông tin và suy nghĩ của bản thân	1. Chuẩn bị nói a. Lựa chọn đề tài: Đề tài của bài nói có thể được khai thác từ đề tài của bài viết ở trên. b. Tìm ý và sắp xếp ý

• HS thực hành lập dàn ý và nói Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh thực hành nói theo chủ đề Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh chia sẻ bài làm và báo cáo phần bài làm Bước 4. Kết luận, nhận định Giáo viên chốt những kiến thức	- Từ hệ thống luận điểm ở bài viết, lựa chọn những ý quan trọng nhất, thể hiện rõ quan điểm và phát hiện của bản thân cần được trình bày trong bài nói. 2. Thực hành nói Bài nói gồm đủ ba phần, tập trung vào các nội dung sau: - Mở đầu: Giới thiệu ngắn gọn về tác phẩm truyện sẽ thuyết trình. Cần lưu ý bắt đầu bài nói sao cho thu hút sự chú ý của người nghe, tránh việc thuyết trình giống như việc đọc lại bài viết. - Triển khai: Trình bày lần lượt các thông tin trong bài viết theo hình thức tóm lược kết hợp nhịp nhàng với việc trình chiếu hay minh họa trực quan (nếu có). Người nói có thể kể lại ngắn gọn nhưng không hoàn toàn tiết lộ nội dung của truyện, nếu tác phẩm ấy chưa được nhiều người biết đến. Dựa vào các luận điểm đã xác định trong bố cục bài nói, thiết kế các slide sao cho thích hợp nếu người nói sử dụng phương tiện trình chiếu. - Kết luận: Khái quát lại những điều cảm nhận cũng như đánh giá về tính nghệ thuật của tác phẩm mà mình chọn để giới thiệu. Có thể kết bài bằng những câu khuyến khích người nghe chia sẻ cảm nhận hay góc nhìn khác về tác phẩm.
3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP a. Mục tiêu hoạt động: Vận dụng năng lực ngôn ngữ và năng lực cảm thụ thực hành bài nói và	

nghe b. Nội dung thực hiện HS vận dụng kiến thức đã học đã hoàn thành bài nói và nghe theo rubric chấm	
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập Giáo viên giao nhiệm vụ Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh thực hành nói – nghe Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh trình bày phần bài làm của mình Bước 4. Kết luận, nhận định GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các chia sẻ tốt để cả lớp tham khảo	Dàn ý tham khảo (Gợi ý ở phần phụ lục)
4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG, LIÊN HỆ a. Mục tiêu hoạt động: Học sinh bàn luận về một vấn đề được đưa ra trong bài nói b. Nội dung thực hiện: HS hoàn thành bài phân tích, đánh giá, chọn một vấn đề mang tính toàn cầu, xã hội để bàn luận cùng bạn bè trong lớp	
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập Giáo viên giao nhiệm vụ Học sinh thảo luận và thực hiện Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh thực hiện thảo luận, tranh biện Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh trình bày phần bài làm của mình Bước 4. Kết luận, nhận định	GV linh hoạt sử dụng phần chia sẻ bài làm của HS

GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các chia sẻ tốt để cả lớp tham khảo	
---	--

Phụ lục 1. Phiếu thực hành nghe – nói

Chuẩn bị nói	
Lựa chọn đề tài:	
Tìm ý và sắp xếp ý	Xác định từ ngữ then chốt

Phụ lục 2. Bài nói tham khảo

Kính chào thầy cô và các bạn. Tôi tên là.....học sinh.....trường.....

Để một tác phẩm văn học trở nên thành công thì cần có rất nhiều yếu tố tác động vào như nội dung, nghệ thuật, cùng các giá trị nhân văn mà nó mang lại. Một trong những yếu tố quan trọng đó chính là cách xây dựng tình huống truyện. Một truyện ngắn muốn hay, cuốn hút người đọc thì phải có được một cốt truyện hấp dẫn. Một trong số ít nhà văn được mệnh danh là bậc thầy trong xây dựng cốt truyện đó chính là Kim Lân. Các tác phẩm của ông đều có những nét riêng biệt, đặc sắc, nổi bật trong số đó chính là tác phẩm “Vợ nhặt”. Truyện ngắn phản ánh sự thật về nạn đói những năm 1945 và cuộc sống nghèo khổ của nhân dân thời bấy giờ.

Truyện ngắn nói về nhân vật Tràng, một người dân ngụ cư nghèo khổ sống cùng mẹ. Nhà văn Kim Lân đã miêu tả Tràng như một sản phẩm vụn vặt của tạo hóa “hai con mắt nhỏ tí gà gà đắm vào bóng chiều, hai quai hàm bạnh ra, cái mặt bặm lại lúc nào cũng nhấp nhỉnh những ý nghĩ vừa lý thú vừa dữ tợn. Cái đầu trọc nhẵn chúi về đằng trước, cái lưng dài rộng như là lưng gấu lại thêm tật vừa đi vừa ngẩng mặt lên trời cười hềnh hếch”. Quả thực Tràng là một thanh niên rất xấu xí, chả ai thèm ngó ngang. Chẳng những vậy, cái nghèo, cái đói luôn đeo bám, quấn quanh hai mẹ con Tràng. Kim Lân đã dùng những từ ngữ chân thật để miêu tả cuộc sống và ngôi nhà mà Tràng đang ở “những búi cỏ dại lớn nhón”, “đống quần áo rách vắt khưom mươi niên trong một góc nhà”, “hai cái ang nước để khô cong tro rơi dưới gốc cây ổi” Cuộc sống túng thiếu của hai mẹ con hiện lên thật giản dị, tội nghiệp, khiến người khác không khỏi cảm thấy xót thương cho hai số phận. Nhưng điều làm cho Tràng cảm thấy tủi nhục nhất đó chính là mang trong mình cái danh dân ngụ cư, bị dân làng khinh miệt, coi thường.

Tuy nghèo đói nhưng chàng vẫn có một công việc để làm, để trông mong, đó chính là phu xe, hàng ngày bốc vác, chở gạo ra các chợ. Công việc thì vất vả, đói khát nhưng quả thật anh ta lúc nào cũng có thể vui vẻ, lạc quan. Giữa trời trưa nắng gắt, phải kéo cả một xe gạo đầy nặng trĩu, nhưng chàng ta vẫn có sức cất lên những câu hò:

“Muốn ăn cơm trắng mấy giò này

Lại đây mà đẩy xe bò với anh nì”

Những câu hò này không hẳn là có ý trêu ghẹo những cô gái ngồi bên đường, mà chủ yếu để giúp chàng ta quên đi những mệt mỏi, đói khát mà mình đang phải chịu. Ấy vậy mà chỉ bằng vài ba lời hát vu vơ mà khiến Tràng được một người con gái để ý và đi theo đẩy giúp. Tràng là người hiểu rõ hơn ai hết những gì mà mình hát ở trên không phải là sự thật, làm gì mà có gạo trắng mà ăn chứ nói gì đến giò chả. Để rồi đến khi gặp người con gái ấy lần thứ hai, Tràng đã rất đỗi ngạc nhiên trước sự thay đổi ngoại hình của Thị “Thị hôm nay rách quá, trên khuôn mặt lười cày chỉ trơ lại hai con mắt”.

Quả thực Thị đã gầy đi rất nhiều, có lẽ vì đói, vì khát mà cơ thể con người Thị đã bị tàn phá nhanh đến như vậy. Thị chạy đến sừng sĩa trước mặt Tràng “Điêu! người thế mà điêu”, mới đầu hẳn ta chẳng hiểu gì nhưng rồi một lúc cũng ngộ ra rồi mời Thị đi ăn “thích ăn gì thì ăn”. Thị ta chẳng ngại ngần gì mà cầm đầu ăn liền một chặp bốn bát bánh đúc, quả thực lúc này thị ta nhìn rất trơ trẽn. Người ngoài nhìn vào có người sẽ khinh bỉ, cho rằng thị ta đang vớt hết cả lòng tự trọng đi để ăn, nhưng cũng sẽ có những người xót thương, đồng cảm cho một con người

đang phải chịu cơn đói hành hạ. Khi ấy, con người ta chẳng còn bận tâm đến danh dự, hay nhân phẩm gì nữa, ăn no mới là điều quan trọng trước hết. Đợi đến khi Thị ăn xong, Tràng có nói câu nửa vui nửa đùa rằng “về với tớ thì khuôn hàng lên xe rồi cùng về”. Tưởng Thị sẽ cười chê mình, nào ngờ Thị về thật, về làm dâu nhà Tràng. Một đám cưới diễn ra.

Việc một con trai lớn lên, xây nhà, cưới vợ là việc quá đỗi bình thường, nhưng nhân vật Tràng lại là một thanh niên xấu xí, nghèo đói, gia cảnh khó khăn, đặc biệt là dân ngụ cư nữa nên việc Tràng có được vợ làm rất nhiều người ngạc nhiên. Qua đây, ta đã thấy được nghệ thuật xây dựng tình huống truyện độc đáo của Kim Lân: vợ đáng lẽ ra là người ta yêu, qua tìm hiểu, đính ước mà đến với nhau, nhưng ở đây, Tràng ta lại “nhặt” được vợ theo đúng nghĩa đen và của hồi môn chắc có lẽ chỉ là vài bát bánh đúc mà thị ta vừa ăn lúc trước.

Việc Tràng có vợ khiến rất nhiều người ngạc nhiên, cụ Tứ – mẹ Tràng cùng tất cả những người thôn ngụ cư, người trong xóm lạ lẫm: Họ đứng cả trong ngưỡng cửa nhìn ra bàn tán. Đến khi hiểu ra là Tràng có vợ theo về, thì họ lại càng ngạc nhiên hơn nữa. Người thì “cười lên rung rúc”, người lại lo dùm cho anh ta “Ôi chao! Giời đất này còn rước cái của nợ dài về”. Biết có nuôi nổi nhau sống qua được cái thì này không?”. Người đời cười chê, chế nhạo thế nhưng chẳng làm hai vợ chồng Tràng cảm thấy tủi nhục, xấu hổ. Cho đến khi dẫn Thị về nhà, cả cụ Tứ lẫn Tràng đều không tin nhà mình có con dâu.

Cụ Tứ vừa vui vừa buồn, vừa cảm thấy thương xót cho con trai mình. Bà vui vì con trai mình đến tuổi trưởng thành đã cưới được vợ, bà mừng cho hai đứa chúng nó, nhưng bà cũng buồn, buồn vì gia đình nhà mình quá nghèo. Đám cưới gì mà chẳng có cờ có hoa, không một mâm cỗ, không kèn trống, không người đưa đón, chỉ đơn giản là đưa dẫn nhau về ở chung, cùng nhau vun vén, xây dựng gia đình. Bước vào căn nhà lụp xụp mà hai mẹ con Tràng đang ở mà Thị chỉ biết thở dài, bắt tay vào công việc dọn dẹp. Đến bữa ăn về nhà chồng cũng chỉ là nồi cháo loãng với chút muối trắng, cuộc sống của ba con người quả thực rất nghèo khổ.

Qua câu chuyện, nhà văn đã dành những tình cảm tốt đẹp nhất đối với con người nghèo khổ bằng cả tấm lòng nhân hậu của mình. Ông xót thương cho dân tộc trước thảm họa đói chết. Ông cũng ái ngại cho người con gái bị nạn đói cướp đi gần hết (gia đình, nhan sắc, tính cách, tên tuổi...).

Không những vậy, nhà văn còn rất tinh tế khi phát hiện ra khát vọng hạnh phúc và niềm vui khi nhặt vợ của Tràng; cái duyên thầm của thị qua cái liếc mắt với Tràng... Có thể nói, nhà

vẫn rất trân trọng và tự hào về vẻ đẹp nhân tính của con người lao động nghèo trước thảm họa đau thương, chết chóc.

Đồng thời nhà văn còn tập trung ca ngợi những phẩm chất tốt đẹp của nhân dân lao động qua hình ảnh của bà cụ Tứ: một người mẹ giàu tình thương con, giàu lòng nhân hậu và niềm tin vào cuộc sống và đây cũng chính là niềm tin của nhà văn vào phẩm chất tốt đẹp của con người.

Thông qua tình huống truyện, nhà văn lên án và tố cáo tội ác của Nhật – Pháp đã đẩy nhân dân ta vào thảm họa đói nghèo, chết chóc. Chính chúng đã làm cho giá trị con người trở thành rẻ rúng như rom như rác: vợ mà nhật được.

Đúng là một tình huống truyện rất lạ mà Kim Lân đã dựng nên. Nhà văn đã đặt nhân vật của mình vào một tình huống éo le để làm nổi bật lên những giá trị nhân văn sâu sắc. Ông không chỉ muốn nói lên nét đẹp trong tính cách con người Việt Nam là dù có ở trong hoàn cảnh khó khăn như thế nào, lúc nào cũng có thể đối mặt với cái chết nhưng họ vẫn yêu thương, quan tâm nhau mà ông còn muốn lên án chế độ thực dân độc ác đã khiến nhân dân ta trở nên nghèo đói, lầm than.

Trên đây là bài trình bày của tôi về việc phân tích nghệ thuật kể chuyện trong một tác phẩm truyện, cảm ơn thầy/cô và các bạn đã lắng nghe. Rất mong nhận được sự góp ý từ phía thầy/cô và các bạn.

Phụ lục 3. Bảng kiểm thảo luận

Người nói	Người nghe
● Trả lời những thắc mắc từ người nghe. ● Thể hiện thái độ tiếp thu chân thành, cởi mở với những góp ý xác đáng, nghiêm túc. ● Chia sẻ thêm một số điểm mình muốn làm rõ hơn, một số phát hiện khác về tính nghệ thuật của tác phẩm.	● Chia sẻ những điểm thấy hợp lí và hấp dẫn trong bài thuyết trình. ● Nêu những điểm còn băn khoăn hoặc có đánh giá, cảm nhận về tác phẩm khác với người nói. ● Có thể đặt thêm một số câu hỏi để người nói làm rõ hơn về những điều bạn tâm đắc ở tác phẩm.

Phụ lục 4. Rubric đánh giá bài nói

STT	Nội dung đánh giá	Kết quả	
		Đạt	Chưa đạt
1	Giới thiệu các thông tin cần thiết về tác phẩm truyện được lựa chọn để thuyết trình (tác giả, hoàn cảnh ra đời, vị trí của tác phẩm trong sự nghiệp của nhà văn hay trong lịch sử văn học).		
2	Chỉ ra và đánh giá được các phương diện làm nên tính nghệ thuật của tác phẩm truyện.		
3	Biết phối hợp nhịp nhàng giữa phần nói và phần trình chiếu hay minh họa trực quan.		
4	Có sự tương tác tốt với người nghe, thu hút được sự quan tâm của người nghe đối với tác phẩm.		

CỦNG CỐ MỞ RỘNG

I. MỤC TIÊU

1. Về năng lực đặc thù

- ❖ **Học sinh chia sẻ** về điều làm nên sức hấp dẫn của truyện ngắn hiện đại
- ❖ **Học sinh trình bày** suy nghĩ về hình tượng các nhân vật nữ trong tác phẩm từ đó đánh giá giá trị nhân đạo của văn bản
- ❖ **Học sinh luyện tập** thêm các tác phẩm truyện ngắn khác

2. Về năng lực chung: Học sinh phát triển: Tư duy phản biện, năng lực hợp tác, giải quyết vấn đề, ...

3. Về phẩm chất: Rút ra các bài học về vấn đề về tình yêu thương, sự cảm thông, chia sẻ, đồng cảm trong cuộc sống

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU

1. Học liệu: Sách giáo khoa, sách giáo viên, phiếu học tập

2. Thiết bị: Máy chiếu, bảng, dụng cụ khác nếu cần.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

TỔ CHỨC THỰC HIỆN	SẢN PHẨM
1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG – TẠO TÂM THỂ a. Mục tiêu hoạt động: Tạo tâm thế thoải mái và gợi dẫn cho học sinh về nội dung bài học b. Nội dung thực hiện: ❖ GV giao nhiệm vụ phát vấn kiến thức đã học qua bảng: K – W – L ❖ HS thực hiện bảng và chia sẻ	
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập GV giao nhiệm vụ phát vấn kiến thức đã học qua bảng: K – W – L Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh thực hiện bảng và chia sẻ Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh chia sẻ Bước 4. Kết luận, nhận định Giáo viên dẫn dắt vào bài học	
2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI a. Mục tiêu hoạt động: ❖ Học sinh chia sẻ về điều làm nên sức hấp dẫn của truyện ngắn hiện đại ❖ Học sinh trình bày suy nghĩ về hình tượng các nhân vật nữ trong tác phẩm từ đó đánh giá	

giá trị nhân đạo của văn bản ❖ Học sinh luyện tập thêm các tác phẩm truyện ngắn khác b. Nội dung thực hiện: Học sinh chia nhóm thực hiện bài tập trong SGK để ôn tập	
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập Giáo viên phát vấn: Theo em, điều làm nên sức hấp dẫn của truyện ngắn hiện đại là gì? Thời gian: 5ph Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh suy nghĩ và trả lời Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh chia sẻ Bước 4. Kết luận, nhận định Giáo viên chốt những kiến thức cơ bản	Điều làm nên sức hấp dẫn của một truyện ngắn hiện đại: - Truyện ngắn có dung lượng nhỏ, ngắn gọn mà cô đúc nên có sức ám ảnh lớn. Nó tập trung vào một hoặc một vài biến cố trong một không gian, thời gian nhất định, tạo ra ấn tượng mạnh mẽ và sự liên tưởng cho người đọc. - Đề tài, nội dung truyện ngắn có thể lấy ở nhiều mặt của cuộc sống, nhiều vấn đề có tính chất thời sự xã hội. - Nhân vật trong truyện ngắn đa phần được khắc họa bằng nội tâm chứ ít khi thông qua sự đối thoại như văn bản kịch. - Về điểm nhìn và phương thức kể chuyện.
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập Giáo viên chia nhóm thảo luận: hình tượng các nhân vật nữ trong tác phẩm đã học (Chí Phèo và Vợ nhặt) từ đó đánh giá giá trị nhân đạo của văn bản Thời gian: 20ph Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh suy nghĩ và trả lời Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh chia sẻ Bước 4. Kết luận, nhận định Giáo viên chốt những kiến thức cơ bản	1. Hình tượng nhân vật người phụ nữ a. Thị nữ (Chí Phèo – Nam Cao) <i>* Ngoại hình</i> - Miêu tả khách quan, trần trụi: một người “ngẩn ngơ như những người đàn trong cổ tích và xấu ma chê quỷ hờn” + Ngẩn ngơ: hành động theo bản năng + Xấu ma chê quỷ hờn: từng đường nét trên khuôn mặt không giống với những gì nên có trên khuôn mặt con người + Đã vậy, Thị còn nghèo và nhà có mả hủi: ⇒ Thị khó có được hạnh phúc bởi một con người

	mang trên mình toàn những điều bất lợi <i>* Là con người với phẩm chất tốt đẹp, giàu tình người</i> - Nam Cao xây dựng hình tượng nhân vật Thị Nở xấu ma chê quỷ hờn không phải để miệt thị mà nhằm làm nổi bật nội tâm đầy tình thương của Thị Nở + Sau cuộc gặp gỡ vào đêm định mệnh, Thị Nở dành sự quan tâm cho Chí Phèo: + Thị Nở quan tâm đến Chí Phèo, nấu cháo hành cho Chí ăn khi hắn bị ốm. Bưng bát cháo hành thị Nở đưa cho “hắn thấy mắt mình hình như ươn ướt. Bởi vì lần này là lần thứ nhất hắn được một người đàn bà cho” + Chính thị Nở đã suy nghĩ về Chí Phèo: “Ôi sao mà hắn hiền, ai dám bảo đó là cái thằng Chí Phèo vẫn đập đầu, rạch mặt mà đâm chém người” ⇒ một cái nhìn khác với những cái nhìn của người làng Vũ Đại + Tình cảm và sự quan tâm của Thị Nở với Chí Phèo đã như một liều thuốc chữa lành bao nhiêu “vết thương, vết rạch” để Chí Phèo quay trở lại thành một người với sự lương thiện trong căn tính ⇒ Chính tình thương và sự quan tâm khiến Thị trở nên có duyên trong mắt Chí <i>* Thị Nở còn là người có khát khao hạnh phúc gia đình</i> - Thị Nở thích cuộc sống gia đình có vợ có chồng - Suy nghĩ rất nghiêm túc về mối quan hệ với Chí - Đối với Chí, cảm giác “ngượng ngượng mà thỉnh thích” - Bởi khát khao và suy nghĩ nghiêm túc về hạnh
--	---

	phúc gia đình nên Thị đã trở về xin phép bà cô và thái độ tức giận khi bà cô từ chối * Là nhân vật góp phần làm nổi bật chủ đề tác phẩm: bi kịch cuộc đời Chí Phèo - Xây dựng nhân vật Thị Nở, Nam Cao muốn làm trọn vẹn thêm vấn đề trung tâm của tác phẩm: sự bi thảm trong bi kịch cuộc đời Chí Phèo + Ban đầu, Thị Nở và Chí Phèo đến với nhau chỉ bởi sự chung đụng về mặt thể xác + Sau đó, chính tình thương của Thị Nở đã làm thức dậy sự lương thiện vốn có trong Chí + Khi Thị Nở từ chối Chí, Chí Phèo từ chỗ khát khao và hạnh phúc đến tột cùng bị đẩy xuống tận cùng của nỗi tuyệt vọng ⇒ đẩy Chí đến những hành động sau này: uống rượu, xách dao đi giết Bá Kiến và tự sát ⇒ Thị Nở là nhân vật thúc đẩy sự phát triển của câu chuyện, đồng thời cho người ta cảm nhận sâu sắc hơn bi kịch của nhân vật chính: Chí Phèo b. Hình tượng nhân vật thị (Vợ nhặt – Kim Lân) * Lai lịch, xuất thân và hoàn cảnh của Thị - Không có quê hương gia đình → nạn đói năm 1945 đã khiến biết bao con người bị dứt khỏi quê hương, gia đình. - Tên tuổi cũng không có và qua tên gọi “vợ nhặt” → cho thấy sự rẻ rúng của con người trong cảnh đói. - Hoàn cảnh: + Không việc làm cụ thể, cuộc sống bấp bênh, bị nạn đói dồn dập đẩy đang trên bờ vực cái chết. + Cái đói quay quắt đã dồn đẩy chị, làm chị đánh
--	---

	mất cả sĩ diện và lòng tự trọng => Thị là nạn nhân của nạn đói với số phận bi thảm, đáng thương. * <i>Chân dung ngoại hình của Thị</i> - Ngoại hình: + Quần áo tả tơi như tổ đũa, gầy sọp + Khuôn mặt lưỡi cày xám xịt chỉ còn hai con mắt. + Cái ngực gầy lép nhô lên => Ngoại hình không mấy dễ nhìn, là hiện thân của sự nghèo đói, khốn khổ. - Hành động, cử chỉ + Lần thứ nhất, khi nghe câu hò vui của Tràng, thị đã vui vẻ giúp đỡ → đây chính là sự hồn nhiên vô tư của người lao động nghèo. + Lần thứ hai: • Thị sung sũa mắng Tràng, từ chối ăn trầu để được ăn một thứ có giá trị hơn • Khi được mời ăn tức thì ngồi sà xuống, mắt sáng lên, “ăn một chặp bốn bát bánh đúc” • Khi nghe Tràng nói đùa “đằng ấy có về với tớ... cùng về”, thị đã theo về thật → Trong cái đói khổ, đó là cơ hội để thị bầu vịu lấy sự sống. => Cái đói khổ không chỉ làm biến dạng ngoại hình mà cả nhân cách con người, khiến người ta mất đi cả lòng tự trọng, sĩ diện và sự e thẹn, dục dằn vốn có của người phụ nữ. * <i>Phẩm chất, vẻ đẹp tâm hồn của Thị</i> - Có khát vọng sống mãnh liệt: + Quyết định theo Tràng về làm vợ dù không biết về Tràng, chấp nhận theo không về không cần sính lễ vì thị sẽ không phải sống cảnh lang thang đầu đường xó chợ.
--	--

	+ Khi đến nhà thấy hoàn cảnh nghèo khổ, trái ngược lời tuyên bố “rích bố cu”, thị “nén một tiếng thở dài”, dù ngao ngán nhưng vẫn chịu đựng để có cơ hội sống. - Thị là người ý tứ và nét na: + Trên đường về, thị cũng rón rén e thẹn đi sau Tràng, đầu hơi cúi xuống, thị ngại ngùng cho thân phận vợ nhặt của mình. + Khi vừa về đến nhà, Tràng đon đả mời ngồi, chị ta cũng chỉ dám ngồi mớm ở mép giường, hai tay ôm khư khư cái thúng, thể hiện sự ý tứ khi chưa xác lập được vị trí trong gia đình. + Khi gặp mẹ chồng, ngoài câu chào thị chỉ cúi đầu, “hai tay vôn vê tà áo đã rách bợt”, thể hiện sự lúng túng ngượng nghịu. + Sáng hôm sau, thị dậy sớm quét tước nhà cửa, không còn cái vẻ “chao chát, chỏng lỏn” mà hiền hậu, đúng mực. + Lúc ăn cháo cám, mới nhìn “mắt thị tối lại”, nhưng vẫn điềm nhiên và vào miệng thể hiện sự nể nang, ý tứ trước người mẹ chồng, không buồn làm bà buồn. => Cái đói có thể cướp đi nhân phẩm trong khoảnh khắc nào đó chứ không vĩnh viễn cướp đi được tâm hồn con người. - Thị còn là người có niềm tin vào tương lai: kể chuyện phá kho thóc trên Thái Nguyên, Bắc Giang để thắp lên hi vọng cho cả gia đình, đặc biệt là cho Tràng. => Nhận xét chung: Nhân vật người vợ nhặt là nhân vật thể hiện giá trị hiện thực và nhân đạo trong tác phẩm, tiêu biểu cho những người nghèo
--	--

	khổ, khôn cùng bị cái đói, cái chết đe dọa, dồn đẩy đến bước đường cùng. Thị luôn khao khát hạnh phúc gia đình, đem đến làn gió tươi sáng, ấm áp cho gia đình anh Tràng và cả người dân ở xóm ngụ cư trong hoàn cảnh bi đát nhất. 2. Giá trị nhân đạo a. Chí Phèo – Nam Cao - Niềm cảm thương sâu sắc đối với những số phận khổ đau, bất hạnh như Chí Phèo, thị Nở. - Khẳng định, đề cao nhân tính, đề cao con người. - Nam Cao phê phán những thế lực bạo tàn chà đạp con người. - Nam Cao đề ra giải pháp mang tính nhân đạo, mang ý nghĩa hiện thực và triết lí sâu sắc: lật đổ xã hội tàn bạo để bảo toàn nhân tính của con người. b. Vợ nhặt – Kim Lân - Niềm cảm thương, đồng cảm sâu sắc của nhà văn trước số phận của những người nghèo khổ. - Là tiếng nói khẳng định, đề cao những tình cảm cao đẹp của người lao động nghèo khổ: đó là tình yêu thương đùm bọc, tình mẫu tử, khát vọng sống, khát vọng hạnh phúc. - Thể hiện niềm tin, niềm hi vọng vào cuộc sống vào tương lai dù ở trong tình cảnh khốn khó nhất. - Lên án tố cáo tội ác dã man của thực dân Pháp và phát xít Nhật đã gây ra nạn đói khủng khiếp.
3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP a. Mục tiêu hoạt động: ❖ Học sinh tìm đọc thêm một số truyện ngắn của Nam Cao (Lão Hạc, Đòi thừa, Bài học quét nhà, cái chết của con mực,...) và Kim Lân (Con chó xấu xí, Làng,...); từ đó, phân tích	

những nét nổi bật trong cách kể chuyện của từng tác giả.

b. Nội dung thực hiện

HS vận dụng kiến thức đã học thực hành đọc

Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập

Giáo viên giao nhiệm vụ đọc một số tác phẩm (Theo nhóm hoặc cá nhân tự chọn)

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

Học sinh thực hành đọc và rút ra những tìm hiểu về đặc điểm sáng tác của hai tác giả

Bước 3. Báo cáo, thảo luận

Học sinh trình bày phần bài làm của mình

Bước 4. Kết luận, nhận định

GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các chia sẻ tốt để cả lớp tham khảo

Gợi ý tham khảo

1. Nhà văn Nam Cao

- **Đề tài, chủ đề:** Nam Cao thường hướng ngòi bút của mình vào miêu tả những cái nhỏ nhặt, xoàng xĩnh cuộc sống hàng ngày, từ đó đặt ra những vấn đề có ý nghĩa xã hội to lớn, những triết lý sâu sắc về con người, cuộc sống, nghệ thuật.

- **Cốt truyện, kết cấu:** Trong nhiều tác phẩm của ông cốt truyện được hư cấu rất đơn giản, dường như không cần đến sự tổ chức, sắp xếp. Có nhiều truyện của Nam Cao không có cốt truyện.

- **Nghệ thuật miêu tả và phân tích tâm lí nhân vật:** Hướng ngòi bút vào thế giới bên trong của con người, miêu tả tâm lý trong chiều sâu của sự vận động và phát triển của nhân vật.

- Ngôn ngữ, giọng điệu:

+ Ngôn ngữ trong sáng tác của Nam Cao là ngôn ngữ đa âm, phức điệu, hiện đại. Ông không chỉ sử dụng đặc địa đại từ nhân xưng: nó, hắn, y, thị, gã mà còn có khả năng hóa thân, nhập vai vào tất cả các nhân vật, suy nghĩ và nói năng bằng tiếng nói của nhân vật. Có sự hòa quyện giữa ngôn ngữ người kể chuyện và ngôn ngữ nhân vật, có sự chuyển hóa, trao đổi từ ngôn ngữ người kể chuyện sang ngôn ngữ nhân vật.

+ Trong truyện của Nam Cao ta thường bắt gặp một giọng điệu có sắc thái tương chừng đối lập

	nhau. Ấy là giọng khách quan lạnh lùng, tàn nhẫn bên ngoài mà cảm thông, thương xót bên trong. 2. Nhà văn Kim Lân - Nghệ thuật xây dựng nhân vật: Nhân vật: Kim Lân khắc họa được hình tượng sinh động. Bà cụ Tứ, Tràng tiêu biểu cho những người lao động cơ cực, nhưng vẫn nguyên vẹn tấm lòng nhân hậu, trong sáng. - Nghệ thuật xây dựng tình huống truyện độc đáo: Kim Lân thường đưa nhân vật vào những tình huống éo le, độc đáo để làm nổi bật tính cách, suy nghĩ, vẻ đẹp nội tâm của nhân vật. - Sử dụng ngôn ngữ bình dân, tinh tế, giàu tính dân tộc: Mộc mạc, giản dị. Ngôn ngữ gần với khẩu ngữ, nhưng có sự chất lọc kỹ lưỡng, có sức gợi đáng kể: bước “ngật ngưỡng”, đường “khẳm khiu, nhấp nhỉnh”, vẻ mặt “phớn phở”, dây phố “úp súp, dật dờ “... Cách viết như thế tạo nên một phong vị và sức lôi cuốn riêng. - Nghệ thuật trần thuật tự nhiên, hấp dẫn. Trần thuật thông qua đối thoại giữa các nhân vật cũng là một nét đặc sắc của Kim Lân.
--	--

Phụ lục. Rubric thảo luận nhóm

TIÊU CHÍ	CẦN CỐ GẮNG (0 – 4 điểm)	ĐÃ LÀM TỐT (5 – 7 điểm)	RẤT XUẤT SẮC (8 – 10 điểm)
Hình thức (2 điểm)	0 điểm Bài làm còn sơ sài, trình bày cầu thả Sai lỗi chính tả	1 điểm Bài làm tương đối đầy đủ, chĩn chu Trình bày cẩn thận Không có lỗi chính tả	2 điểm Bài làm tương đối đầy đủ, chĩn chu Trình bày cẩn thận Không có lỗi chính tả

			Có sự sáng tạo
Nội dung (6 điểm)	1 - 3 điểm Chưa trả lời đúng câu hỏi trọng tâm Không trả lời đủ hết các câu hỏi gợi dẫn Nội dung sơ sài mới dừng lại ở mức độ biết và nhận diện	4 – 5 điểm Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn Trả lời đúng trọng tâm Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao	6 điểm Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn Trả lời đúng trọng tâm Có nhiều hơn 2 ý mở rộng nâng cao Có sự sáng tạo
Hiệu quả nhóm (2 điểm)	0 điểm Các thành viên chưa gắn kết chặt chẽ Vẫn còn trên 2 thành viên không tham gia hoạt động	1 điểm Hoạt động tương đối gắn kết, có tranh luận nhưng vẫn đi đến thống nhất Vẫn còn 1 thành viên không tham gia hoạt động	2 điểm Hoạt động gắn kết Có sự đồng thuận và nhiều ý tưởng khác biệt, sáng tạo Toàn bộ thành viên đều tham gia hoạt động
Điểm			
TỔNG			

HS đọc ở nhà. THỰC HÀNH ĐỌC MỞ RỘNG

CẢI OI

(Nguyễn Ngọc Tư)

I. MỤC TIÊU

1. Về năng lực đặc thù

- ❖ **Học sinh so sánh** trật tự của các sự kiện trong câu chuyện và trong truyện kể (mạch truyện) và nhận xét về hiệu quả nghệ thuật của các tổ chức truyện kể

- ❖ **Học sinh nêu** đặc điểm của người kể chuyện trong truyện: Ngôi kể, quan hệ và thái độ của người kể chuyện đối với các nhân vật
 - ❖ **Học sinh hệ thống hóa** điểm nhìn trong tác phẩm
 - ❖ **Học sinh phân tích** sự cộng hưởng giữa lời của người kể chuyện và lời nhân vật trong truyện
- 2. Về năng lực chung: Học sinh phát triển:** Tư duy phản biện, năng lực hợp tác, giải quyết vấn đề,...
- 3. Về phẩm chất:** Liên hệ tới tình cảm gia đình, tình cha con, lòng yêu thương con người

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU

- 1. Học liệu:** Sách giáo khoa, sách giáo viên, phiếu học tập
- 2. Thiết bị:** Máy chiếu, bảng, dụng cụ khác nếu cần.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

TỔ CHỨC THỰC HIỆN	SẢN PHẨM
1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG – TẠO TÂM THỂ a. Mục tiêu hoạt động: Tạo tâm thế thoải mái và gợi dẫn cho học sinh về nội dung bài học b. Nội dung thực hiện: ❖ GV chiếu video về người cha và khơi gợi cảm xúc cho HS ❖ Link: https://www.youtube.com/watch?v=1Y0jeAPH_Pc	
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập GV dẫn dắt và chiếu video Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh lắng nghe Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh chia sẻ Bước 4. Kết luận, nhận định Giáo viên dẫn dắt vào bài học	GV gợi dẫn vào bài học
2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI	

a. Mục tiêu hoạt động:

- ❖ **Học sinh so sánh** trật tự của các sự kiện trong câu chuyện và trong truyện kể (mạch truyện) và nhận xét về hiệu quả nghệ thuật của các tổ chức truyện kể
- ❖ **Học sinh nêu** đặc điểm của người kể chuyện trong truyện: Ngôi kể, quan hệ và thái độ của người kể chuyện đối với các nhân vật
- ❖ **Học sinh hệ thống hóa** điểm nhìn trong tác phẩm
- ❖ **Học sinh phân tích** sự cộng hưởng giữa lời của người kể chuyện và lời nhân vật trong truyện

b. Nội dung thực hiện:

- ❖ Học sinh hoàn thành phiếu học tập tìm hiểu về nội dung của hai bài thơ

2.1 Đọc và tìm hiểu cốt truyện, mạch truyện

Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập

- Giáo viên giao nhiệm vụ, sơ đồ hóa
 - + *Trật tự các sự kiện theo trình tự thời gian*
 - + *Trật tự các sự kiện trong mạch truyện*
 - + *Nhận xét sự thay đổi trật tự*
- HS đọc văn bản và hoàn thành nhiệm vụ về cốt truyện và mạch truyện

Thời gian: 10ph

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

Học sinh đọc và thực hành làm phiếu

Bước 3. Báo cáo, thảo luận

Học sinh chia sẻ bài làm

Bước 4. Kết luận, nhận định

Giáo viên chốt những kiến thức cơ bản

1. Cốt truyện

a. Trật tự các sự kiện theo trình tự thời gian

- (1) Cải – đưa con gái riêng của người vợ hai ông Năm Nhỏ, được ông hết mực yêu thương do làm mất đôi trâu nên đã bỏ nhà ra đi. Ông bị hàng xóm dị nghị, bị vợ trách móc cho rằng không thương con riêng và xua đuổi con.
- (2) Ông Năm Nhỏ bắt đầu hành trình đi tìm con, ông xin vào làm sai vặt cho đoàn ca múa nhạc và rờn rã tìm con gần mười hai năm. Đoàn ca múa nhạc giải tán và ông vẫn tiếp tục hành trình tìm con.
- (3) Ông tìm mọi cách để tìm con, và nghĩ tới cách ăn trộm đôi trâu để được lên tivi mà gửi lời tới Cải
- (4) Công an xã và báo đài đã tới để đưa tin, ông nghẹn ngào gửi gắm đôi lời tới đứa con của mình, mong con nhận cha và quay trở về
- (5) Mọi người cảm động trước câu chuyện của ông cho nên không phát sóng việc ông trộm trâu và cũng dần đi vào lãng quên.

b. Trật tự các sự kiện trong mạch truyện

	(2) Ông Năm Nhỏ bắt đầu hành trình đi tìm con, ông xin vào làm sai vặt cho đoàn ca múa nhạc và rông rã tìm con gần mười hai năm. Đoàn ca múa nhạc giải tán và ông vẫn tiếp tục hành trình tìm con. (1) Cải – đứa con gái riêng của người vợ hai ông Năm Nhỏ, được ông hết mực yêu thương do làm mất đôi trâu nên đã bỏ nhà ra đi. Ông bị hàng xóm dị nghị, bị vợ trách móc cho rằng không thương con riêng và xua đuổi con. (3) Ông tìm mọi cách để tìm con, và nghĩ tới cách ăn trộm đôi trâu để được lên tivi mà gửi lời tới Cải (4) Công an xã và báo đài đã tới để đưa tin, ông nghẹn ngào gửi gắm đôi lời tới đứa con của mình, mong con nhận cha và quay trở về (5) Mọi người cảm động trước câu chuyện của ông cho nên không phát sóng việc ông trộm trâu và cũng dần đi vào lãng quên. c. Hiệu quả của việc thay đổi trật tự - Diễn tả chân thực hành trình đi tìm con Cải của ông Năm. Gây xúc động mạnh cho bạn đọc bởi tình cha sâu sắc, cùng lời văn mộc mạc nhưng chan chứa cảm xúc. - Quá khứ hiện tại đan xen cho thấy nỗi nhớ thương con vô cùng da diết không khi nào nguôi ngoai của ông Năm Nhỏ
2.2 Người kể chuyện, điểm nhìn và lời người kể - lời nhân vật Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập Giáo viên chia nhóm với ba vấn đề, HS lựa chọn vấn đề phù hợp và thực	2. Đặc điểm người kể chuyện Ngôi kể: ngôi thứ ba – người kể chuyện toàn tri. Quan hệ và thái độ của người kể chuyện với các nhân vật:

hiện các yêu cầu

Vấn đề 1. Đọc văn bản và chỉ ra đặc điểm của người kể chuyện trong truyện: ngôi kể, quan hệ và thái độ của người kể chuyện đối với các nhân vật.

Vấn đề 2. Hệ thống điểm nhìn trong tác phẩm (người kể chuyện chủ yếu trần thuật theo điểm nhìn của mình hay của nhân vật, điểm nhìn bên trong hay bên ngoài chiếm ưu thế, từng điểm nhìn làm hé lộ những điều gì trong tâm lí nhân vật).

Vấn đề 3. Phân tích sự cộng hưởng giữa lời của người kể chuyện và lời nhân vật trong truyện.

Thời gian: 25ph

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

Học sinh đọc và thực hành làm phiếu

Bước 3. Báo cáo, thảo luận

Học sinh chia sẻ bài làm

Bước 4. Kết luận, nhận định

Giáo viên chốt những kiến thức cơ bản

Với ông Năm Nhỏ	Thái độ thương cảm xót xa khi nhìn thấy hình ảnh người cha ròng rã tìm con biết bao năm trời
Với Quách Phú Thành	Thái độ thương cảm xót xa, cùng cảnh ngộ bỏ nhà, xa cha.
Với Diễm Thương	Thái độ thương cảm xót xa, nhỏ Diễm Thương bị cha mẹ bỏ rơi và không nhận ra đi tìm

3. Hệ thống điểm nhìn

- **Hệ thống điểm nhìn:** Người kể chuyện chủ yếu trần thuật theo điểm nhìn của mình, điểm nhìn bên trong chiếm ưu thế. Tập trung miêu tả tâm trạng, cảm xúc của các nhân vật trong truyện

a. Ông Năm Nhỏ

- **Nỗi nhớ con da diết của ông**

+ Ông đau mà không nói được một lời, ông đã nâng niu nó khi mới thôi nôi, đã vui khi có người bảo con nhỏ giống ông in hệt (dù biết họ khen khời khời, khen bồng trên trời) đã sướng ron khi nó gọi tiếng ba ơi, con Cải đi rồi, ông đã xuống nước mắt khi đi qua chiếc giường trước kia nó ngủ. Có bữa, ông hì hụi ém mừng, rồi ngồi một góc, nhìn chiếu gối thêu thang, lòng chết điếng vì nỗi nhớ con, vì lo nó lưu lạc giữa đời. Như thế mà ông không thương nó sao? Như thế mà là không thương à?

+ Nhận nhầm Diễm Thương là Cải

- **Quyết tâm tìm kiếm con**

+ Lang bạt khắp nơi sau mỗi lần ca hát để nói vài lời với Cải

	+ Ăn trộm trâu để được lên Tivi tìm con b. Thàn - Nhớ nhà và cha ruột + Thàn muốn về nhà nhưng xấu hổ, sợ ông già cười khơ khơ, hỏi “Con ơi, mày nổi tiếng chưa mà trời đâu về đây rồi?” - Yêu thương ông Năm Nhỏ như cha đẻ của mình Sáng sau, ông Năm dúm vô tay Thàn ít tiền biếu” đưa con nhỏ về nhà”. Thằng Thàn nói: - Con không đành để tía lại một mình. - Thương Diễm Thương, số phận đau đớn của nhỏ + Tối đó, Thàn nằm gác tay lên trán, nói ”Mai một con dẫn nhỏ Diễm Thương về lạy ông già con à, tía Năm, tính thương chơi thôi nhưng bây giờ thành thiệt rồi + Thằng Thàn thấy cảnh người yêu tình bơ ngời trên đùi ông khách, buồn quá, bỏ đi uống rượu. c. Diễm Thương - Lạnh lùng, hay nói những lời lẽ đau lòng - Thờ ơ, không cảm xúc - Đau buồn khi không có nhà để về, có cha mẹ để tìm Con Diễm Thương bức lắm, nó gặp Thàn là đá ghé quăng ly, nó nói “ổng đừng mắc công tìm, con Cải chắc chết ngắc rồi. Sao tui thù con nhỏ đó quá trời, có nhà mà bỏ, có cha có mẹ mà không thèm... Cái thứ người đó, cho nó chết bờ chết bụi cũng đáng”. Rồi nó ghen ngào, “Còn tui, người ta đã quăng ở đây mười tám năm, tui chờ hoài mà có ai tìm đâu...”
--	---

	4. Sự cộng hưởng lời người kể và lời nhân vật - Lời người kể chuyện trong việc miêu tả những cử chỉ ngoại hình của ông Năm, Thành và Diễm Thương, tâm trạng cảm xúc của các nhân vật. - Lời của nhân vật là những đoạn đối thoại, hoặc câu văn bộc lộ suy nghĩ của các nhân vật. □ Tạo nên sức hấp dẫn cho truyện kể. Lối văn trần thuật giúp nhà văn kể chuyện một cách chân thực và hấp dẫn, làm cho người đọc hình dung ra được hành trình đi tìm con Cải của ông Năm.
3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP a. Mục tiêu hoạt động: Học sinh sơ đồ hóa nội dung và nghệ thuật của văn bản b. Nội dung thực hiện: GV giao nhiệm vụ - HS thực hiện yêu cầu	
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập Giáo viên giao nhiệm vụ sơ đồ hóa nội dung và nghệ thuật kể chuyện của Nguyễn Ngọc Tư, tìm kiếm thêm một tác phẩm khác và đọc phân tích Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh thực hiện nhiệm vụ Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh trình bày phần bài làm của mình Bước 4. Kết luận, nhận định GV chốt lại kiến thức cơ bản	Gợi ý đáp án 1. Nội dung: Nội dung của tác phẩm chủ yếu nói về lòng yêu thương của người cha, tình phụ tử thiêng liêng và đầy lòng yêu thương của con người đó cũng chính là giá trị nhân văn sâu sắc về tình cha trong xã hội qua đó đòi hỏi mỗi người cần yêu thương cha hơn trong cuộc sống. 2. Nghệ thuật: Miêu tả tâm lí nhân vật, kết hợp lời người kể chuyện và lời nhân vật để bộc lộ tâm trạng, hoàn cảnh số phận của từng nhân vật.
3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP a. Mục tiêu hoạt động: Học sinh liên hệ tới tình yêu thương những con người đồng cảnh ngộ, tình cha con,... b. Nội dung thực hiện: GV giao nhiệm vụ thảo luận về ý nghĩa của truyện	

Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập Giáo viên giao nhiệm vụ thảo luận về ý nghĩa của truyện	- Con người lao động với những hoàn cảnh và số phận khác nhau, nương tựa vào nhau trong hoàn cảnh khó đau
Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh thực hiện nhiệm vụ	- Họ đều trông vắng tình yêu thương và mất đi người thân, đều trong quá trình tìm kiếm người thân và hi vọng gặp lại
Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh trình bày phần bài làm của mình	- Ca ngợi tình cảm gia đình thiêng liêng, tình cha con sâu nặng,...
Bước 4. Kết luận, nhận định GV chốt lại kiến thức cơ bản	-... HS có thể liên hệ thêm nhiều ý nghĩa khác.

Phụ lục 1. Rubric đánh giá thảo luận nhóm

TIÊU CHÍ	CẦN CỐ GẮNG (0 – 4 điểm)	ĐÃ LÀM TỐT (5 – 7 điểm)	RẤT XUẤT SẮC (8 – 10 điểm)
Hình thức (2 điểm)	0 điểm Bài làm còn sơ sài, trình bày câu thả Sai lỗi chính tả	1 điểm Bài làm tương đối đầy đủ, chĩn chu Trình bày cẩn thận Không có lỗi chính tả	2 điểm Bài làm tương đối đầy đủ, chĩn chu Trình bày cẩn thận Không có lỗi chính tả Có sự sáng tạo
Nội dung (6 điểm)	1 - 3 điểm Chưa trả lời đúng câu hỏi trọng tâm Không trả lời đủ hết các câu hỏi gợi dẫn Nội dung sơ sài mới dừng lại ở mức độ biết và nhận diện	4 – 5 điểm Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn Trả lời đúng trọng tâm Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao	6 điểm Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn Trả lời đúng trọng tâm Có nhiều hơn 2 ý mở rộng nâng cao Có sự sáng tạo

Hiệu quả nhóm (2 điểm)	0 điểm Các thành viên chưa gắn kết chặt chẽ Vẫn còn trên 2 thành viên không tham gia hoạt động	1 điểm Hoạt động tương đối gắn kết, có tranh luận nhưng vẫn đi đến thông nhất Vẫn còn 1 thành viên không tham gia hoạt động	2 điểm Hoạt động gắn kết Có sự đồng thuận và nhiều ý tưởng khác biệt, sáng tạo Toàn bộ thành viên đều tham gia hoạt động
Điểm			
TỔNG			